

TẠP CHÍ

PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Số 132, tháng 7/2020

JOURNAL OF FIRE

ISSN 1859 - 4719



KỶ NIỆM 73 NĂM
NGÀY THƯƠNG BINH, LIỆT SỸ
(27/7/1947 - 27/7/2020)

KỶ NIỆM 58 NĂM
NGÀY TRUYỀN THÔNG
LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT NHÂN DÂN
(20/7/1962 - 20/7/2020)



TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY - BỘ CÔNG AN
THE UNIVERSITY OF FIRE - MINISTRY OF PUBLIC SECURITY

MER

MALARIA



Ban Giám hiệu và đại diện lãnh đạo các đơn vị Trường Đại học PCCC động viên Đội tuyển tham gia vòng Chung kết Hội thi Thể thao nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại Đà Nẵng.
Ảnh: Thái Thụy.



Thiếu tướng, TS. Lê Quang Bốn – Hiệu trưởng Trường Đại học PCCC trao Giấy khen cho các cá nhân đạt thành tích cao trong hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà trường năm học 2019 - 2020.
Ảnh: Hồng Vân.



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO BIÊN TẬP

TS. LÊ QUANG BỐN - Chủ tịch
PGS, TS. VŨ VĂN BÌNH - Ủy viên
TS. PHẠM VĂN NĂM - Ủy viên
TS. LÊ QUANG HẢI - Ủy viên
TS. NGUYỄN THANH HẢI - Ủy viên
ThS. BÙI DANH TUẤN - Ủy viên

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
Kiểm THƯ KÝ TÒA SOẠN
TS. PHẠM THỊ THOAN

TÒA SOẠN

243 Khuất Duy Tiến - Thanh Xuân - Hà Nội
ĐT/Fax: (04) 3553 7759
Email: tapchipccc@gmail.com
Website: daihocccc.edu.vn

THIẾT KẾ MỸ THUẬT
THÀNH THỊ PHƯƠNG NHUNG

In tại Công ty in Sao Việt
Địa chỉ: Số 9/40 Ngụy Như Kon Tum
Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

Giấy phép xuất bản số 512/GP-BTTTT
Bộ Thông tin và Truyền thông cấp
ngày 01/4/2008

Ảnh bìa:

Các đại biểu chụp ảnh lưu niệm tại Hội thảo Khoa học quốc tế "Vai trò của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH trong ứng phó với các vấn đề an ninh phi truyền thống".

TRONG SỐ NÀY

SỐ 132, THÁNG 7/2020

THỜI SỰ - CHÍNH TRỊ

5. NGUYỄN VĂN THÀNH: Chủ động ứng phó với nguy cơ thách thức của an ninh phi truyền thống trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0).
12. LÊ QUANG BỐN: Vai trò của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH trong ứng phó với các vấn đề an ninh phi truyền thống.
14. BAN TỔ CHỨC HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ: Giải pháp nâng cao vai trò của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH trong ứng phó với các vấn đề an ninh phi truyền thống.

KỶ NIỆM 58 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT NHÂN DÂN (20/7/1962 – 20/7/2020)

17. NGUYỄN MINH KHƯƠNG: Vai trò của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH trong công tác ứng phó với biến đổi khí hậu.

PHÁP LUẬT – NGHIỆP VỤ

20. HOÀNG NGỌC HẢI: Áp dụng pháp luật trong công tác đảm bảo an toàn về PC&CC đối với các cụm công nghiệp ở Việt Nam hiện nay.
23. NGUYỄN KIÊN CƯỜNG: Nâng cao hiệu quả thi hành quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động trong lĩnh vực PC&CC.

PHONG TRÀO TOÀN DÂN TÍCH CỰC THAM GIA CÔNG TÁC PCCC

27. PHẠM THỊ HỒNG – KHÚC QUANG TRUNG: Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức PCCC tại các cơ sở may mặc trong khu công nghiệp.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG CÔNG TÁC PCCC

30. PHẠM VĂN NĂM – BÙI VĂN VŨ: Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về PC&CC đối với chợ và trung tâm thương mại trên địa bàn Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

NGHIÊN CỨU – TRAO ĐỔI

33. LÊ QUANG HẢI: Công tác điều tra cơ bản về PC&CC đối với các khu dân cư hiện nay.
36. LÊ THỊ HỒNG HIỆP – TRẦN VĂN HUỖNH: Động lực học quá trình cháy trên dây dẫn điện lõi đơn với một lớp vỏ bọc cách điện.
40. VŨ THỊ THU HUYỀN: Ứng dụng giới hạn nồng độ bắt cháy trong công tác PCCC.
42. TRẦN VĂN DÂN: Một số vấn đề đặt ra trong đấu tranh phòng, chống tội phạm của Cảnh sát Cơ động trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc.

DIỄN ĐÀN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ

45. NGUYỄN THÀNH LONG: Ứng dụng mạng xã hội và bản đồ số để hỗ trợ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.
48. TRẦN KIM KHÁNH: Ứng dụng công nghệ số phục vụ thông tin liên lạc chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.



EDITORIAL DIRECTING COUNCIL

Dr. LE QUANG BON - Chairman
 Assoc. Prof., Dr. VU VAN BINH - Member
 Dr. PHAM VAN NAM - Member
 Dr. LE QUANG HAI - Member
 Dr. NGUYEN THANH HAI - Member
 M.A. BUI DANH TUAN - Member

DEPUTY EDITOR

EDITORIAL SECRETARY

Dr. PHAM THI THOAN

OFFICE

No. 243 Khuat Duy Tien Str, Thanh Xuan Dist. Ha Noi
 ĐT/Fax: (024) 3553 7759
 Email: tapchipccc@gmail.com
 Website: daihocpccc.edu.vn

DESIGNER

THANH THI PHUONG NHUNG

Printed at Sao Viet Company
 No. 9/40 Nguy Nhu Kon Tum
 Nhan Chinh - Thanh Xuan - Ha Noi

Publishing License

No.512/GP-BTTTT date 01/4/2008

Cover image

Delegates posing for photos at the International Conference "The Role of the Fire Police Force in Response to Non-traditional Security Threats".

INDEX

Issue no 132, 7/2020

NEWS - POLITICS

5. NGUYEN VAN THANH: Proactive response to the challenges and risks of non-traditional security in the fourth industrial revolution (4.0).
12. LE QUANG BON: The Fire Police Force's role in response to non-traditional security threats.
14. ORGANIZING COMMITTEE OF THE INTERNATIONAL CONFERENCE: Measures to enhance the Fire Police Force's role in response to non-traditional security issues.

IN CELEBRATION OF 58TH TRADITIONAL DAY OF THE PEOPLE'S POLICE FORCE (20/7/1962 – 20/7/2020)

17. NGUYEN MINH KHUONG: The Fire Police Force's role in response to climate change.

LAWS – PROFESSIONS

20. HOANG NGOC HAI: Implementation of laws in ensuring fire safety for industrial clusters in Vietnam currently.
23. NGUYEN KIEN CUONG: Improving the effectiveness in the implementation of Decisions on temporary suspension, suspension in the fire service.

THE MOVEMENT OF ALL PEOPLE'S PROACTIVE PARTICIPATION IN FIRE PREVENTION

27. PHAM THI HONG – KHUC QUANG TRUNG: Factors affecting fire safety education and dissemination of fire codes at garment manufacturing facilities in industrial zones.

IMPROVING THE EFFICIENCY OF STATE MANAGEMENT OVER FIRE PREVENTION AND FIGHTING

30. PHAM VAN NAM – BUI VAN VU: Improving the efficiency of state management on fire safety at markets and commercial centres in the city of Thanh Hoa - Thanh Hoa province.

RESEARCH – EXCHANGE

33. LE QUANG HAI: Fundamental investigation of fire safety at residential areas currently.
36. LE THI HONG HIEP – TRAN VAN HUYNH: Combustion dynamics on a single core conductor with an insulating sheath.
40. VU THI THU HUYEN: Application of flammability limit in the fire service.
42. TRAN VAN DAN: Issues posed in combating and preventing crimes taken by the Mobile Police task force in North-western provinces.

SCIENCE AND TECHNOLOGY FORUM

45. NGUYEN THANH LONG: Applying social network and digital maps in assisting firefighting and rescue operations.
48. TRAN KIM KHANH: Applying digital technology for communication in firefighting and rescue operations.

CHỦ ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI NGUY CƠ THÁCH THỨC CỦA AN NINH PHI TRUYỀN THỐNG TRONG CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ (4.0)

Thượng tướng, PGS, TS. NGUYỄN VĂN THÀNH

Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Thứ trưởng Bộ Công an

Tóm tắt: Thế giới đang bước vào thời kỳ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0), hy vọng nhân loại sẽ đạt được những thành tựu mới, đem đến cho con người cuộc sống với sự hài lòng cao về các chỉ số an ninh, an sinh, an toàn. Tuy vậy, cuộc cách mạng này cũng đặt ra những thách thức từ những nguy cơ an ninh phi truyền thống với 4 nhóm vấn đề lớn: môi trường suy thoái, biến đổi khí hậu, dịch bệnh và khủng bố quốc tế đối với mỗi quốc gia, nhất là các nước đang phát triển. Việt Nam - một nước đang phát triển, với nhiều thách thức về kinh tế, xã hội, khoa học, công nghệ và môi trường sinh thái. An ninh phi truyền thống gồm các mối đe dọa đến an ninh con người và xã hội một cách toàn diện cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh và môi trường sinh thái. Vì thế, nghiên cứu tìm giải pháp để chủ động giảm thiểu những nguy cơ thách thức đó là vấn đề cấp thiết hiện nay.

Từ khóa: an ninh phi truyền thống (ANPTT), cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0), phòng ngừa, ứng phó...

Abstract: The world is entering the fourth industrial revolution (4.0) with the hope that humanity will reach new achievements, enabling people to live with high satisfaction on indicators of security, welfare and safety. However, this revolution also poses challenges stemming from non-traditional security threats. These challenges are categorized into four major groups: environmental degradation, climate change, epidemics and international terrorism to every country, especially developing ones. Vietnam is one of such developing countries, facing many challenges in terms of socio-economy, science-technology, and ecological environment. Non-traditional security comprises comprehensive threats to human and social security in terms of politics, economy, culture, society, national defense - security and ecological environment. Therefore, research to find solutions to proactively mitigate the risk of these challenges is an urgent task.

Keywords: non-traditional security, the Fourth Industrial Revolution (4.0), prevention, response...

Ngày nhận bài: 10/5/2020; **Ngày thẩm định:** 20/5/2020; **Ngày duyệt đăng:** 05/7/2020.

1. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) những cơ hội và thách thức

Lịch sử loài người đã và đang trải qua các cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN): CMCN lần thứ nhất vào năm 1784 khởi nguồn từ nước Scotland đặc trưng là cơ khí hóa với máy chạy bằng thủy lực và phát minh ra động cơ hơi nước (phát minh này của James Watt công bố năm 1775) - kỷ nguyên sản xuất cơ khí. CMCN lần thứ hai từ năm 1871 - 1914 đặc trưng là động cơ điện,

vận tải, hóa học, sản xuất thép và sản xuất trên cơ sở điện cơ khí và sang giai đoạn tự động hóa và khởi nguồn từ Mỹ. CMCN lần thứ ba từ năm 1969 với sự ra đời của công nghệ thông tin (CNTT), sử dụng điện tử và CNTT để tự động hóa sản xuất, được xúc tác bởi chất bán dẫn, siêu máy tính, laptop (1970 và 1980), Internet (thập niên 1990) trung tâm và khởi nguồn từ Mỹ.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang diễn ra một cách nhanh chóng chưa từng có trong lịch sử từ năm 2011. Thuật

ngữ "Industrie 4.0" bắt đầu từ dự án trong chiến lược CNC của Chính phủ Đức, thuật ngữ được sử dụng lần đầu vào năm 2011 tại Hội chợ Hannover, chính thức nhận diện khái niệm, nội hàm tại Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) lần thứ 46, ngày 20/01/2016. Đặc trưng là điều khiển hệ và Robot, các hệ thống liên kết thể giới thực và thể giới ảo do: sự đột phá của khoa học, công nghệ dựa trên nền tảng công nghệ số tích hợp công nghệ "thông minh" để tối ưu hóa quy trình, phương thức sản xuất, nguy cơ an ninh phi truyền thống đòi hỏi tìm ra các giải pháp công nghệ, tối ưu hóa quá trình sản xuất theo hướng bền vững hơn; điểm "đòn bẩy" là: công nghệ in 3D, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa, Robot, công nghệ kết nối vạn vật (IoT) và Internet các dịch vụ (IoS).

Đặc trưng của cách mạng 4.0 là các hệ thống sản xuất thực - ảo (Cyber-Physical Systems-CPS), lần đầu tiên được Dr. Jame Truchat - Giám đốc Điều hành của National Instrument đưa ra vào năm 2006, trong đó thiết bị thông minh làm việc với nhau qua mạng không dây hoặc qua "đám mây". Cách mạng 4.0 đang phát triển với tốc độ cấp số nhân, chưa từng có tiền lệ trong lịch sử; trọng tâm là các phát minh, phát kiến và sự kết hợp của ba "đại xu hướng": vật lý, số hóa và sinh học hay là sự kết hợp của ba thế giới: thể giới vật chất, thể giới ảo (thế giới số) và thể giới sinh vật, đặc trưng là sự hợp nhất về mặt công nghệ, nhờ đó xóa bỏ ranh giới giữa các lĩnh vực vật lý, kỹ thuật số và sinh học, đem lại sự kết hợp giữa hệ thống ảo và thực thể.

Cuộc cách mạng lần thứ 4 (4.0), gồm 15 lĩnh vực chủ đạo: (1) Cơ sở dữ liệu tập trung (Big Data); (2) Thành phố thông minh (Smart Cities); (3) Tiền ảo (Blockchain/Bitcoin); (4) Trí tuệ nhân tạo AI (Artificial Intelligence); (5) Năng lượng tái tạo/Công nghệ sạch (Renewable Energy/Clean-tech); (6) Công nghệ màng mỏng (FinTech); (7) Thương mại điện tử (E-Commerce); (8) Người máy (Robotics); (9) Công nghệ in 3D (3D Printing); (10) Kết nối thực ảo (Virtual/Augmented Reality); (11) Các nền kinh tế chia sẻ (Shared Economies); (12) Internet kết nối vạn vật (IoT); (13) Công nghệ Nano/ Vật liệu 2D (Nanotechnology/2D Materials); (14) Công nghệ sinh học/Biến đổi gen và cách mạng nông nghiệp (Biotechnology/ Genetics & Agricultural Innovation); (15) Khử muối lọc nước ngọt từ nước biển và quản lý chất thải rắn (Desalination and Enhanced Waste Management).

Kỹ thuật số IoT (kết nối vạn vật) thông qua hệ thống các công nghệ kết nối và các nền tảng khác nhau. Là một phần tích hợp của Internet tương lai bao gồm các phát triển của Internet và mạng hiện tại và tiến hóa với cơ sở hạ tầng mạng động toàn cầu dựa trên giao thức liên kết và tương tác "vạn vật" hữu hình và ảo sử dụng các giao diện thông minh Smart được tích hợp vào mạng thông tin một cách thông suốt. Viễn cảnh IoT: *IoE: Internet năng lượng; IoS: Internet dịch vụ; IoM: Internet Truyền thông; IoP: Internet con người; IoT: Internet vạn vật*. IoT sẽ thay đổi cả phương thức hoạt động của một nền kinh tế tạo mô hình kinh doanh mới. Các siêu kết nối thông qua IoT và điện toán đám mây sẽ cho phép truyền thông tin và giao tiếp phổ quát toàn cầu và gần như tức thời, xuất hiện những cách thức cung cấp hàng hóa dịch vụ trước đây là điều không tưởng.

Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence) là hệ thống máy tính thể hiện hành vi với các chỉ số trí thông minh (Smart). Phân loại: Hệ thống có tư duy như con người (*mạng lưới thần kinh và kiến trúc nhận thức*); Hệ thống hành động như con người (*suy luận tự động*);

Hệ thống tư duy hợp lý (*suy luận, tối ưu hóa*); Hệ thống hành động hợp lý (*phần mềm thông minh, Robot đạt mục tiêu thông qua nhận thức xây dựng kế hoạch; giao tiếp, quyết định và hành động*). Thiết bị 4 rộng khắp: *cảm biến mọi nơi; kết nối mọi nơi; dữ liệu mọi nơi; dịch vụ mọi nơi*.

2. Những tác động của cuộc CMCN 4.0 đến đời sống xã hội

Quy mô tốc độ phát triển chưa từng có trong lịch sử, tốc độ phát triển cấp số nhân, tác động to lớn về kinh tế và môi trường sinh thái. Tiêu chí tốc độ lan truyền của công nghệ được sử dụng đạt ngưỡng 50 triệu người (điện thoại 75 năm, radio cần 38 năm, tivi cần 13 năm, Internet chỉ cần 4 năm, Facebook cần 3,5 năm). Về kinh tế tác động đến tiêu dùng, sản xuất, năng suất và giá cả. Bản đồ kinh tế thế giới, bản đồ sức mạnh của các doanh nghiệp cũng đang được vẽ lại. Thí dụ: công nghệ in 3D trị giá 3,1 tỷ USD/năm tăng 35% so với năm 2012; trong 6 năm tới sẽ tăng trung bình 32% đạt 21 tỷ USD vào năm 2020.

Cạnh tranh việc làm, theo diễn đàn kinh tế thế giới dự báo sẽ mất 5 triệu việc làm vào năm 2020. Theo WB đánh giá về Việt Nam: về chất lượng nhân lực đạt 3,79 điểm (thang điểm 10); đứng thứ 11/12 nước ở Châu Á tham gia xếp hạng. Chỉ số cạnh tranh nhân lực 4,3/10 điểm. Năng lực cạnh tranh 4,3/10: xếp hạng 56/133 nước. Nghiên cứu của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) dự báo rằng, trong 2 thập niên tới, khoảng 56% số lao động kỹ năng thấp, một số công việc hành chính, văn phòng tại 5 quốc gia Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam, có nguy cơ mất việc vì robot. "Robot cướp việc" con người đã đến Việt Nam: 90% công nhân ở một nhà máy Bình Dương đã phải nghỉ việc vì robot.

Theo ILO, 86% người lao động Việt Nam trong ngành dệt may - da giày và 3/4 lao động trong ngành điện - điện tử có thể phải đối mặt với nguy cơ mất việc làm cao do tự động hóa. Ở Đài Loan, Foxconn - doanh nghiệp đã giàu lên từ việc chuyên "dùng sức người" để gia công phụ kiện cho Apple, Sony và Nokia - vừa qua đã cắt giảm 60.000 công nhân (hơn một nửa lượng lao động hiện có) để thay thế bằng robot. Và câu chuyện tương tự hoàn toàn có thể xảy ra tại Samsung với hơn 100.000 công nhân hiện tại ở Việt Nam. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp/chứng chỉ 20,3%. Thiếu kỹ năng mềm: ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp, tác phong công nghiệp (trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp).

Tăng sức ép gia tăng dòng nhập cư, tự do hóa lao động, theo chứng chỉ nghề tổ chức lao động thế giới MRA, dòng lao động thông qua: hợp đồng ký với doanh nghiệp; doanh nghiệp trúng thầu, đầu tư; hợp đồng cá nhân.

Tác động lên chính quyền, cho phép công dân gắn kết với chính quyền hơn, tham gia rộng rãi hơn vào các hoạt động hoạch định chính sách. Sức mạnh công nghệ mới làm tăng khả năng kiểm soát của chính quyền; cho phép việc tương tác hai chiều giữa người dân và chính quyền, đồng thời tăng sức mạnh giám sát và lãnh đạo, điều tiết nền kinh tế, do vậy, sẽ tăng cường và đẩy nhanh sự minh bạch và hội nhập. Tuy nhiên, vai trò trung tâm thực hiện chính sách của chính quyền giảm đi bởi các nguồn cạnh tranh mới cũng như xu hướng tái sắp xếp và phân tán quyền lực được công nghệ mới hỗ trợ. Khả năng thích ứng với công nghệ mới của các cơ quan công quyền sẽ quyết định năng lực quản lý của họ. Chính quyền và các cơ quan quản lý của mình sẽ cần phối hợp chặt chẽ với doanh nghiệp và các hội, hiệp hội.

Tác động đối với doanh nghiệp, có bốn tác động chính: kỳ vọng của khách hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm, đổi mới hợp tác và các hình thức tổ chức. Các doanh nghiệp có thể khởi nghiệp dễ dàng hơn, vốn ít hơn trong khi mang lại lợi nhuận lớn trong thời gian ngắn hơn. Đối với các nhà sản xuất, sự du nhập các công nghệ tiên tiến giúp tạo ra các sản phẩm và dịch vụ mới, tăng hiệu quả sản xuất, thúc đẩy sáng tạo và phát triển của nền công nghiệp trong dài hạn. Chi phí vận chuyển và liên lạc giảm, dây chuyền cung cấp hiệu quả hơn, chi phí thương mại được giảm thiểu.

Đối với người tiêu dùng, phương thức tiêu dùng, thời gian tiếp cận sản phẩm sẽ thay đổi. Các hoạt động như tiêu dùng, sử dụng dịch vụ cơ bản đều có thể thực hiện từ xa. Thêm vào đó, người tiêu dùng được tiếp cận thông tin sản phẩm minh bạch hơn do áp lực duy trì lợi thế cạnh tranh giữa các nhà sản xuất.

Tác động đối với con người, con người có thể sẽ mất dần những năng lực tinh túy của mình như lòng trắc ẩn và sự cộng tác. Kết nối mạng liên tục có thể làm hủy hoại một trong những tài sản quý giá nhất của con người: giao tiếp trong thế giới thực, phản ánh và chiêm nghiệm cuộc sống... Mất khả năng kiểm soát dữ liệu cá nhân sẽ ngày càng dữ dội hơn. Những đột phá trong công nghệ sinh học và AI đang tái định nghĩa lại khái niệm thế nào là "con người" khi loài người dần có xu hướng bị "robot hóa".

Đặt ra những yêu cầu mới về kiến thức kỹ năng và tâm thế của người lao động. Những kiến thức và kỹ năng có thể chia thành 3 nhóm: các kiến thức và kỹ năng liên quan đến nhận thức, tư duy hệ thống, tư duy phản biện, kỹ năng thích nghi, kỹ năng sáng tạo; các kỹ năng về thể chất, kỹ năng ngôn ngữ, kỹ năng số, kỹ năng kết nối; các kỹ năng về xã hội, giao tiếp, ứng xử, tạo lập quan hệ, làm việc theo nhóm. Việc áp dụng tổng hòa những kiến thức kỹ năng và tâm thế để đổi mới sáng tạo quan trọng hơn nhiều so với những kiến thức, kỹ năng chuyên biệt trước đây.

Về kinh tế, thúc đẩy nền kinh tế thế giới chuyển sang kinh tế tri thức - sản xuất thông minh; làm "mở dần" tính chất giữa công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp; tác động đến tiêu dùng, sản xuất và giá cả; tác động tích cực đến lạm phát toàn cầu. Kinh tế thế giới bước vào giai đoạn tăng trưởng chủ yếu dựa vào động lực công nghệ và đổi mới sáng tạo, thay cho tăng trưởng chủ yếu dựa vào các yếu tố đầu vào truyền thống.

Cách mạng 4.0 đang vẽ lại bản đồ kinh tế trên thế giới, với sự suy giảm quyền lực của các quốc gia dựa chủ yếu vào khai thác tài nguyên và sự gia tăng sức mạnh của các quốc gia dựa chủ yếu vào công nghệ và đổi mới sáng tạo. Bản đồ sức mạnh của các doanh nghiệp cũng đang được vẽ lại: các tập đoàn lớn vang bóng một thời và thống lĩnh thị trường trong một giai đoạn dài đang bị các doanh nghiệp trẻ khởi nghiệp trong giai đoạn gần đây trong lĩnh vực công nghệ vượt mặt. Các công ty như: Google, Facebook... đang tăng trưởng nhanh, trong khi IBM, Microsoft, Cisco, Intel, hay một loạt các tập đoàn điện tử lớn của Nhật Bản đang phải trải qua một quá trình tái cơ cấu đầy khó khăn.

Về văn hóa, làm thay đổi bản sắc và tất cả những vấn đề liên quan đến bản sắc như sự riêng tư, ý thức về sự sở hữu, phương thức tiêu dùng, thời gian dành cho công việc, giải trí và cách thức phát triển sự nghiệp...

Tác động đến môi trường sinh thái là tích cực trong ngắn hạn và hết sức tích cực trong trung và dài hạn nhờ các công nghệ tiết kiệm năng lượng, nguyên vật liệu và thân thiện với môi trường. Các công nghệ giám sát môi trường cũng đang phát triển nhanh, đồng

thời còn được hỗ trợ bởi Internet kết nối vạn vật, giúp thu thập và xử lý thông tin liên tục 24/7 theo thời gian thực, ví dụ, thông qua các phương tiện như máy bay không người lái được kết nối bởi Internet được trang bị các camera và các bộ phận cảm ứng có khả năng thu thập các thông tin số liệu cần thiết cho việc giám sát.

Tác động đến an ninh, quốc phòng, một mặt làm sống công nghệ mới, công nghệ cao làm gia tăng các tội phạm công nghệ cao, vũ khí sinh học, vũ khí tự động... có tầm ảnh hưởng xuyên quốc gia. Mặt khác sẽ giúp tăng cường an ninh quốc gia dưới sự hỗ trợ đắc lực của công nghệ nếu hệ thống điều hành nhà nước đủ linh hoạt để quản lý, hợp tác chặt chẽ với các doanh nghiệp và công dân.

3. Xuất hiện thách thức từ an ninh phi truyền thống

Thuật ngữ "an ninh phi truyền thống" xuất hiện kể từ sau chiến tranh lạnh và được bàn nhiều trong thời gian gần đây (cho dù trong thực tế lịch sử, một số vấn đề được liệt vào an ninh phi truyền thống hiện nay đã xuất hiện hoặc vốn tồn tại từ rất lâu). Mỗi quốc gia, tổ chức quốc tế và khu vực có cách đặt vấn đề an ninh phi truyền thống khác nhau nhằm phục vụ cho việc hoạch định, xây dựng chính sách, chiến lược an ninh, nhưng về bản chất vẫn là một quan niệm về an ninh. An ninh phi truyền thống ra đời phản ánh sự thay đổi nhận thức của con người về an ninh và sự mở rộng nội hàm của khái niệm an ninh quốc gia. Nếu an ninh truyền thống coi an ninh quốc gia là bảo vệ đất nước trước các mối đe dọa hoặc tấn công quân sự cả từ bên ngoài và bên trong thì an ninh phi truyền thống ngoài việc phải bảo vệ chủ quyền quốc gia, còn bao gồm cả bảo vệ con người (cá nhân) và bảo vệ cộng đồng; nó mang tính xuyên quốc gia do những uy hiếp và cả những nhân tố phi chính trị, phi quân sự gây ra. Vì vậy, các mối đe dọa an ninh ngày càng mang tính đa dạng và phức tạp hơn, không đơn giản chỉ bó hẹp trong phạm vi một quốc gia, dân tộc nào, mà mang tính quốc tế cao.

Tại Hội nghị Thượng đỉnh lần thứ 6 giữa các nước thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và Trung Quốc ngày 01/11/2002, cụm từ "An ninh phi truyền thống" chính thức xuất hiện trong "Tuyên bố chung ASEAN - Trung Quốc về hợp tác trên lĩnh vực an ninh phi truyền thống". Sau đó được sử dụng rộng rãi, phổ biến trên nhiều diễn đàn quốc tế thảo luận về các vấn đề chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, xã hội trong chiến lược quốc phòng, an ninh của nhiều quốc gia và nhiều khu vực và trên thế giới.

Theo UN (Liên Hợp quốc) gồm 10 mối đe dọa: khủng bố, ma túy, hải tặc, rửa tiền, tin tặc, thảm họa môi trường, dịch bệnh, buôn người, di cư bất hợp pháp và cực đoan tôn giáo.

Tuy có nhiều cách tiếp cận khác nhau nhưng an ninh phi truyền thống có những đặc điểm cơ bản sau đây là những vấn đề đe dọa nghiêm trọng đến sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia, vùng lãnh thổ, thế giới. Làm gia tăng các hiểm họa từ tự nhiên, suy giảm chất lượng cuộc sống, đe dọa cuộc sống con người, tác động, ảnh hưởng đến sự ổn định, phát triển của xã hội. Không bó hẹp trong phạm vi một quốc gia mà tác động, ảnh hưởng trên phạm vi toàn thế giới. Liên quan đến nhiều lĩnh vực, đến những vấn đề an ninh truyền thống nhưng mở rộng hơn về mức độ đe dọa (cả trực tiếp, gián tiếp, trước mắt và lâu dài) với an ninh toàn cầu.

Có thể khẳng định, an ninh phi truyền thống trở thành chủ đề quan trọng, mối quan tâm lớn của các quốc gia trên thế giới, được nghiên cứu, bàn luận và được đề cập trong chiến lược quốc phòng, an ninh của nhiều quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, việc nhận thức và xác định các vấn đề an ninh phi truyền thống vẫn chưa có sự thống nhất. Trong tiếng Anh, "an ninh phi truyền thống"

(Nontraditional Security) được hiểu là những vấn đề an ninh phức tạp mang tính toàn cầu, một quốc gia không thể giải quyết được mà đòi hỏi phải có sự hợp tác, cộng đồng các quốc gia trên thế giới.

Các quan niệm này mặc dù còn có sự khác biệt về nhận thức, nhưng về cơ bản đều có những điểm tương đồng là: an ninh phi truyền thống không phải là an ninh quân sự, mà là an ninh tổng hợp, bao gồm: các mối đe dọa đến an ninh con người và xã hội một cách toàn diện cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh và môi trường sinh thái...

Tại Hội nghị của Liên đoàn Hệ thống thế giới (IFSR) tại Thành phố Linz (Austria) Áo có thành viên từ Việt Nam đã cùng thảo luận tham gia phân tích, đánh giá và tổng hợp có 28 rủi ro toàn cầu, gồm: thảm họa môi trường do con người gây ra; sụp đổ hệ sinh thái và biến mất đa dạng sinh học; khủng hoảng lương thực; khủng hoảng nguồn nước; giá năng lượng biến động đột biến; thảm họa do thiên tai tại các quốc gia, vùng lãnh thổ; biến đổi khí hậu, nước biển dâng, thời tiết, khí hậu cực đoan; thất bại trong ứng phó và giảm nhẹ thiên tai do tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng; thất bại trong quy hoạch và thực hiện quy hoạch đô thị; cơ sở hạ tầng thiết yếu bị thiệt hại; hậu quả xấu của các tiến bộ khoa học công nghệ; an ninh mạng và các hành động tấn công mạng; cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin quan trọng bị phá vỡ; AI (trí tuệ nhân tạo) gây thất nghiệp và thiếu việc làm; buôn lậu, tội phạm xuyên quốc gia; khủng hoảng tài chính, tín dụng đen; bong bóng bất động sản ở một số nền kinh tế; lạm phát mất quyền kiểm soát; giảm phát; thất bại của một số cơ chế, chính sách về tài chính hoặc đổ vỡ tổ chức tài chính, ngân hàng cốt lõi; bất ổn xã hội sâu sắc; khủng hoảng hay sụp đổ một số quốc gia; thất bại trong quản trị toàn cầu và quản trị quốc gia; vũ khí hủy diệt hàng loạt; di cư không tự nguyện quy mô lớn; tấn công khủng bố; xung đột giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ; gian lận dữ liệu và đánh cắp thông tin.

An ninh phi truyền thống mang tính xuyên quốc gia rõ nét. Những thách thức về an ninh phi truyền thống xuất hiện không chỉ là vấn đề riêng của mỗi quốc gia, mà có khả năng lan rộng một cách nhanh chóng cả về phạm vi và mức độ ảnh hưởng trong khu vực, thậm chí toàn cầu. Hiện nay, trong bối cảnh bùng nổ cách mạng khoa học, công nghệ, quá trình toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ đã làm cho biên giới địa lý giữa các quốc gia trở nên "mềm" hơn, dễ vượt qua hơn; mạng internet đã tạo ra một "thế giới ảo" với các xa lộ thông tin toàn cầu, hoàn toàn không còn biên giới ngăn cách.

An ninh phi truyền thống mang tính Phi Chính phủ, bởi trước hết nó không phải là sản phẩm do đường lối, chính sách của bất kỳ quốc gia nào, mà do một nhóm người, tổ chức nào đó gây ra như khủng bố quốc tế, tội phạm xuyên quốc gia...; hoặc là hậu quả do hành vi của con người gây ra như sự suy thoái môi trường, tài nguyên cạn kiệt... Nói cách khác, các lực lượng tạo nên những thách thức an ninh phi truyền thống đều không nhân danh nhà nước và không thách thức chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của bất cứ quốc gia nào, do đó, việc xử lý các mối đe dọa an ninh phi truyền thống không gắn với sự nghi kỵ và tranh chấp thường thấy trong an ninh truyền thống. Khác với an ninh truyền thống, nguồn gốc của thách thức an ninh phi truyền thống thường phức tạp, trong nhiều trường hợp là tổng hợp của nhiều nguyên nhân khác nhau nên rất khó dự báo trước cả về nguyên nhân, mức độ nguy hại. Những biện pháp đối phó thường chỉ được xác định khi con người đã nhận thức rõ được mức độ nguy hiểm và phạm vi tác động, nhưng khi đó, vấn đề thường đã vượt khỏi tầm kiểm soát.

An ninh phi truyền thống có sự chồng lấn tương đối giữa thách thức an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống, như: do tác động của biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường... (thuộc an ninh phi truyền thống) làm cho các nguồn tài nguyên ngày càng trở nên khan hiếm, cạn kiệt. Điều này có thể gây ra các cuộc xung đột vũ trang, nội chiến (là những nguy cơ an ninh truyền thống) và hậu quả của nó là dòng người tị nạn, đói nghèo, bệnh tật... diễn ra ở chính những nước tham chiến và cả các nước láng giềng xung quanh (là nguy cơ an ninh phi truyền thống).

An ninh phi truyền thống mang tính toàn cầu, tác động đến môi trường an ninh của nhiều nước mà không một quốc gia riêng lẻ nào có đủ tiềm lực cũng như khả năng đối phó. Vì vậy, để đối phó với những thách thức an ninh phi truyền thống, ngoài nỗ lực của mỗi quốc gia thì hợp tác và phối hợp hành động của các nước, các tổ chức quốc tế giữ vai trò quan trọng. Đặc biệt, do tác động của quá trình toàn cầu hóa làm gia tăng sự phụ thuộc lẫn nhau về an ninh giữa các nước, các khu vực và trên phạm vi toàn cầu, nên khi một vấn đề an ninh của một quốc gia nào đó có ảnh hưởng đến môi trường an ninh của một hay nhiều quốc gia khác, thì nó sẽ trở thành mối quan tâm chung của các nước và để giải quyết cần phải có sự hợp tác vì lợi ích an ninh chung của các bên có liên quan, kể cả việc phải cùng công khai, minh bạch hiện trạng của nguy cơ và thái độ hợp tác của các bên.

An ninh phi truyền thống có tính chất bạo lực và tính chất phi bạo lực. Tính chất bạo lực trong ANPTT có đặc trưng phi quân sự như: chủ nghĩa khủng bố, buôn lậu ma túy, tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia... Tính chất phi bạo lực như: các vấn đề ô nhiễm môi trường, sinh thái xấu đi, khủng hoảng tài chính - tiền tệ, bệnh dịch hoành hành, lũ lụt, thiên tai, cạn kiệt tài nguyên... tác động, uy hiếp trực tiếp sinh mệnh, đời sống xã hội của công dân các nước, an ninh toàn nhân loại, an ninh quốc gia, an ninh khu vực, cũng như an ninh toàn cầu, chỉ khác nhau về phương thức, mức độ, thời gian và hậu quả.

Vấn đề an ninh phi truyền thống thường được tích lũy tiềm tàng, dần hình thành, bùng phát đột xuất dưới hình thức khủng hoảng, từ đó lan tỏa mang tính toàn cầu (khủng hoảng tiền tệ, bệnh dịch SARS, sự kiện khủng bố 11/9/2001...).

Văn kiện Đại hội XI của Đảng Cộng sản Việt Nam nêu rõ: "Các yếu tố đe dọa an ninh phi truyền thống, tội phạm công nghệ cao tiếp tục gia tăng. Những vấn đề toàn cầu như: an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh... sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp". Nghị quyết Đại hội Đảng XII - Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 01/2016) đã đặt an ninh phi truyền thống bên cạnh an ninh truyền thống, chỉ ra một số vấn đề toàn cầu như: "an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, an ninh mạng, xung đột sắc tộc, tôn giáo, khủng bố". Đồng thời có lưu ý đến "các hình thái chiến tranh kiểu mới" với hàm ý khả năng chuyển hóa giữa an ninh phi truyền thống và an ninh truyền thống.

4. Tác động an ninh phi truyền thống đến các quốc gia

Suy thoái môi trường: Các thách thức an ninh phi truyền thống, điển hình như vấn đề an ninh môi trường không chỉ đe dọa an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh lương thực... mà còn là một trong những nguy cơ lớn đe dọa an ninh quốc gia và sự tồn vong của nhân loại. Thách thức này thường lan tỏa rất nhanh qua nhiều quốc gia và để lại những hậu quả lâu dài. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống không chỉ là vấn đề cấp bách, mà còn là

vấn đề thường xuyên, lâu dài, liên quan tới toàn nhân loại.

Một trong những biểu hiện của an ninh môi trường đó là vấn đề an ninh nguồn nước trên toàn cầu đang đứng trước nhiều thách thức, đe dọa. Trong lịch sử đã từng xảy ra nhiều cuộc xung đột, chiến tranh giữa các quốc gia do mâu thuẫn trong chia sẻ và kiểm soát nguồn nước như: tranh chấp lưu vực sông Jordan, lưu vực sông Tigris và Euphrates, lưu vực sông Nile, Indus, lưu vực sông Hằng, lưu vực sông Mê Kông... Theo thống kê của Dự án Các cuộc chiến tranh thế giới của Viện Thái Bình Dương (Mỹ), thế giới đã xảy ra 225 cuộc chiến tranh, xung đột liên quan đến tài nguyên nước. Trong đó, Châu Đại Dương có 3 cuộc xung đột, khu vực Mỹ La-tinh có 9 cuộc, Bắc Mỹ có 31 cuộc, Châu Phi có 36 cuộc, Châu Âu có 40 cuộc, Châu Á có 46 cuộc và nhiều nhất là khu vực Trung Đông với 60 cuộc xung đột. Đặc biệt, chỉ với hơn một thập niên đầu thế kỷ XXI, số cuộc xung đột gia tăng bằng 69% so với cả thế kỷ XX.

Khan hiếm tài nguyên nước đã được coi là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến bất ổn chính trị, xã hội ở nhiều khu vực trên thế giới và còn tiếp tục là nguyên nhân của xung đột trong tương lai. Xung đột tài nguyên nước giữa các quốc gia ngày càng gia tăng ở nhiều lưu vực sông. Khu vực Trung Đông là nơi liên tiếp xảy ra các cuộc xung đột do tranh chấp về nguồn nước, đặc biệt là ở lưu vực sông Jordan (thuộc Israel, Jordan, Lebanon, Syria, và Palestine) - một trong những điểm nóng về an ninh môi trường. Ở Việt Nam, sự khan hiếm, thiếu hụt nguồn nước do phụ thuộc vào các con sông xuyên biên giới là thách thức lớn nhất đối với an ninh nguồn nước, nhất là sông Mê Kông và sông Hồng, hai con sông chính của Việt Nam. Dưới tác động của hoạt động khai thác, sử dụng nguồn nước của các quốc gia ở thượng nguồn đã gây nên tình trạng khan hiếm nguồn nước, xâm nhập mặn, sạt lở hai bên bờ sông nhất là về là mùa khô.

Trong thư gửi nhân Ngày Nước Thế giới (21/3/2014), Liên Hợp Quốc đã đưa ra các cảnh báo nghiêm trọng về nguồn nước sạch trên toàn cầu. Cụ thể là 768 triệu người không được sử dụng nước sạch, có nghĩa là cứ 1 người trong 10 người trên thế giới không thể tiếp cận được nước sạch. Mỗi năm, thế giới có 700 ngàn trẻ em chết vì bệnh tiêu chảy do sử dụng nước bẩn. Hàng ngày có hàng triệu người phải đi nhiều giờ đồng hồ mới tiếp cận được nơi có nước an toàn. Liên Hợp Quốc cũng đưa ra cảnh báo do dân số tăng, nhu cầu phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển khiến nhu cầu sử dụng nước sạch và năng lượng tăng lên gấp đôi vào những thập niên tới. Đến năm 2050, nhu cầu nước trên toàn thế giới tăng lên khoảng 55%, và theo đó 40% dân số trên trái đất sẽ sống trong tình trạng khan hiếm, căng thẳng về nguồn nước.

Ô nhiễm đại dương và biển đang ngày càng trầm trọng, là vấn đề cả thế giới phải đối mặt. Hàng năm, loài người thải ra biển một lượng lớn dầu, các chất thải như kim loại nặng, thuốc trừ sâu, chất phóng xạ. Năm 2010, sự cố nổ giàn khoan của hãng dầu khí BP, ngoài khơi biển Louisiana, gần 5 triệu thùng dầu tràn vào khu vực Vịnh Mexico, phá hủy các hệ sinh thái. Năm 1987, Tổ chức Hòa Bình Xanh phát hiện tàu Matthias 2 của Anh đang đốt chất thải, thải vào không khí chất độc dioxin. Năm 1998, tàu Vulcanus của Tây Ban Nha bị phát hiện đốt 2000 tấn hóa chất độc hại tại biển Bắc. Rất nhiều nước công nghiệp trên thế giới vẫn đang coi đại dương là một bãi chôn lấp chất thải. Nước Anh dẫn chất thải bằng ống ngầm đổ ra biển Ailen, Mỹ đổ chất thải ra sông Tennessee. Một số nước phát triển như: Mỹ, Pháp đã thử bom nguyên tử và bom

khinh khí ngoài đại dương. Các hòn đảo và đảo san hô ở xa bờ biển phía Đông Nam Nhật Bản như Enewetak là nơi diễn ra 67 vụ thử bom nguyên tử của Mỹ trong giai đoạn từ 1946 - 1958. Giao thông đường biển phát triển cũng mang lại những nguy cơ như: sự cố tràn dầu hay ô nhiễm nguồn nước xuyên quốc gia.

Biến đổi khí hậu: Theo Báo cáo của Ban liên Chính phủ về biến đổi khí hậu, sự nóng lên toàn cầu hiện nay là chưa từng có và rất rõ ràng (trong khoảng 100 năm (1906 - 2005), nhiệt độ trung bình toàn cầu đã tăng khoảng 0,74°C, tốc độ tăng của nhiệt độ trong 50 năm gần đây gấp đôi so với 50 năm trước đó, nhiệt độ trung bình ở Bắc Cực tăng 1,5°C, ở đỉnh lớp băng vĩnh cửu ở Bắc bán cầu tăng 3°C); mực nước biển trung bình toàn cầu tăng 0,31m; diện tích biển băng trung bình năm ở Bắc Cực, Nam Cực, Greenland, Alaska đều giảm, có nơi giảm 4 lần.

Biến đổi khí hậu đã làm lượng mưa trên toàn cầu biến động mạnh mẽ, hạn hán xuất hiện thường xuyên; gia tăng các cơn bão mạnh, xuất hiện ngày càng nhiều hơn các cơn bão có quỹ đạo bất thường, hiện tượng El nino xuất hiện thường xuyên, cường độ mạnh hơn, gây phá hủy các hệ sinh thái, gia tăng nguy cơ tuyệt chủng một số loài, cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên, lương thực, nước ngọt; dịch bệnh phát triển, đe dọa nghiêm trọng an sinh xã hội, đời sống của người dân.

Theo thống kê, đã có 250 triệu người bị ảnh hưởng bởi những trận lũ lụt ở Nam Á, Châu Phi, Mexico; các nước Nam Âu đang đối mặt nguy cơ bị hạn hán nghiêm trọng; Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ xảy ra những trận bão lớn. Số lượng các trận bão, lốc cường độ mạnh, sức tàn phá lớn tăng lên, nhất là ở Bắc Mỹ, Tây Nam Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương, Bắc Đại Tây Dương.

Tại Việt Nam, biến đổi khí hậu biểu hiện rõ nhất qua: số cơn bão mạnh có chiều hướng tăng lên, quỹ đạo của bão dị thường; hạn hán có xu hướng mở rộng; xảy ra nhiều đợt nắng nóng, rét đậm rét hại kéo dài kỷ lục; tình trạng xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long xảy ra đầu năm 2016 nặng nề nhất trong 100 năm qua (11/13 địa phương công bố tình trạng thiên tai; gây thiệt hại trên 200.000ha lúa, trên 11.000ha nuôi trồng thủy sản và cây ăn quả, hơn 200.000 hộ gia đình thiếu nước sinh hoạt).

An ninh biển đảo, vùng bờ và địa dương: Rác thải nhựa thách thức ANPTT. Rác nhựa đủ phủ kín 4 lần diện tích trái đất. Khoảng 200 triệu tấn nhựa thải ra môi trường hoặc chuyển đến bãi chôn lấp. Một số lượng lớn rác thải được trút xuống đại dương mỗi năm từ 8 đến 13 triệu tấn. Đến 2025, lượng nhựa trong đại dương: 1 tấn nhựa/3 tấn cá. Đến 2050, lượng nhựa sẽ nhiều hơn cá trong đại dương. Rác thải nhựa dự kiến sẽ tăng gấp đôi trong 15 năm tới.

Tại các điểm du lịch sự ô nhiễm môi trường tăng lên ở mức báo động. Theo thống kê, Việt Nam hiện đứng thứ 4 trên thế giới về khối lượng rác thải nhựa. Việt Nam đã ban hành pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung và môi trường biển. Đây là vấn đề cấp bách nên Thủ tướng Chính phủ đã có Thư ngỏ số 161/LĐCP ngày 25/4/2019 kêu gọi chung tay hành động giải quyết ô nhiễm rác thải nhựa.

Cộng đồng quốc tế đang thực hiện các chương trình vận động giảm và hạn chế sử dụng túi nilon dùng một lần. Sử dụng vật liệu thay thế nhựa, tái chế nhựa thải. **Giải pháp của Việt Nam (5R):** tuyên truyền thay đổi thói quen sử dụng (Refuse); giảm thiểu (Reduce); tái sử dụng (Reuse); tái chế nhựa thải (Recycle); sử dụng các nguyên liệu tự hủy thay thế nhựa, nilon (Replace) thu gom, phân loại rác thải, hạn chế sử dụng túi nilon dùng một lần.

An ninh năng lượng: nội hàm ổn định cung ứng và sử dụng

năng lượng, góp phần duy trì sự phát triển bền vững. Theo dự báo, đến năm 2030 nhu cầu năng lượng sẽ tăng 60% so với năm 2005; ở các nước phát triển, nhu cầu về năng lượng tăng từ 3 - 3,5 lần so với OECD, trong đó Trung Quốc, Ấn Độ chiếm hơn 50%; đến 2020, Mỹ cần thêm 50% khí và 1/3 lượng dầu hiện nay. Tại Hội nghị Thượng đỉnh EU (2013), dự kiến đến 2035, EU phải nhập 80% lượng khí đốt, 90% dầu, 70% than đá. Đối với Việt Nam, tính trung bình mỗi năm, nhu cầu sử dụng năng lượng tăng gấp 2 nhưng đáp ứng trong nước chỉ đạt 60%; hiệu suất sử dụng năng lượng thấp, chỉ đạt 28 - 32% (thấp hơn từ 10% - 20% so với các nước phát triển). Hiện nay, Việt Nam đã bắt đầu phải nhập khẩu năng lượng (điện, than đá...). Những vấn đề đặt ra đối với an ninh năng lượng xuất phát từ: sự cạn kiệt các nguồn năng lượng truyền thống; sự gia tăng mức tiêu thụ năng lượng của các quốc gia; tình hình bất ổn ở các quốc gia Trung Đông; vấn đề an toàn vận chuyển trên biển.

An ninh lương thực là sự bảo đảm của mỗi quốc gia về nguồn cung cấp lương thực. Thế giới đã trải qua cuộc khủng hoảng lương thực năm 2008, đặt ra vấn đề an ninh lương thực trong ổn định và phát triển. Hiện nay, 1/5 dân số thế giới trong diện đói nghèo; kết quả nghiên cứu cho thấy nhiệt độ trái đất ấm lên 1°C thì sản lượng trên ruộng lúa giảm 10%, trực tiếp đẩy 50 triệu người trên thế giới vào cảnh đói nghèo trong vài thập kỷ tới. Bên cạnh đó, trong bối cảnh các nguồn năng lượng hóa thạch trở nên khan hiếm, nhiều nước đã sử dụng cây lương thực làm nhiên liệu sạch.

Trong tương lai gần, nguy cơ đe dọa trực tiếp đối với an ninh lương thực của Việt Nam là vấn đề thiếu nước từ sông Mê Kông. Hiện nay trên thượng nguồn sông Mê Kông, Trung Quốc xây dựng 14 đập thủy điện tác động rất lớn đến tình hình kinh tế, xã hội các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (khu vực chiếm 47% diện tích trồng lúa, 56% sản lượng lương thực, 90% lượng gạo xuất khẩu, 60% sản phẩm thủy sản xuất khẩu của Việt Nam), tác động trực tiếp đến an ninh lương thực của thế giới.

Đồng bằng sông Cửu Long đang "chìm" dần: theo Viện Nghiên cứu CC (biến đổi khí hậu) phối hợp với Trường Đại học Utrecht Nederland qua nghiên cứu cho thấy: lún khoảng 2cm/ mỗi năm, nơi có độ lún lớn nhất là Cà Mau; trong 25 năm (1991 - 2016) lún sụt 18cm.

An ninh nguồn nước: Trái đất có khoảng 1,4 tỷ km³ nước, trừ nước mặn, nước đóng băng, nước ở sâu dưới lòng đất không thể khai thác được, chỉ còn 0,02% phục vụ con người, lại phân bố không đồng đều (dân số Mỹ chiếm 4% sở hữu 8% lượng nước toàn cầu, dân số Trung Quốc chiếm 22% sở hữu 7% lượng nước toàn cầu). Theo báo cáo của WB, có hơn 80 quốc gia đối mặt với khủng hoảng tài nguyên nước; ô nhiễm nước ngày càng mở rộng (hàng năm trên toàn cầu, nước ô nhiễm thải ra các dòng sông khoảng 400 tỷ tấn, nước ngọt đã bị ô nhiễm 5.500 tỷ m³, tương đương với trên 14% tổng lượng các dòng sông chảy trên thế giới, ¼ số hồ của Trung Quốc bị ô nhiễm, hàng ngàn hồ ở Thụy Điển bị axit hóa, ¾ lượng nước sông của Ba Lan bị ô nhiễm; nhiều dòng sông lớn bị khô cạn, đứt dòng (sông Colorado - Mỹ, Hoàng Hà - Trung Quốc, sông Hằng). Theo thống kê của WHO, hiện có khoảng 1 tỷ người không có nước sạch để dùng, 80% bệnh tật do uống nước không sạch gây nên, làm chết hơn 10 triệu người mỗi năm.

Theo số liệu được công bố tháng 3/2015 tại Báo cáo Phát triển nước thế giới, trái đất sẽ phải đối mặt với tình trạng thiếu hụt 40% nguồn cung cấp nước trong 15 năm tới. Nguyên nhân uy hiếp an ninh nguồn nước toàn cầu: lượng nước tiêu thụ chưa từng thấy

(đầu thế kỷ XX, dân số thế giới là 1,6 tỷ người, năm 2001 là 6,1 tỷ người, lượng nước dùng tăng 10 lần trong khi lượng tài nguyên nước bình quân đầu người giảm ¼ so với đầu thế kỷ XX); lãng phí nghiêm trọng; khai thác quá độ nguồn nước ngầm, xây dựng các đập, gây ra thảm họa hạn hán lũ lụt (70 năm qua, Mexico City bị lún hơn 10m do khai thác quá mức nước ngầm); biến đổi khí hậu (theo tính toán của các nhà khoa học, nhiệt độ bình quân tăng 1°C thì vĩ độ ôn đới địa cầu xa thêm xích đạo 100 hoặc 200km, theo đó khu vực hạn hán mở rộng hơn).

Theo UN, trong nửa thế kỷ lại đây, có hơn 500 cuộc xung đột vì nguồn nước, trong đó 27 cuộc đã trở thành xung đột vũ trang. Ngân hàng Thế giới xác định toàn thế giới có hơn 70 điểm nóng có thể do nước mà dẫn tới xung đột, gồm: sông Jordan, sông Tigris và sông Euphrates, sông Nile, sông Hằng, sông Mê Kông, sông Colorado, sông Paraha.

Các nước Lào, Campuchia, Việt Nam, Thái Lan đối mặt với vấn đề thiếu nước do Trung Quốc xây dựng 14 đập thủy điện trên thượng nguồn sông Mê Kông. Tổng lượng nước của Việt Nam khoảng 800 tỷ mét khối, trong đó 63% bắt nguồn từ nước ngoài. Sông Mê Kông có tổng lượng dòng chảy chiếm 59% tổng dòng chảy cả nước, trong đó 95% lượng nước mặt chảy về từ Trung Quốc; sông Hồng chiếm 14,9%, trong đó 40% lượng nước mặt chảy về từ Trung Quốc...

Việt Nam hiện đang nằm trong nhóm các quốc gia thiếu nước (lượng nước mặt bình quân đầu người hiện là 3.850m³/năm, thấp hơn ngưỡng 4.000m³/người/năm do Hội Tài nguyên nước quốc tế quy định). Nguồn nước ngầm sụt giảm mạnh, tình trạng sụt lún đất ngày càng xảy ra phổ biến (có tới 60% diện tích mặt đất Cà Mau ở dưới cao trình +0,5m và với tốc độ lún này, 15 năm nữa, Cà Mau sẽ thấp hơn mực nước biển).

Những yếu tố phức tạp đe dọa an ninh nguồn nước Việt Nam: ngoài các nguyên nhân chung, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực ở Việt Nam phụ thuộc rất lớn vào cách hành xử có trách nhiệm của các quốc gia thượng nguồn, nhất là sông Mê Kông. Nhiều đập, hồ chứa Trung Quốc, Lào, Thái Lan xây dựng trên sông Mê Kông đang đe dọa trực tiếp đến cuộc sống của hàng chục triệu người dân Đồng bằng sông Cửu Long.

An ninh môi trường: Ngoài biến đổi khí hậu, tranh chấp tài nguyên nước, an ninh môi trường đang bị đe dọa từ sự dịch chuyển ô nhiễm xuyên quốc gia (từ năm 2003 đến nay, lực lượng chức năng Việt Nam phát hiện gần 3.000 container chứa hàng chục nghìn tấn rác - quy chì phế thải và chất thải công nghiệp các loại nhập trái phép vào các cảng), sự gia tăng tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường. Ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, nước biển dâng (một người Hi Lạp đã từng nói: Khi trái núi cuối cùng bị tàn phá, cái cây cuối cùng bị chặt, con người cuối cùng bị diệt vong); "Phát triển hiện tại, triệt đường sống của con cháu trong mai sau".

Trên thế giới, năm 1932 - 1968, một thảm họa nước biển nhiễm độc xảy ra tại Nhật Bản do Nhà máy Hóa chất Chisso xả trực tiếp nước thải chứa thủy ngân chưa qua xử lý ra vịnh Minamata và biển Shiranui, hậu quả kéo dài 36 năm sau, gần 2.000 người chết, 10.000 người bị ảnh hưởng, cá biển chết phủ kín mặt biển.

Tháng 11/1998, Formosa đưa 5.000 tấn chất thải có nồng độ thủy ngân vượt quá 20.000 lần giới hạn an toàn cho phép tới thị trấn ven biển Sihanoukville, Campuchia. Năm 2010, sự cố nổ giàn khoan của hãng dầu khí BP, ngoài khơi biển Louisiana, gần 5 triệu thùng dầu tràn vào khu vực vịnh Mexico, phá hủy các hệ sinh thái.

Tại Việt Nam, tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường diễn ra phổ biến, điển hình sự cố Formosa ảnh hưởng đến đa dạng sinh học, thủy sinh chết, rừng mưa nhiệt đới bị tàn phá, dẫn đến 04 tỉnh miền Trung Việt Nam hiện tại không thể đánh bắt thủy, hải sản ven bờ theo tập quán, trong khi điều kiện, phương tiện, trình độ đánh bắt xa bờ còn hạn chế.

Do tác động của biến đổi khí hậu và hậu quả của ô nhiễm môi trường trên thế giới làm phát sinh nhiều loại dịch bệnh nguy hiểm như: dịch bệnh Ebola (thế giới ghi nhận 28.634 trường hợp mắc Ebola, 11.314 trường hợp tử vong tại 10 quốc gia), dịch cúm A (hiện nay, Trung Quốc đang đối mặt với dịch cúm H7N9), dịch bệnh do virus Zika (lan truyền từ Braxin đến 73 quốc gia).

Do tác động của biến đổi khí hậu và hậu quả của ô nhiễm môi trường trên thế giới làm phát sinh nhiều loại dịch bệnh nguy hiểm như: dịch bệnh Ebola (thế giới ghi nhận 28.634 trường hợp mắc Ebola, 11.314 trường hợp tử vong tại 10 quốc gia), dịch bệnh do virus Zika (lan truyền từ Braxin đến 73 quốc gia), dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Sars đã cướp đi sinh mạng của 8.600 người vào năm 2007 hay dịch bệnh truyền nhiễm Ebola ở Tây Phi đã cướp đi sinh mạng của 8.600 người vào năm 2014... Đặc biệt trong thời gian qua, thế giới đang đối diện với dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-19 bắt đầu xuất hiện ở Vũ Hán, Trung Quốc từ đầu tháng 12/2019, hiện đã lan ra gần 190 quốc gia và vùng lãnh thổ, đã cướp đi sinh mạng của hơn 320.000 người trên toàn thế giới trong số 5,0 triệu người nhiễm.

5. Kế hoạch hành động nhằm chủ động phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó với nguy cơ thách thức của an ninh phi truyền thống trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0)

Một là: Quán triệt nghiêm túc và thực hiện tốt quan điểm của Đảng “Chủ động xây dựng, triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai cho từng giai đoạn”. Khắc phục triệt để sơ hở, thiếu sót trong việc kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh, văn hóa tại các địa bàn, nhất là địa bàn chiến lược, bảo đảm sự phát triển bền vững. Tăng cường bảo đảm an sinh, thực hiện công bằng xã hội, xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, sức khỏe của nhân dân và tăng cường quốc phòng, an ninh... là những vấn đề cơ bản, tạo nền tảng vững chắc cho việc đối phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống trước tác động của cách mạng công nghiệp 4.0. Đây là nhiệm vụ có ý nghĩa quyết định trong việc chủ động ứng phó với các mối đe dọa đến an ninh phi truyền thống ở cấp độ quốc gia.

Hai là: Nâng cao chất lượng công tác phân tích dự báo tình hình, nhất là việc cảnh báo thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu; kiên quyết giữ vững ổn định chính trị, kinh tế, xã hội trong mọi tình huống; đẩy mạnh quan hệ với các nước láng giềng, xây dựng đường biên giới trên bộ hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển. Đề cao trách nhiệm của cá nhân, tổ chức các ngành, các cấp, lực lượng vũ trang trong phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; các địa bàn trọng điểm, trên sông trên biển, vùng bờ và địa dương. Chủ động xây dựng kế hoạch, phương án phòng, chống, khắc phục hậu quả; tổ chức luyện tập, diễn tập theo các phương án đã được phê duyệt. Chú trọng đầu tư, chuẩn bị cả về con người và phương tiện, sẵn sàng

xử lý kịp thời các tình huống xảy ra, đặc biệt chủ động trong các tình huống dịch bệnh, thảm họa, thiên tai.

Ba là: Chú trọng nâng cao ý thức, trách nhiệm cho mọi tầng lớp nhân dân về bảo vệ Tổ quốc, đáp ứng yêu cầu phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0. Quán triệt, giáo dục sâu rộng mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc theo Nghị quyết Đại hội XII của Đảng cho toàn xã hội, tập trung vào địa bàn trọng điểm, chiến lược về quốc phòng, an ninh, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo. Tổ chức nghiên cứu, đề xuất, triển khai các giải pháp ứng phó với mối đe dọa an ninh phi truyền thống, những nguy cơ rủi ro từ tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 để làm cơ sở giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cả hệ thống chính trị.

Bốn là: Đẩy mạnh mô hình hợp tác công tư (PPP - Private public and partnership) trong việc chủ động ứng phó với thách thức an ninh phi truyền thống theo hướng huy động mọi tầng lớp nhân dân, các doanh nghiệp, nhà đầu tư... tham gia. Phân cấp, phân nhiệm rõ ràng cho các cấp, ngành, địa phương trong tổ chức lực lượng toàn dân và huy động cơ sở vật chất tại chỗ, kết hợp với cơ động lực lượng, phương tiện từ nơi khác đến, nhằm đối phó kịp thời, hiệu quả. Phối hợp chặt chẽ các lực lượng ứng phó với những thách thức an ninh phi truyền thống từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trên từng địa bàn, khu vực, chú trọng vùng biên giới, hải đảo, dân tộc thiểu số. Quá trình thực hiện, phải tập trung cao độ sự lãnh đạo, chỉ huy, điều hành, bảo đảm thống nhất, liên tục, coi đây là yếu tố tiên quyết thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quan trọng này. Đầu tư cơ sở vật chất, trang bị phương tiện cho các lực lượng có liên quan để chủ động trong việc phòng ngừa và ứng phó tốt với các tình huống bất ngờ do các mối đe dọa an ninh phi truyền thống gây ra như: tình hình dịch bệnh, ô nhiễm môi trường.

Năm là: Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế các nước trong khu vực và toàn cầu, tăng cường kết nối nâng cao khả năng ứng phó với thách thức an ninh phi truyền thống. Tập trung đầu tư thích đáng, sử dụng hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế cho các công trình trọng điểm quốc gia, các chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức quốc tế, cơ quan an ninh, cảnh sát của các nước trong vấn đề an ninh phi truyền thống, đấu tranh phòng, chống khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, thiết lập hành lang pháp lý, xây dựng các cơ chế hợp tác. Chú trọng hợp tác với các nước ASEAN trong đào tạo, huấn luyện, diễn tập, khắc phục hậu quả thảm họa, thiên tai, hỗ trợ nhân đạo; đối phó với biến đổi khí hậu, thảm họa thiên nhiên bằng các chương trình, kế hoạch cụ thể, phù hợp... góp phần giảm thiểu tác động của các thách thức an ninh phi truyền thống từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Tóm lại, an ninh phi truyền thống xuất hiện và cùng phát triển với xã hội loài người, tác động tiêu cực không loại trừ quốc gia nào, đặc biệt khi cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang phát triển hết sức mau lẹ và mạnh mẽ hiện nay. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống không chỉ đe dọa đến an ninh quốc gia trong phạm vi một nước hoặc nhiều nước, mà còn đe dọa đến toàn thể nhân loại, đòi hỏi phải có sự nhận thức sâu sắc từ các cấp lãnh đạo, các bộ, ngành, nỗ lực hợp tác hành động của nhiều quốc gia để ứng phó có hiệu quả với các thách thức an ninh phi truyền thống.

(Xem tiếp trang 16)

VAI TRÒ CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ TRONG ỨNG PHÓ VỚI CÁC VẤN ĐỀ AN NINH PHI TRUYỀN THỐNG

Thiếu tướng, TS. LÊ QUANG BÓN

Hiệu trưởng Trường Đại học PCCC

Tóm tắt: Trong những năm gần đây, khi Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế sâu, rộng, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thì công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc phải đối mặt với nhiều nguy cơ thách thức mới. Trong đó, vấn đề an ninh phi truyền thống (ANPTT) đang là một trong những mối đe dọa, ảnh hưởng trực tiếp, nghiêm trọng đến vấn đề đảm bảo an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, trong đó có công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH); đặt ra nhiều yêu cầu, nhiệm vụ mới cho lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH. Nghiên cứu, nhận diện rõ những nguy cơ, thách thức ANPTT đặt ra cho lĩnh vực PCCC&CNCH ở Việt Nam hiện nay từ đó xác định các giải pháp phòng ngừa, ứng phó là rất cần thiết trên cả phương diện lý luận và thực tiễn là yêu cầu cấp thiết đặt ra.

Từ khóa: an ninh phi truyền thống, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Abstract: Over the last few years as Vietnam has been undertaking its reform and comprehensive international integration, building a socialist-oriented market economy, the national construction and defense face a number of novel challenges. Particularly, issues of non-traditional security are one of the threats, directly and seriously affecting national security and social order and safety, including fire prevention, fighting and rescue; presenting new requirements and tasks for the Fire Police Force. It is urgent to study and identify threats and challenges concerning non-traditional security posed to the field of fire and rescue, thereby determining preventive and response solutions that are essential in both theoretical and practical terms.

Keywords: non-traditional security, firefighting, fire prevention, rescue.

Ngày nhận bài: 20/6/2020; **Ngày thẩm định:** 30/6/2020; **Ngày duyệt đăng:** 05/7/2020.

Việc nhận thức và xác định các vấn đề an ninh phi truyền thống vẫn chưa có sự thống nhất. Trong tiếng Anh, “an ninh phi truyền thống” (Nontraditional Security) được hiểu là những vấn đề an ninh phức tạp mang tính toàn cầu. “An ninh phi truyền thống” hay còn gọi là “an ninh mới”, “mối đe dọa phi truyền thống”, “vấn đề phi truyền thống”... là một loại quan niệm an ninh mới, bao gồm an ninh quốc gia và an ninh của con người, lấy an ninh nhân loại làm trọng. Những thách thức về an ninh phi truyền thống xuất hiện không chỉ là vấn đề riêng của mỗi quốc gia, mà có khả năng lan rộng một cách nhanh chóng cả về phạm vi và mức độ ảnh hưởng trong khu vực, thậm chí toàn cầu, một quốc gia không thể giải quyết được mà đòi hỏi phải có sự hợp tác, cộng đồng các quốc gia trên thế giới. An ninh phi truyền thống là việc bảo đảm an toàn, không có hiểm nguy cho cá nhân con người, quốc gia dân tộc và toàn nhân loại trước các mối đe dọa có nguồn gốc phi quân sự.

Các quan niệm về ANPTT mặc dù còn có sự khác biệt về nhận thức, nhưng về cơ bản đều có những điểm tương đồng là:

Về nhận diện ANPTT: ANPTT không phải là an ninh quân sự, mà là an ninh tổng hợp, bao gồm: các mối đe dọa đến an ninh con người và xã hội một cách toàn diện cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh và môi trường sinh thái... Đó là các vấn đề: tội phạm xuyên quốc gia, khủng bố, an ninh mạng và tội phạm sử dụng công nghệ cao, biến đổi khí hậu và thảm họa thiên tai, an ninh môi trường, an ninh năng lượng, an ninh tài chính tiền tệ, an ninh lương thực, an ninh thông tin, di cư bất hợp pháp, dịch bệnh, buôn bán ma túy...

Về phân loại: ANPTT có thể phân chia ra gồm hai loại: ANPTT có tính chất bạo lực gồm những vấn đề như chủ nghĩa khủng bố, buôn lậu ma túy, tội phạm có tổ chức...; ANPTT có tính chất phi bạo lực bao gồm ô nhiễm môi trường sinh thái, khủng hoảng tài chính tiền tệ, các bệnh dịch...

Về đặc điểm: ANPTT mang tính xuyên quốc gia rõ nét, tính phi chính phủ; có sự chồng lấn tương đối giữa thách thức an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống; mang tính toàn cầu; có tính chất bạo lực và tính chất phi bạo lực; thường được tích lũy tiềm tàng.

Về tính chất: ANPTT có tính toàn cầu, tính đa dạng, tính bộc phát, tính chuyển hóa, tính nội tại và lan tỏa nhanh.

An ninh phi truyền thống có quan hệ trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt cộng đồng xã hội, đến toàn nhân loại. Chính vì thế, Văn kiện Đại hội XI của Đảng Cộng sản Việt Nam nêu rõ: “Các yếu tố đe dọa an ninh phi truyền thống, tội phạm công nghệ cao tiếp tục gia tăng. Những vấn đề toàn cầu như: an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh... sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp”. Nghị quyết Đại hội Đảng XII - Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 01/2016) đã đặt ANPTT bên cạnh an ninh truyền thống, chỉ ra một số vấn đề toàn cầu như: “an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, an ninh mạng, xung đột sắc tộc, tôn giáo, khủng bố”.

Những nguy cơ, thách thức ANPTT đặt ra cho lĩnh vực PCCC&CNCH ở Việt Nam hiện nay nhiều vấn đề cần giải quyết như: ô nhiễm môi trường; sự bùng nổ dân số, vấn đề di dân tại các thành phố lớn; biến đổi khí hậu, hạn hán, lũ lụt, ngập úng, bão, lốc, động đất, sóng thần; khủng bố, biểu tình, gây rối trật tự công cộng; tội phạm công nghệ cao, sử dụng công nghệ cao, tấn công mạng; dịch bệnh...

Để phòng ngừa, ứng phó với các mối đe dọa ANPTT đòi hỏi phải huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị. Trong đó vấn đề xây dựng lực lượng CAND chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại có vai trò rất quan trọng. Là một bộ phận của lực lượng CAND, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH cũng cần phải được quan tâm, chú trọng, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra trong ứng phó với các vấn đề ANPTT. Tuy nhiên, công tác đào tạo nguồn nhân lực PCCC&CNCH nhằm ứng phó với các vấn đề ANPTT của Trường Đại học PCCC hiện nay vẫn còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế nhất định. Bộ Công an chưa có hướng dẫn cụ thể về việc đưa nội dung ANPTT vào giảng dạy bắt buộc trong các trường CAND nên chưa có định hướng cụ thể cho nhà trường trong việc xây dựng nội dung, chương trình đào tạo, hệ thống lý luận, sách, giáo trình, tài liệu về ANPTT ở Việt Nam nói chung và các Trường CAND nói riêng còn hạn chế. Đội ngũ giáo viên, cán bộ nghiên cứu khoa học của nhà trường chưa được tiếp cận nhiều về ANPTT, chưa quan tâm nghiên cứu nhiều vấn đề này, có những vấn đề ANPTT đòi hỏi lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH rất cần phải quan tâm và ứng phó nhưng chưa được nghiên cứu, bổ sung vào nội dung, chương trình đào tạo...

Các thách thức ANPTT tác động đến lĩnh vực PCCC&CNCH như trên đòi hỏi các nước cần có sự phối hợp hành động để giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực có thể xảy ra. Đòi hỏi lực lượng PCCC&CNCH trên thế giới cần phối hợp hành động nhằm giảm thiểu tác động của ANPTT giữa các nước; phối hợp trong việc chia sẻ thông tin, đưa ra những cảnh báo sớm về những vấn đề liên quan đến ANPTT tác động đến công tác PCCC&CNCH có tính lan tỏa xuyên biên giới, toàn cầu; phối hợp trong hành động ứng phó với các mối đe dọa ANPTT; mỗi quốc gia cần xây dựng một kế hoạch hành động cụ thể trên cơ sở nội dung thống nhất chung với các quốc gia khác; cần phải có chính sách ưu tiên trong việc giải quyết các vấn đề ANPTT tác động đến công tác PCCC&CNCH toàn cầu; cần tiếp tục nghiên cứu, góp ý kiến để hoàn thiện khung pháp lý đầy đủ cho từng lĩnh vực thuộc nội dung của ANPTT tác động đến công tác PCCC&CNCH; lực lượng PCCC&CNCH các quốc gia phát triển cần hỗ trợ các quốc gia khác, nhất là lực lượng PCCC&CNCH các nước đang phát triển về công nghệ, tài chính, kết cấu hạ tầng, kinh nghiệm quản lý... trong việc phòng ngừa, ứng phó với các mối đe dọa ANPTT, nhất là các vấn đề môi trường, biến đổi khí hậu, ứng phó thảm họa thiên tai có tính toàn cầu...

Trước những tác động, nguy cơ, mối đe dọa đó của ANPTT, tình hình cháy, nổ, sự cố, tai nạn, thảm họa thiên tai, ô nhiễm môi trường ngày càng diễn biến phức tạp, khó lường, đặt ra nhiều vấn đề cho lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH cần phải giải quyết trong thời gian tới; Hội thảo khoa học quốc tế “Vai trò của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH trong ứng phó với các vấn đề an ninh phi truyền thống” nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cấp thiết đặt ra.

“Vai trò của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH trong ứng phó với các vấn đề an ninh phi truyền thống” là vấn đề nóng đang được toàn xã hội và lực lượng PCCC&CNCH quan tâm. Qua những phân tích trên, có thể thấy, “vai trò của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH trong ứng phó với các vấn đề an ninh phi truyền thống” còn nhiều vấn đề cấp thiết đặt ra, cần được quan tâm, thảo luận và giải quyết. Hội thảo này là diễn đàn của những chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực PCCC&CNCH, những nhà nghiên cứu lý luận và những người đã có nhiều kinh nghiệm trong thực tiễn công tác trên lĩnh vực PCCC&CNCH ở nước ta.

Ban Tổ chức Hội thảo đã nhận được 98 báo cáo khoa học của các tác giả là những nhà lãnh đạo, quản lý, chuyên gia, cán bộ, sỹ quan trong và ngoài lực lượng CAND Việt Nam và các học giả quốc tế (có 18 bài viết của các học giả quốc tế). Các báo cáo khoa học được trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt - tiếng Anh hoặc tiếng Nga - tiếng Việt), phản ánh chân thực, chính xác kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học, được biên tập, thẩm định độc lập theo quy trình chặt chẽ, tiếp thu và chỉnh sửa nghiêm túc theo ý kiến góp ý của các nhà khoa học trong Hội đồng phản biện độc lập; các nguồn tài liệu tham khảo, tư liệu, nhận định, đánh giá được trình bày phản ánh trung thực quan điểm, kết quả nghiên cứu của các tác giả.

Để hội thảo đạt được mục đích, yêu cầu đặt ra là đề xuất các giải pháp tổng thể ứng phó với các vấn đề ANPTT hiện nay, các đại biểu, các nhà khoa học tham dự hội thảo cần tập trung thảo luận, trao đổi, chia sẻ về những vấn đề trọng tâm:

Một là, nhận diện an ninh phi truyền thống và các giải pháp phòng ngừa, ứng phó với vấn đề này.

Hai là, làm rõ nguy cơ thách thức của an ninh phi truyền thống trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và giải pháp chủ động phòng ngừa và ứng phó.

Ba là, làm rõ mối đe dọa an ninh phi truyền thống liên quan đến an ninh quốc gia và công tác PCCC&CNCH.

Bốn là, vai trò của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH trước nguy cơ thách thức của ANPTT.

Năm là, ứng phó của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH với nguy cơ thách thức của ANPTT - thực tiễn, kinh nghiệm của Việt Nam và quốc tế.

Sáu là, giải pháp trong công tác đào tạo, xây dựng lực lượng, hậu cần và các điều kiện khác để ứng phó kịp thời, có hiệu quả với các vấn đề ANPTT.

Bảy là, giải pháp trong quan hệ, hợp tác quốc tế với các quốc gia, tổ chức quốc tế về chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, nguồn nhân lực giải quyết các mối đe dọa, nguy cơ thách thức của ANPTT.

Những bài phát biểu tham luận của các đại biểu, các nhà khoa học sẽ đóng góp nhiều ý kiến quý báu cho Trường Đại học PCCC nói riêng, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH nói chung, nhằm cung cấp cho cán bộ, chiến sỹ trong lực lượng Công an nhân dân nói chung, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH nói riêng những hiểu biết sâu sắc, toàn diện hơn vai trò của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH trong ứng phó với các vấn đề an ninh phi truyền thống hiện nay. ■

GIẢI PHÁP NÂNG CAO VAI TRÒ CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH TRONG ỨNG PHÓ VỚI CÁC VẤN ĐỀ AN NINH PHI TRUYỀN THỐNG

(Kết luận của Ban Tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế “Vai trò của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH trong ứng phó với các vấn đề an ninh phi truyền thống”)

Tóm tắt: Vấn đề an ninh phi truyền thống (ANPTT) đã và đang được nhiều quốc gia trên thế giới quan tâm, thảo luận. Nhiều mối đe dọa về ANPTT đã xuất hiện từ rất lâu trong lịch sử như: biến đổi khí hậu, dịch bệnh, khan hiếm lương thực, khủng bố, ô nhiễm môi trường, thảm họa cháy, nổ... Hiện nay, do tác động của quá trình toàn cầu hóa, các vấn đề ANPTT đã và đang ngày càng có ảnh hưởng tiêu cực, trực tiếp đe dọa đến an ninh mỗi quốc gia và sự phát triển của các nước trên thế giới. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, được sự đồng ý của Bộ Công an, sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Thượng tướng, PGS, TS. Nguyễn Văn Thành - Thứ trưởng Bộ Công an, ngày 26/6/2020, Trường Đại học PCCC đã tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế “Vai trò của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH trong ứng phó với các vấn đề an ninh phi truyền thống” nhằm cung cấp cho cán bộ, chiến sỹ lực lượng CAND nói chung, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH nói riêng những hiểu biết sâu sắc, toàn diện từ việc tổng kết lý luận và những kinh nghiệm thực tiễn trong công tác ứng phó với các vấn đề ANPTT, đồng chí Thượng tướng, PGS, TS. Nguyễn Văn Thành - Thứ trưởng Bộ Công an chủ trì hội thảo.

Từ khóa: giải pháp, nâng cao vai trò, lực lượng, Cảnh sát, phòng cháy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, ứng phó, an ninh phi truyền thống.

Abstract: Non-traditional security (NS) issues have been concerned and discussed by numerous nations in the world. A number of NS threats have arisen for a long period of time such as climate change, epidemics, food scarcity, terrorism, environmental pollution, fires and explosions. Currently, due to impacts of globalization, NS issues have been adversely affected and directly threatened the national security and development of nations in the world. To satisfy the practical requirements, with the Public Security Ministry's approval and direct steering by Senior Lieutenant General, Assoc. Prof., Dr. Nguyen Van Thanh - the Vice Minister of Public Security, The University of Fire Prevention and Fighting organized the international conference “The Role of the Fire Police Force in Response to Non-traditional Security Threats” on June the 26th, 2020 with a view to providing the officers and soldiers in the Police Force in general and those in the Fire Police Force in particular with profound and comprehensive knowledge from summary of theory and practical experience in responding to NS issues. The conference was attended and chaired by Senior Lieutenant General, Assoc. Prof., Dr. Nguyen Van Thanh - the Vice Minister of Public Security.

Keywords: measures, enhance the role, Fire Police Force, response, non-traditional security.

Ngày nhận bài: 26/6/2020; **Ngày thẩm định:** 30/6/2020; **Ngày duyệt đăng:** 05/7/2020.

Sau một buổi chiều làm việc khẩn trương và nghiêm túc, Hội thảo Khoa học quốc tế: “Vai trò của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH trong ứng phó với các vấn đề an ninh phi truyền thống” tổ chức tại Trường Đại học PCCC đã hoàn thành các nội dung, chương trình đặt ra.

Ban Tổ chức đã nhận được 98 báo cáo khoa học của các tác giả là những nhà lãnh đạo, quản lý, chuyên gia, cán bộ, sỹ quan trong

và ngoài lực lượng CAND Việt Nam và các học giả quốc tế (có 18 bài viết của các học giả quốc tế). Các báo cáo khoa học được trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt - tiếng Anh hoặc tiếng Nga - tiếng Việt), phản ánh chân thực, chính xác kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học, được biên tập, thẩm định độc lập theo quy trình chặt chẽ, tiếp thu và chỉnh sửa nghiêm túc theo ý kiến góp ý của các nhà khoa học trong Hội đồng Phản biện độc lập. Các nguồn tài liệu tham

khảo, tư liệu, nhận định, đánh giá được trình bày, phản ánh trung thực quan điểm, kết quả nghiên cứu của các tác giả nhằm cung cấp cho cán bộ, chiến sỹ trong lực lượng Công an nhân dân nói chung, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH nói riêng những hiểu biết sâu sắc, toàn diện hơn về ANPTT trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN) lần thứ tư (4.0) đang diễn ra mạnh mẽ và vai trò của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH trong ứng phó với các vấn đề an ninh phi truyền thống hiện nay.

Tại hội trường, sau khi nghe báo cáo đề dẫn hội thảo với chủ đề *“Vai trò của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH trong ứng phó với các vấn đề an ninh phi truyền thống”* do đồng chí Thiếu tướng, TS. Lê Quang Bốn - Hiệu trưởng Trường Đại học PCCC trình bày, đã có 10 ý kiến trao đổi của các đại biểu xung quanh những nội dung đặt ra trong Hội thảo.

Về cơ bản, các ý kiến tham luận tại hội thảo và các bài viết trong kỷ yếu hội thảo đã phân tích, làm rõ, sâu sắc, toàn diện hơn về ANPTT trong bối cảnh của cuộc CMCN lần thứ tư và vai trò của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH trong ứng phó với các vấn đề an ninh phi truyền thống; phân tích, làm rõ những vấn đề đặt ra cho lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH trong ứng phó với các vấn đề ANPTT; các mối đe dọa ANPTT liên quan đến công tác PCCC&CNCH; những mối đe dọa ANPTT đối với sự bất ổn xã hội và an ninh quốc gia và giải pháp ứng phó của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH; nhận diện các mối đe dọa của ANPTT và các giải pháp PCCC&CNCH ứng phó với các mối đe dọa này; nêu rõ những vấn đề đặt ra đối với việc hoàn thiện cơ sở pháp lý và hợp tác quốc tế trong ứng phó các vấn đề ANPTT; những vấn đề đặt ra trong công tác quản lý nhà nước về PCCC&CNCH trước các mối đe dọa ANPTT tại Việt Nam; những vấn đề đặt ra trong công tác đào tạo nguồn nhân lực PCCC&CNCH trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0 và ứng phó với các vấn đề ANPTT. Các ý kiến tham luận đã nêu lên một số kinh nghiệm trong công tác PCCC&CNCH tại các địa phương ứng phó với các vấn đề ANPTT và đề xuất các giải pháp để chủ động phòng ngừa, giảm thiểu những nguy cơ thách thức của các vấn đề ANPTT.

Với mục đích nâng cao hiệu quả công tác PCCC&CNCH ở Việt Nam ứng phó với các vấn đề ANPTT, các đại biểu dự hội thảo đã thống nhất cần chú trọng thực hiện một số giải pháp trọng tâm sau đây:

1. Đối với công tác quản lý nhà nước về PCCC&CNCH

1.1. Chú trọng tuyên truyền nâng cao ý thức, trách nhiệm cho mọi tầng lớp nhân dân về bảo vệ Tổ quốc; quán triệt, giáo dục sâu rộng mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc theo Nghị quyết Đại hội XII của Đảng cho toàn xã hội, tập trung vào địa bàn trọng điểm, chiến lược về quốc phòng, an ninh, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo.

1.2. Bộ Công an cần chủ động, nhanh chóng triển khai có hiệu quả các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; các Nghị quyết, Chỉ thị, chương trình, kế hoạch công tác của Đảng ủy Công an Trung ương và lãnh đạo Bộ Công an; nghiên cứu, tham mưu, đề xuất hoàn thiện hệ thống hành lang pháp lý về công tác PCCC&CNCH trong phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả các vấn đề ANPTT; bổ sung quy hoạch mạng lưới các đơn vị PCCC&CNCH; rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, cấp độ rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu phù hợp với đặc điểm thiên tai, điều kiện từng vùng, miền theo hướng khắc phục các chồng chéo, bổ sung các quy định

mới bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, phù hợp, tạo môi trường pháp lý đầy đủ, khả thi, thuận lợi cho các lực lượng, trong đó có lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH thực hiện các nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó với các vấn đề ANPTT.

1.3. Hoàn thiện cơ chế, thể chế để tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong công tác chỉ đạo, chỉ huy, điều hành; phân công, phân cấp, xác định rõ trách nhiệm của các Bộ, Ban, Ngành từ Trung ương đến địa phương, đặc biệt là người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác phòng ngừa, ứng phó với các vấn đề ANPTT theo phương châm “bốn tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ). Cần có chính sách đặc thù cho lực lượng thực hiện công tác PCCC&CNCH xứng đáng với những công việc mà lực lượng này đảm nhận.

1.4. Bộ Công an cần xây dựng, hoàn thiện mô hình tổ chức, bộ máy; phân công, phân cấp, xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng lực lượng Công an nhân dân, nhằm bảo đảm sự ổn định, chuyên sâu về tổ chức, bộ máy để hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, ứng phó hiệu quả với các vấn đề ANPTT.

1.5. Bộ Công an và Ủy ban nhân dân các cấp cần bảo đảm nguồn lực và các điều kiện hoạt động cho lực lượng PCCC&CNCH làm công tác phòng ngừa và ứng phó với các vấn đề ANPTT cùng cấp, đặc biệt là lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH.

1.6. Nhanh chóng triển khai việc đầu tư xây dựng các trung tâm: Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp PCCC&CNCH quốc gia; Trung tâm Chỉ huy Điều hành công tác PCCC&CNCH quốc gia; Trung tâm Chỉ huy Điều hành công tác PCCC&CNCH ở tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đáp ứng yêu cầu và phù hợp với ứng phó các vấn đề ANPTT.

1.7. Nâng cao chất lượng công tác phân tích dự báo tình hình, cảnh báo thiên tai; triển khai phần mềm bản đồ số và tích hợp tọa độ các vị trí trụ sở cơ quan Đảng, Nhà nước, các công trình trọng điểm về chính trị, kinh tế, khu công nghiệp, nhà máy hóa chất, xăng dầu, các cơ sở nguy hiểm cháy, nổ; trụ nước chữa cháy, hệ thống giao thông..., phục vụ tốt cho công tác quản lý, điều hành và lãnh đạo, chỉ huy chữa cháy và CNCH kịp thời và hiệu quả trong mọi tình huống xảy ra.

2. Đối với lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH

2.1. Tham mưu cho lãnh đạo Bộ Công an về việc xây dựng các phương án, kế hoạch, kịch bản ứng phó sự cố môi trường, thảm họa thiên tai, cháy, nổ do biến đổi khí hậu, khủng bố gây ra; tham mưu xây dựng mô hình đào tạo, huấn luyện cán bộ, chiến sỹ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ chữa cháy và CNCH trong môi trường thảm họa thiên tai và khủng bố; tham mưu đầu tư trang bị phương tiện kỹ thuật, hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho lực lượng PCCC&CNCH đủ để ứng phó với các vấn đề ANPTT.

2.2. Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị lực lượng, cơ sở vật chất, trang thiết bị và phương tiện sẵn sàng ứng phó với thiên tai, bão lũ và các sự cố môi trường, cháy, nổ do biến đổi khí hậu và khủng bố gây ra; trực tiếp tiến hành công tác CNCH khi có thảm họa thiên tai, khủng bố xảy ra.

2.3. Trực tiếp xây dựng các kế hoạch, phương án, kịch bản chữa cháy và CNCH khi có các sự cố do biến đổi khí hậu, khủng bố xảy ra. Tổ chức diễn tập thực hiện công tác chữa cháy và CNCH định kỳ theo kế hoạch, phương án, kịch bản đã đề ra và tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm trong công tác này.

3. Đối với công tác đào tạo nguồn nhân lực PCCC&CNCH

Cuộc CMCN 4.0 và ứng phó với các vấn đề ANPTT đặt ra yêu cầu về nguồn nhân lực Cảnh sát PCCC&CNCH chất lượng cao, có trình độ khoa học, công nghệ chuyên sâu và ngày một chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, vững mạnh, đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, đủ sức mạnh đáp ứng yêu cầu công tác PCCC&CNCH trong tình hình mới. Do vậy, Trường Đại học PCCC cần nhanh chóng:

3.1. Rà soát tổng thể, thực hiện đổi mới nội dung và chương trình giáo dục, đào tạo theo hướng phát triển năng lực tiếp cận, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng với môi trường công nghệ liên tục thay đổi và phát triển. Đổi mới cách dạy và học trên cơ sở áp dụng công nghệ số. Chương trình giáo dục, đào tạo không chỉ đáp ứng yêu cầu công tác PCCC&CNCH trong giai đoạn hiện nay mà còn phải đáp ứng yêu cầu công tác PCCC&CNCH trong thời kỳ CMCN 4.0, ứng phó có hiệu quả với nguy cơ thách thức của ANPTT.

3.2. Nhà trường cần tập trung đầu tư, xây dựng đội ngũ giảng viên có trình độ cao về chuyên môn, công nghệ thông tin, hệ thống mạng... Cán bộ giảng dạy phải thường xuyên được cập nhật kiến thức chuyên môn, công nghệ, thực tiễn công tác PCCC&CNCH. Đồng thời nhà trường phải tăng cường hợp tác với các trường đại học trong và ngoài nước, mở rộng hợp tác quốc tế trong đào tạo, huấn luyện, diễn tập, khắc phục hậu quả thảm họa, thiên tai bằng các chương trình, kế hoạch cụ thể, phù hợp đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực mà nhu cầu thực tiễn đặt ra.

4. Một số kiến nghị, đề xuất

Để kết quả Hội thảo có thể vận dụng được vào thực tiễn công tác chiến đấu của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH, Ban Tổ chức Hội thảo kiến nghị:

4.1. Trên cơ sở những kết luận của Hội thảo, đề nghị Cục Cảnh sát PCCC&CNCH - Bộ Công an phối hợp với Trường Đại học PCCC và các cơ quan chức năng có liên quan đến lĩnh vực PCCC&CNCH trực thuộc Bộ, nghiên cứu, tham mưu, đề xuất Quốc hội và Chính phủ ban hành những văn bản pháp lý để hoàn thiện hệ thống hành

lang pháp lý về công tác PCCC&CNCH trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0 và ứng phó với các vấn đề ANPTT.

4.2. Trường Đại học PCCC nghiên cứu, bổ sung vào nội dung chương trình đào tạo các bậc học, hệ học khối lượng, dung lượng kiến thức, kỹ năng trong ứng phó với nguy cơ thách thức của ANPTT. Bổ sung những vấn đề lý luận mới trong công tác giảng dạy các môn học PCCC&CNCH; bổ sung những kinh nghiệm thực tiễn trong ứng dụng công nghệ 4.0 và ứng phó với các vấn đề ANPTT vào công tác giáo dục đào tạo của nhà trường.

Chủ trì, phối hợp với Cục Cảnh sát PCCC&CNCH nghiên cứu xây dựng các kịch bản về các tình huống nghiệp vụ phổ biến, điển hình trong ứng phó với các mối đe dọa ANPTT có liên quan đến công tác PCCC&CNCH để đưa vào giảng dạy, huấn luyện cho lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH như: chữa cháy, CNCH khi có động đất, sóng thần, lũ quét, chữa cháy, CNCH khi khủng bố tấn công vào các chung cư cao tầng tại các thành phố lớn; chữa cháy, CNCH tại các vùng có dịch bệnh, các khu cách ly tập trung đồng người; chữa cháy, CNCH trong sự cố rò rỉ phóng xạ, bức xạ hạt nhân và phát tán hóa chất độc vào môi trường...

4.3. Đề nghị Cục Cảnh sát PCCC&CNCH, Trường Đại học PCCC chủ trì, phối hợp với các đơn vị địa phương tiếp tục tổ chức các cuộc Hội thảo về các vấn đề chuyên sâu liên quan đến công tác PCCC&CNCH ở Việt Nam trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0 và ứng phó với các vấn đề ANPTT. Phối hợp, triển khai nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong lĩnh vực PCCC&CNCH đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 và các vấn đề ANPTT.

4.4. Tạp chí PC&CC có nhiệm vụ chọn những bài tham luận có chất lượng để đăng tải trên các số của Tạp chí, coi đây là tài liệu trao đổi nghiệp vụ trong toàn lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH.

BAN TỔ CHỨC HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ

CHỦ ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI NGUY CƠ... (Tiếp theo trang 11)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo của Hãng bảo hiểm Thụy Sĩ Swiss Re tháng 6/2015 về tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu.
2. Lê Văn Cường (2008), *Tác động của nhân tố an ninh phi truyền thống đối với văn hóa và con người ở một số nước Đông Á*, Tạp chí Thông tin Khoa học Xã hội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
5. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2013), *An ninh quốc gia những vấn đề an ninh phi truyền thống*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
6. Nguyễn Thị Thúy Hà (2014), *Quan điểm của Việt Nam về một số thách thức an ninh phi truyền thống hiện nay*, Tạp chí Giáo dục lý luận, (208).
7. Tô Lâm, Nguyễn Xuân Yêm (Đồng chủ biên - 2017), *An ninh phi truyền thống trong thời kỳ hội nhập quốc tế*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

8. James Laki (2014), *Non-Traditional Security Issues: Securitisation of Transnational Crime in Asia*, <http://www.rsisntasiasia.org/>.

9. Nguyễn Phú Trọng (2015), *Công an là lực lượng trong yếu tố tuyệt đối tin cậy của Đảng*, <http://vietnamnet.vn/>, ngày 17/8/2015.

10. Nguyễn Văn Thành (2018), *Xây dựng và phát triển thành phố thông minh đảm bảo các chỉ số an ninh, an sinh, an toàn trong bối cảnh của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

11. Nguyễn Văn Thành (2019), *Công tác đối ngoại của lực lượng CAND góp phần đảm bảo an ninh quốc gia trước yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc tế, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

12. Tạ Ngọc Tấn, Phạm Thành Dung, Đoàn Minh Huân (Đồng chủ biên-2018), *An ninh phi truyền thống - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

13. Lục Trung Vĩ (2006), *Bản vẽ an ninh phi truyền thống*, Viện Chiến lược và Khoa học Bộ Công an, Hà Nội.

VAI TRÒ CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ TRONG CÔNG TÁC ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Đại tá, PGS, TS. NGUYỄN MINH KHƯƠNG

Phó Cục trưởng Cục Cảnh sát PCCC&CNCH, Bộ Công an

Tóm tắt: Biến đổi khí hậu (BĐKH) là sự thay đổi của khí hậu mà điển hình là hiện tượng nóng lên của trái đất, băng tan, mực nước biển dâng... đã và đang có tác động sâu sắc đến hầu hết các khu vực và quốc gia trên thế giới, là vấn đề toàn cầu và là thách thức vô cùng khắc nghiệt của nhân loại trong thế kỷ XXI. Tình hình cháy, nổ có diễn biến phức tạp, khó lường hơn; xâm nhập mặn, hạn hán kéo dài, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất đá; nguy cơ cháy rừng luôn ở cấp độ cao và diễn ra trên diện rộng... Điều đó cho thấy những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu đến công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) ngày càng trở nên rõ nét và đặt ra những thách thức không nhỏ đối với lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH trong thời gian tới.

Từ khóa: biến đổi khí hậu, Cảnh sát PCCC&CNCH, cháy rừng, vai trò.

Abstract: Climate change is simply changes of the climate, typically the global warming, melting ice, sea-level rise, etc., which have been posing profound impacts on most regions and countries in the world. Climate change is a global issue and an extremely tough challenge for humanity in the 21st century. The situation of fire and explosion is increasingly complicated and unpredictable; saline intrusion, prolonged droughts, floods, flash floods, landslides; the risk of forest fire is always at a prominent level and occurs at a widespread scale. This shows that the negative impacts of climate change on the fire and rescue service are becoming growingly evident and posing significant challenges to the fire police force in the coming time.

Keywords: climate change, Fire Police Force, wildfires, role.

Ngày nhận bài: 20/5/2020; **Ngày thẩm định:** 25/5/2020; **Ngày duyệt đăng:** 05/7/2020.

Biến đổi khí hậu (BĐKH) đã và đang là một trong những thách thức lớn nhất đối với toàn nhân loại trong thế kỷ XXI, những số liệu nghiên cứu gần đây về sự tăng lên của nhiệt độ trái đất, mực nước biển dâng, tình hình cháy rừng diễn ra trên diện rộng ở nhiều quốc gia, tình hình hạn hán kéo dài... đã cho thấy những tác động rất lớn của BĐKH đến sự phát triển kinh tế, xã hội và vấn đề đảm bảo an ninh, an sinh và an toàn của mỗi quốc gia.

Việt Nam được xem là một trong các quốc gia chịu sự tác động mạnh mẽ của BĐKH, trong vòng 50 năm qua nhiệt độ trung bình đã tăng khoảng 0,5 - 0,7°C, tại một số nơi mực nước biển đã dâng cao hơn khoảng 20cm. Theo kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng, vào cuối thế kỷ 21, nếu mực nước biển dâng cao 1m, sẽ có khoảng 10 - 12% dân số Việt Nam bị ảnh hưởng và GDP có thể tổn thất khoảng 10%. Về tình hình cháy, nổ theo thống kê, trong 5 năm gần đây đã xảy ra 16.429 [1] vụ cháy, nổ, trong đó có nhiều vụ cháy lớn gây thiệt hại nghiêm trọng về tài nguyên rừng, cùng với đó là

những tác động trực tiếp đến môi trường từ chính những sản phẩm cháy do các đám cháy gây ra. Các hiện tượng thảm họa thiên tai như: bão, lũ lụt, sạt lở đất đá với tần suất và cường độ ngày càng gia tăng cũng đang đặt ra nhiều khó khăn, thách thức cho công tác PCCC và tổ chức CNCH.

BĐKH có sự liên quan chặt chẽ đến sự gia tăng khí nhà kính, khi xảy ra càng nhiều đám cháy, đồng nghĩa với việc lượng khí nhà kính phát thải ra môi trường ngày càng nhiều (đặc biệt là từ các đám cháy rừng quy mô lớn, các đám cháy lớn trong các khu công nghiệp...). Cùng với đó, là việc sử dụng các chất chữa cháy khác nhau (bọt, bột, chất lỏng hoặc khí...) mà khi các chất này tương tác với đám cháy có thể sản sinh ra các khí nhà kính, hoặc các sản phẩm khác gây ảnh hưởng tới sự toàn vẹn của tầng ôzôn, điều đó cũng sẽ góp phần làm nghiêm trọng thêm tình trạng BĐKH theo hướng cực đoan hơn.

Bài toán chung đặt ra cho nhân loại là làm thế nào để giảm thải khí nhà kính và tăng khả năng hấp thụ khí này trong tự nhiên; giảm những

tác động có hại đến tầng ôzôn... Đối với lĩnh vực PCCC&CNCH là việc giảm thiểu số vụ cháy, chủ động phát hiện đám cháy, sự cố tai nạn; kịp thời chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ có hiệu quả; nghiên cứu lựa chọn các chất chữa cháy phù hợp, thân thiện với môi trường và giảm thiểu phát sinh khí nhà kính.

Qua nghiên cứu và phân tích thực tiễn cho thấy, những tác động của BĐKH đối với công tác PCCC&CNCH trong thời gian tới có khả năng diễn biến theo chiều hướng sau:

Sự gia tăng nhiệt độ trung bình của trái đất có xu hướng tiếp tục tăng lên, tình trạng nắng nóng, hạn hán kéo dài sẽ diễn ra trên diện rộng làm tăng đáng kể nguy cơ dẫn tới các sự cố về cháy, nổ. Bên cạnh đó, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã góp phần thúc đẩy sự gia tăng cơ cấu, quy mô các cơ sở sản xuất công nghiệp, dẫn theo đó là gia tăng của việc sử dụng năng lượng, đặc biệt là năng lượng điện, khí đốt vào sản xuất (đối với Việt Nam, tính trung bình mỗi năm, nhu cầu sử dụng năng lượng tăng gấp 2). Việc sử dụng nguồn năng lượng gia tăng, quy mô cơ sở sản xuất gia tăng, kéo theo đó là nguy cơ tiềm ẩn về cháy, nổ sẽ càng cao, tính chất, mức độ thiệt hại ngày càng lớn và tất yếu sẽ tác động ngược lại làm vấn đề BĐKH càng trầm trọng hơn.

Sự gia tăng của các hiện tượng khí hậu cực đoan và thiên tai, cả về tần suất và cường độ là mối đe dọa thường xuyên, trước mắt và lâu dài đối với tất cả các lĩnh vực, trong đó có công tác PCCC&CNCH. Chế độ mưa thay đổi có thể gây lũ lụt nghiêm trọng vào mùa mưa, và hạn hán vào mùa khô; các hiện tượng thiên nhiên mưa bão cũng dẫn tới các sự cố khác như: sụt lún, sạt lở đất đá, cây cối tại nhiều nơi, đòi hỏi sự tăng cường cả về số lượng và năng lực của các lực lượng thực hiện nhiệm vụ CNCH.

Bên cạnh đó, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang tạo ra rất nhiều những vật liệu mới, cho ra đời những sản phẩm với tính chất nguy hiểm cháy khác nhiều so với những gì chúng ta đang được biết tới, trong lĩnh vực xây dựng thì có thể nhận thấy những vật liệu xây dựng tiên tiến đang tạo ra những công trình có kiến trúc phức tạp hơn, quy mô lớn hơn, mang tới nhiều khó khăn hơn trong việc bảo đảm an toàn về PCCC&CNCH cho các công trình này.

Việt Nam là một quốc gia chịu sự tác động của BĐKH, trong nhiều năm qua Đảng và Nhà nước đã quan tâm và có những chủ trương, chính sách đối với vấn đề BĐKH cũng như việc đưa ra chủ trương, định hướng về các giải pháp trọng tâm nhằm ứng phó với BĐKH thông qua việc ban hành Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 02/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu; Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31/10/2017 về phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020. Đây là những văn bản quan trọng, là cơ sở pháp lý để các cấp, các ngành và toàn xã hội cùng chung tay thực hiện nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực của BĐKH.

Bên cạnh đó, trong công tác PCCC&CNCH đã được Đảng, Nhà nước ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, định hướng toàn xã hội thực hiện công tác PCCC&CNCH, cụ thể như: Chỉ thị số 47-CT/TW, ngày 25/6/2015 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCCC; Chỉ thị số 32/CT-TTg, ngày 05/12/2018 về tăng cường công tác PCCC tại khu dân cư; Nghị quyết số 99/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách pháp luật về PCCC. Trên cơ sở

đó, công tác PCCC&CNCH đã và đang được đẩy mạnh trên nhiều phương diện, phong trào xã hội hóa công tác PCCC ngày một phát triển, chất lượng hoạt động kiểm soát cháy, nổ, tai nạn, sự cố ngày một nâng cao.

Trong thực tiễn đã có những ứng dụng tiên bộ khoa học (công nghệ thông tin) để kết nối thông tin báo cháy từ cơ sở, công trình (bằng hình ảnh, tín hiệu cuộc gọi, tin nhắn...) đến người quản lý cơ sở, công trình và đến trung tâm chỉ huy của lực lượng Cảnh sát PCCC, qua đó sẽ phát hiện sớm sự cố cháy, nổ, và chủ động xử lý, cứu chữa vụ cháy ngay từ giai đoạn mới phát sinh. Ngoài ra, hệ thống cảnh báo thông minh còn giúp cho chủ cơ sở, cơ quan Cảnh sát PCCC phát hiện các lỗi của hệ thống PCCC trong công trình; tình trạng thường trực của lực lượng, phương tiện chữa cháy trong các tòa nhà; thực trạng hệ thống giao thông từ cơ quan Cảnh sát PCCC đến địa điểm cháy; tình trạng con người bị mắc kẹt trong các đám cháy và có thể điều hành từ xa để hướng dẫn người dân thoát nạn, tổ chức chữa cháy, cứu người bị nạn, cứu tài sản...

Nhiều loại vật liệu mới được tạo ra, đặc biệt là khả năng chống cháy để áp dụng vào xây dựng nhà và công trình, sản xuất các thiết bị, vật dụng... Điều đó, giúp cho giảm thiểu nguy cơ xảy ra cháy, nổ và phát thải khí nhà kính vào môi trường; đã chế tạo được các robot thể hệ mới, máy bay không người lái... hỗ trợ lực lượng chữa cháy và CNCH trong công tác trình sát đám cháy, trực tiếp chữa cháy, CNCH tại các không gian hạn chế, khu vực khó khăn mà con người khó có khả năng tiếp cận; nhiều chất chữa cháy mới đã được nghiên cứu, sản xuất có hiệu quả chữa cháy cao, thân thiện với môi trường.

Chính phủ, Bộ Công an và UBND các tỉnh, thành phố đã có những đầu tư cơ bản trong xây dựng lực lượng PCCC&CNCH nói chung, lực lượng Cảnh sát PCCC nói riêng; đầu tư mua sắm các trang thiết bị phục vụ công tác chữa cháy và CNCH nhằm đáp ứng yêu cầu cấp thiết của công tác ứng phó với BĐKH.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi thì còn không ít những khó mà lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH gặp phải trong công tác ứng phó với BĐKH, cụ thể như:

Lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó với BĐKH trong Công an nhân dân còn rất mỏng. Kiến thức, kỹ năng trong phòng ngừa, ứng phó với sự cố thiên tai, tìm kiếm cứu nạn của lực lượng này còn hạn chế.

Các phương tiện phục vụ công tác PCCC&CNCH còn thiếu nhiều, đặc biệt là các phương tiện phục vụ công tác CNCH đối với các sự cố thiên tai như: bão lũ, sạt lở đất đá, sập hầm, lò...

Hoạt động ứng dụng công nghệ tiên tiến vào công tác PCCC&CNCH còn chậm, chưa có tính đột phá trong công tác này...

Sự phối hợp giữa lực lượng Cảnh sát PCCC và các ngành có liên quan còn có những hạn chế nhất định, dẫn đến việc dự báo những tác động ảnh hưởng của BĐKH đến công tác PCCC&CNCH còn chưa tốt; công tác hợp tác quốc tế trong ứng phó với BĐKH của lực lượng Cảnh sát PCCC tuy đã có, song kết quả từ mặt hợp tác này còn chưa đạt như mong muốn.

Trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng mở rộng, phát triển kinh tế, xã hội sẽ ngày một gia tăng và kéo theo đó là tình hình BĐKH sẽ ngày càng diễn biến phức tạp. Tất cả các yếu tố đó tác động rất mạnh mẽ đến công tác PCCC&CNCH, để làm tốt vai trò là nòng cốt trong công tác PCCC&CNCH và ứng phó với BĐKH, lực lượng Cảnh sát PCCC cần chủ động trong triển khai một số giải pháp sau:

Một là, tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCCC&CNCH; chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên ngành khí tượng để nâng cao năng lực dự báo tình hình về những tác động của BĐKH đối với công tác PCCC&CNCH. Trên cơ sở đó xây dựng định hướng lâu dài trong xây dựng lực lượng PCCC với các trang bị phương tiện đảm bảo nhằm ứng phó có hiệu quả với những tác động tiêu cực của BĐKH đến công tác PCCC&CNCH; xây dựng các phương án phòng ngừa, ứng phó với BĐKH phù hợp với đặc điểm tình hình của từng địa phương, khu vực nhằm giảm thiểu số vụ và thiệt hại do cháy, nổ và sự cố, tai nạn gây ra.

Hai là, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về PCCC&CNCH, trong đó cần chủ động ứng dụng các tiến bộ của KHKT vào công tác này. Cụ thể:

Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ số hóa dữ liệu quản lý các loại hình cơ sở nguy hiểm cháy, nổ (công trình cao tầng, cơ sở sản xuất, bảo quản và sử dụng hóa chất, cơ sở kinh doanh khí hóa lỏng, các khu dân cư cháy, nổ cao...); dữ liệu về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, phương tiện phục vụ công tác chữa cháy và CNCH (hệ thống giao thông, nguồn nước, các phương tiện kỹ thuật chuyên dụng chữa cháy và CNCH...) để chủ động trong việc đưa ra các phương án ứng phó với sự cố cháy, nổ, tai nạn hiệu quả.

Số hóa thông tin số liệu về tình hình cháy, nổ trên tất cả các lĩnh vực, loại hình cơ sở, qua đó giúp cho việc nghiên cứu, phân tích và đưa ra dự báo tình hình cháy, nổ chính xác, đặc biệt là sự liên quan giữa tình hình cháy, nổ với các chỉ số phát triển kinh tế, xã hội; sự liên quan giữa tình hình cháy, nổ, tai nạn sự cố với diễn biến của tình hình khí hậu...

Nghiên cứu xây dựng, đồng bộ hệ thống thông tin cảnh báo cháy từ cơ sở đến đơn vị Cảnh sát PCCC; ứng dụng công nghệ tiên tiến trong cảnh báo và phát hiện cháy rừng. Chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan trong và ngoài lực lượng Công an nhằm nâng cao hiệu quả công tác chữa cháy và CNCH như: kết nối với hệ thống camera giám sát giao thông để hỗ trợ các phương tiện đến đám cháy nhanh nhất; truyền trực tiếp hình ảnh từ hiện trường đám cháy, tai nạn, sự cố đến trung tâm thông tin chỉ huy của lực lượng Cảnh sát PCCC... để giúp công tác chỉ huy điều hành PCCC được thuận lợi, hiệu quả.

Ứng dụng các phương tiện, thiết bị công nghệ tiên tiến phục vụ công tác chữa cháy và CNCH, đặc biệt là trong các tình huống phức tạp (thiết bị bay chữa cháy, tìm kiếm cứu nạn; robot chữa cháy và CNCH...); nghiên cứu lựa chọn các loại chất chữa cháy vừa đạt hiệu quả cao trong dập tắt đám cháy, đồng thời đảm bảo thân thiện với môi trường.

Ba là, tích cực tham mưu cho các cấp, các ngành các biện pháp hiệu quả nhằm tăng cường năng lực của lực lượng PCCC&CNCH tại chỗ (lực lượng Dân phòng, lực lượng PCCC cơ sở, lực lượng PCCC chuyên ngành); đánh giá khách quan những ưu điểm và hạn chế của các lực lượng này để từ đó có giải pháp phù hợp nhất trong bố trí lực lượng, huấn luyện nghiệp vụ để họ thực sự là lực lượng nòng cốt tại cơ sở, đáp ứng tốt việc xử lý sự cố cháy, nổ, tai nạn ngay từ giai đoạn ban đầu theo phương châm bốn tại chỗ.

Bốn là, phối hợp với các đơn vị chức năng trong và ngoài lực lượng Công an sớm hoàn thiện quy hoạch tổng thể hạ tầng kỹ thuật về PCCC&CNCH giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050; tham mưu cho các cấp có thẩm quyền trong việc hoàn thiện hệ thống các quy định pháp luật về PCCC&CNCH nói riêng và về ứng phó với BĐKH nói chung sao cho phù hợp với luật pháp quốc tế, để cả cộng đồng Việt Nam cùng chung tay với quốc tế giảm thiểu các yếu tố làm tăng

nguy cơ dẫn đến BĐKH; nghiên cứu đề xuất phương án điều chỉnh chính sách cho các lực lượng thực hiện công tác PCCC&CNCH nhằm đảm bảo có chế độ đãi ngộ xứng đáng với những công việc mà các lực lượng này đảm nhận.

Năm là, đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC&CNCH, kỹ năng nhận biết và ứng phó với các tình huống sự cố thiên tai gây ra. Bên cạnh đó, cần tăng thời lượng tuyên truyền đến cộng đồng những kiến thức, các giải pháp giảm thiểu các yếu tố làm tăng phát thải khí nhà kính - yếu tố làm phức tạp hơn về tình trạng BĐKH, để toàn xã hội hiểu và cùng chung tay hành động.

Sáu là, tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về ứng phó với BĐKH nhằm tiếp thu các kinh nghiệm, từng bước nâng cao năng lực, trình độ của các lực lượng trong công tác ứng phó với các tác động tiêu cực của BĐKH; tiếp cận các công nghệ mới, đặc biệt ứng dụng công nghệ tin học, trí tuệ nhân tạo trong PCCC&CNCH. Tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế trong tiếp nhận chuyển giao công nghệ, kỹ thuật nhằm từng bước nâng cao năng lực chế tạo, sản xuất các phương tiện, thiết bị phục vụ công tác PCCC&CNCH trong nước; phối hợp trong nghiên cứu, sản xuất các chất chữa cháy mới, hiệu quả, thân thiện với môi trường, giảm thiểu khả năng sinh khí nhà kính hoặc phá huỷ tầng ôzôn khi sử dụng để chữa cháy, CNCH.

Như vậy, có thể thấy rằng việc ứng phó với BĐKH là nhiệm vụ của toàn hệ thống chính trị, của toàn xã hội, của các cấp, các ngành, các tổ chức, mọi người dân và cần được tiến hành với sự đồng thuận và quyết tâm cao, từ phạm vi địa phương, vùng, quốc gia đến toàn cầu, có như vậy mới có thể giảm thiểu được những tác động tiêu cực từ BĐKH mang đến. Không nằm ngoài quan điểm đó, trong công tác PCCC&CNCH, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH với chức năng, nhiệm vụ được giao phải luôn chủ động trong công tác tham mưu, tiếp cận và ứng dụng những tiến bộ khoa học, công nghệ vào công tác. Đồng thời, phải chủ động trong việc phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức trong nước; chủ động trong hợp tác quốc tế trong lĩnh vực PCCC&CNCH hướng tới mục tiêu cùng chung tay giảm thiểu những tác động tiêu cực từ BĐKH.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Cảnh sát PCCC&CNCH (2019), *Báo cáo tổng kết công tác PCCC&CNCH 5 năm giai đoạn 2014 – 2018*, Hà Nội.
2. Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;
3. Nghị quyết số 99/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, Hà Nội.
4. Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2017 Phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020.
5. Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 02/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu.
6. Nguyễn Văn Thành (2019), *Công tác PCCC&CNCH trước tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và ứng phó với biến đổi khí hậu*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học "Công tác PCCC&CNCH ở Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và ứng phó với biến đổi khí hậu", Hà Nội.

ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN TOÀN VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY ĐỐI VỚI CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Thượng tá, TS. HOÀNG NGỌC HẢI

Trưởng Bộ môn Pháp luật, nghiệp vụ Công an, Trường Đại học PCCC

Tóm tắt: Kinh tế, xã hội ngày càng phát triển, các cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy và chữa cháy (PCCC) ngày càng gia tăng cả về số lượng, quy mô và tính chất nguy hiểm về cháy, nổ. Việc quy hoạch các cơ sở để thuận lợi trong công tác quản lý là yêu cầu cần thiết và cấp bách hiện nay. Ngoài việc quy hoạch các cơ sở vào trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao thì các cụm công nghiệp cũng là một trong những lựa chọn điển hình trong những năm gần đây. Bài viết đi sâu đánh giá tổng quan hệ thống pháp luật về PCCC đối với các cụm công nghiệp, phân tích, làm rõ thực trạng việc áp dụng pháp luật trong công tác đảm bảo an toàn về PCCC đối với các cụm công nghiệp, chỉ rõ những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân dẫn đến những tồn tại, hạn chế đó. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong công tác đảm bảo an toàn về PCCC đối với các cụm công nghiệp ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: áp dụng pháp luật, cụm công nghiệp, PCCC.

Abstract: Due to the socio-economic development, facilities under the state management on fire safety are increasing in number, scale and nature of fire and explosion hazards. The planning of facilities to assist the management is a necessary and urgent requirement currently. In addition to planning facilities into industrial parks, export processing zones, and high-tech zones, industrial clusters are also one of the typical options in recent years. The paper focuses on the overview of the legal system for fire safety in industrial clusters, analyzing and clarifying the current status of law enforcement in ensuring fire safety for industrial clusters, specifying the shortcomings, limitations and causes of those shortcomings and limitations. Accordingly, the article proposes a number of measures to improve the efficiency of the law implementation in ensuring fire safety for industrial clusters in Vietnam currently.

Keywords: law implementation, industrial clusters, fire safety.

Ngày nhận bài: 16/6/2020; **Ngày thẩm định:** 25/6/2020; **Ngày duyệt đăng:** 05/7/2020.

Trong những năm gần đây, ngoài việc đẩy mạnh quy hoạch và phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao nhằm thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ kinh tế, xã hội của đất nước, cụm công nghiệp đang ngày càng được quan tâm đầu tư và phát triển. Thực tế, sự hình thành và phát triển các cụm công nghiệp có vị trí, vai trò rất quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội ở nhiều địa phương, nhất là góp phần thúc đẩy sản xuất công nghiệp, dịch vụ, từ đó chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng của ngành công nghiệp và dịch vụ. Đặc biệt tại địa bàn nông thôn, cụm công nghiệp đã tạo ra nhiều việc làm cho người dân nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, đời sống của người dân được nâng lên góp phần ổn định an ninh trật tự trên

địa bàn. Hiện nay, trên cả nước có trên 1000 cụm công nghiệp đã được thành lập, với đa dạng các loại hình cơ sở sản xuất công nghiệp như: vải, đồ gỗ, chăn, ga... Các sản phẩm được sản xuất ra không chỉ phục vụ nhu cầu trao đổi, mua bán ở trong nước mà còn xuất khẩu nước ngoài, qua đó đã góp phần thúc đẩy cho sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Sự hình thành và phát triển các cụm công nghiệp có vị trí, vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội ở nhiều địa phương, nhất là góp phần thúc đẩy sản xuất công nghiệp, dịch vụ, từ đó chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng của ngành công nghiệp và dịch vụ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đặc biệt tại địa bàn nông thôn, cụm công nghiệp đã tạo ra nhiều việc làm cho

người dân nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, nâng cao đời sống của người dân, ổn định an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Các cụm công nghiệp đã tạo ra môi trường để huy động được lượng vốn đầu tư của các thành phần kinh tế trong nước và ngoài nước phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá. Phát triển các cụm công nghiệp tạo ra một hệ thống kết cấu hạ tầng công nghiệp mới, có giá trị lâu dài đồng thời góp phần hiện đại hoá hệ thống kết cấu hạ tầng ở nhiều địa phương. Phát triển các cụm công nghiệp làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tăng trưởng kinh tế của tỉnh, của từng địa phương theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Việc hình thành và phát triển các cụm công nghiệp tạo ra nhiều việc làm, nâng cao dân trí và thực hiện các chính sách xã hội. Việc hình thành cụm công nghiệp nhằm khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường của các cơ sở sản xuất. Các cụm công nghiệp có tác dụng lan toả tích cực tới phát triển các ngành, lĩnh vực của địa phương. Cụm công nghiệp là nơi thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; duy trì, phát triển ngành nghề truyền thống, làng nghề cổ truyền, tạo điều kiện phát triển nghề mới tạo sự phong phú về các sản phẩm của làng nghề.

Áp dụng pháp luật là một trong các hình thức thực hiện pháp luật. Áp dụng pháp luật là hoạt động có tính tổ chức, quyền lực nhà nước, do các cơ quan, tổ chức hoặc các cá nhân có thẩm quyền tiến hành theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định nhằm cá biệt hóa các quy phạm pháp luật hiện hành vào những trường hợp cụ thể, đối với các cá nhân, tổ chức cụ thể. Về thực chất, áp dụng pháp luật chính là hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cá nhân được nhà nước trao quyền nhằm tổ chức cho các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và các cá nhân khác thực thi các quy phạm pháp luật một cách đầy đủ, nghiêm chỉnh và thống nhất. Như vậy, áp dụng pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật có sự can thiệp của nhà nước hay là hình thức thực hiện pháp luật của các cơ quan, tổ chức và nhân viên nhà nước. Trong bốn hình thức thực hiện pháp luật chỉ có hình thức này là luôn luôn có sự hiện diện của nhà nước thông qua các chủ thể có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Áp dụng pháp luật là hình thức cơ bản, chủ yếu và quan trọng nhất, phần lớn các quy định của pháp luật chỉ có thể được thực hiện trong thực tế thông qua hoạt động của các chủ thể có thẩm quyền. Xuất phát từ đặc điểm, tính chất, nguyên tắc trong lĩnh vực PCCC, có thể hiểu áp dụng pháp luật trong lĩnh vực PCCC là hoạt động có tính tổ chức, quyền lực nhà nước, do các cơ quan, tổ chức hoặc các cá nhân có thẩm quyền quản lý nhà nước về PCCC tiến hành theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định nhằm cá biệt hóa các quy phạm pháp luật hiện hành vào những trường hợp cụ thể, đối với các cá nhân, tổ chức cụ thể. Như vậy, áp dụng pháp luật trong công tác đảm bảo an toàn về PCCC nói chung và đối với các cụm công nghiệp nói riêng về bản chất đó là việc tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về PCCC trong công tác đảm bảo an toàn về PCCC đối với các cụm công nghiệp, qua đó, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về PCCC đối với các cụm công nghiệp.

Căn cứ các quy định của Luật PCCC năm 2001, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC năm 2013, Nghị định

số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ và Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an thì lực lượng Cảnh sát PCCC thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về PCCC, trong đó có công tác đảm bảo an toàn về PCCC đối với các cụm công nghiệp và các cơ sở trong cụm công nghiệp. Công tác đảm bảo an toàn về PCCC đối với cụm công nghiệp góp phần đảm bảo các doanh nghiệp và đơn vị kinh doanh hạ tầng trong các cụm công nghiệp tuân thủ các yêu cầu, quy định về PCCC theo các văn bản pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về PCCC, làm giảm các vụ cháy nhất là các vụ cháy lớn gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản. Qua rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về PCCC và các văn bản pháp luật khác có liên quan, đến nay, trong các văn bản quy phạm pháp luật này chưa đặt ra yêu cầu PCCC khi lập quy hoạch, dự án xây dựng mới hoặc cải tạo cụm công nghiệp, chưa quy định cụ thể nghĩa vụ PCCC của đơn vị kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp nên lực lượng Cảnh sát PCCC đang gặp khó khăn khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ đảm bảo an toàn về PCCC đối với cụm công nghiệp trong phạm vi cả nước cũng như trong từng địa phương. Bên cạnh đó, theo Báo cáo bổ sung số 400/BC-CP ngày 12/9/2019 của Chính phủ, trong 50 vụ cháy lớn, gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản giai đoạn 2014 - 2018 được thống kê thì có 05 vụ cháy xảy ra tại các cụm công nghiệp (chiếm 10,0%), như: vụ cháy ngày 16/7/2015 tại Công ty TNHH Thương mại Tuấn Hoa, Cụm Công nghiệp Võ Cường, phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, không có thiệt hại về người, thiệt hại về tài sản 67 tỷ đồng; vụ cháy ngày 02/12/2016 tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Phú Hưng, lô số 1, Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, không có thiệt hại về người, thiệt hại về tài sản là 100.556.448.432 đồng; vụ cháy ngày 27/8/2017 tại Công ty TNHH Paldo Vina, Cụm Công nghiệp Đồng Lạng, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, không có thiệt hại về người, thiệt hại về tài sản theo báo cáo của công ty là 154.994.100.000 đồng; vụ cháy ngày 02/9/2017 tại Nhà máy Keo sợi OE thuộc Công ty TNHH Thương mại Dệt may An Nam, Cụm Công nghiệp Tây An, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình, không có thiệt hại về người, thiệt hại về tài sản theo công ty thống kê báo cáo khoảng 37.991.000.000 đồng; vụ cháy ngày 13/12/2017 tại Công ty TNHH Giày Hân Xương, Cụm Sản xuất Tân Định, khu phố 2, phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, không có thiệt hại về người, thiệt hại về tài sản theo báo cáo của cơ sở là 61.700.000.000 đồng; vụ cháy ngày 10/01/2019 tại xưởng sản xuất của Công ty TNHH Diễm Khoa, Cụm Công nghiệp Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, không gây thiệt hại về người, thiệt hại về tài sản là 7.600.000.000 đồng; vụ cháy ngày 1/4/2019 tại Kho của Công ty TNHH Mei Sheng Textiles Việt Nam, Cụm Công nghiệp Ngãi Giao, huyện Châu Đức, Bà Rịa - Vũng Tàu, không gây thiệt hại về người, thiệt hại về tài sản 50.000.000.000 đồng. Các vụ cháy xảy ra tại các cụm công nghiệp tuy không gây thiệt hại về người nhưng đã để lại hậu quả thiệt hại lớn về tài sản.

Nguyên nhân dẫn đến những tồn tại, hạn chế trên đó là hệ thống văn bản pháp luật quy định việc quản lý của nhà nước đối với công tác PCCC chưa bao quát được các yêu cầu, điều

kiện bảo đảm an toàn PCCC đối với cụm công nghiệp và các cơ sở trong cụm công nghiệp. Có thời điểm chưa quy định chặt chẽ đối tượng (dự án, công trình trong cụm công nghiệp) thuộc diện phải thẩm duyệt thiết kế về PCCC. Khoản 1, Điều 16, Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định đối tượng thuộc diện phải thẩm duyệt thiết kế về PCCC là “nhà, công trình thuộc cơ sở sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp thuộc thẩm quyền cấp huyện trở lên phê duyệt dự án thiết kế xây dựng”. Tuy nhiên, đối với các dự án do tổ chức, cá nhân tự bỏ vốn đầu tư xây dựng không sử dụng vốn ngân sách nhà nước thì chủ đầu tư tự phê duyệt dự án thiết kế xây dựng. Chưa quy định cụ thể, rõ ràng dự án, công trình do cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt thiết kế về PCCC. Khoản 2, Điều 15, Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định đối tượng thuộc diện phải thẩm duyệt thiết kế về PCCC là “dự án quy hoạch xây dựng mới hoặc cải tạo đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; dự án xây dựng mới hoặc cải tạo công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan đến PCCC của đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao thuộc thẩm quyền phê duyệt của cấp huyện trở lên”. Căn cứ vào tính chất liên quan đến yêu cầu bảo đảm an toàn PCCC của cụm công nghiệp cũng giống như khu công nghiệp, thẩm quyền phê duyệt dự án quy hoạch xây dựng mới hoặc cải tạo cụm công nghiệp; dự án xây dựng mới hoặc cải tạo cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh, nhưng đối chiếu với quy định trên không thể bắt buộc chủ đầu tư dự án xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp phải thẩm duyệt thiết kế về PCCC. Bên cạnh đó, sự quan tâm chỉ đạo của một số ngành, địa phương, cơ quan chưa đầy đủ, đúng mức. Một số người đứng đầu doanh nghiệp chưa nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác PCCC; chưa nhận rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của mình trong PCCC. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC chưa được quan tâm đúng mức; vận động công nhân và người lao động tham gia PCCC chưa sâu rộng. Công tác quản lý nhà nước về PCCC đối với cụm công nghiệp còn bộc lộ nhiều yếu kém, chức năng tham mưu, chất lượng các mặt công tác chuyên môn hạn chế; thực hiện các biện pháp kiểm tra, hướng dẫn chưa thường xuyên, xử lý vi phạm còn thiếu kiên quyết nên hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước chưa được cao. Trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội, điều kiện kinh tế của nhiều địa phương và các cơ quan, doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc đầu tư kinh phí xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng, kỹ thuật về PCCC (giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc...).

Theo thống kê quy hoạch các cụm công nghiệp tại các địa phương đến năm 2020, cả nước có khoảng 1.774 cụm công nghiệp đưa vào khai thác, sử dụng. Từ đó cho thấy, sự đầu tư và phát triển mạnh mẽ các cụm công nghiệp trong thời gian tới. Do đó, việc áp dụng có hiệu quả các quy định của pháp luật về PCCC trong quy hoạch, xây dựng, phát triển các cụm công nghiệp cũng như đảm bảo duy trì công tác PCCC trong quá trình khai thác, hoạt động tại các cụm công nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng, góp phần đảm bảo sự phát triển bền vững.

Để nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong công tác đảm bảo an toàn về PCCC đối với các cụm công nghiệp, nhằm kiểm chế sự gia tăng về số vụ và thiệt hại do cháy, nổ gây ra; đảm bảo an ninh trật tự, tạo môi trường ổn định phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của các địa phương, trong thời gian tới, lực lượng Cảnh sát PCCC cần thực hiện tốt một số nội dung sau:

Tiếp tục tham mưu cho Bộ Công an trình Chính phủ hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về PCCC nói chung và đối với công tác đảm bảo an toàn về PCCC tại các cụm công nghiệp nói riêng. Cần cụ thể hóa các quy định của pháp luật về PCCC đối với các cụm công nghiệp như: yêu cầu về PCCC khi lập quy hoạch, dự án xây dựng mới hoặc cải tạo cụm công nghiệp; quy định về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng mới hoặc cải tạo các cụm công nghiệp; dự án xây dựng mới hoặc cải tạo công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan đến PCCC; nghĩa vụ PCCC của đơn vị kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp... Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong công tác PCCC theo hướng công khai, đơn giản hóa các thủ tục, giảm thời gian thực hiện nhưng vẫn bảo đảm chặt chẽ theo quy định của pháp luật, tạo môi trường thuận lợi phục vụ đầu tư, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và cá nhân. Từ đó, tạo hành lang pháp lý vững chắc trong việc áp dụng các quy định của pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả công tác đảm bảo an toàn về PCCC tại các cụm công nghiệp.

Chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền các cấp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các văn bản pháp luật, các quy hoạch và kế hoạch về PCCC đối với cụm công nghiệp. Tại các cụm công nghiệp phải tăng cường điều kiện cơ sở hạ tầng, hệ thống giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy; giải quyết dứt điểm những sơ hở, thiếu sót, tồn tại liên quan đến công tác PCCC. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để tập trung và xử lý những vấn đề khó khăn, phức tạp trong công tác đảm bảo an toàn về PCCC tại các cụm công nghiệp. Bên cạnh đó, cần tăng cường tham mưu đề xuất Giám đốc Công an tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung và ban hành mới quy chế, chỉ thị, kế hoạch về công tác đảm bảo an toàn về PCCC đối với cụm công nghiệp, trên cơ sở đó, việc áp dụng các quy định trong công tác đảm bảo an toàn về PCCC sẽ được thuận lợi hơn, hiệu quả đem lại sẽ cao hơn.

Đổi mới nội dung, cải tiến hình thức, biện pháp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, tạo sự chuyển biến căn bản về nhận thức, ý thức trách nhiệm của người đứng đầu các doanh nghiệp và người lao động trong công tác bảo đảm an toàn PCCC. Nội dung tuyên truyền cần bám sát vào đặc điểm sản xuất, kinh doanh của các cơ sở trong cụm công nghiệp, chỉ rõ những vị trí, khu vực có nguy hiểm cháy, nổ cao tại các cơ sở trong các cụm công nghiệp từ đó tập trung tuyên truyền, hướng dẫn để người đứng đầu các cơ sở, người lao động làm việc tại cơ sở nhận thức rõ nguy cơ tiềm ẩn cháy, nổ cao tại các vị trí, khu vực đó. Đồng thời, đưa ra các biện pháp đảm bảo an toàn về PCCC, có như vậy thì công tác tuyên truyền mới thực sự đem lại được hiệu quả. Tăng cường phối hợp với

(Xem tiếp trang 26)

NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH TẠM ĐÌNH CHỈ, ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Trung tá, TS. NGUYỄN KIÊN CƯỜNG

Phó trưởng Bộ môn pháp luật và Nghiệp vụ Công an, Trường Đại học PCCC

Tóm tắt: Trong những năm qua, tình hình vi phạm pháp luật về phòng cháy chữa cháy (PCCC) diễn ra khá phổ biến và có chiều hướng gia tăng, gây thiệt hại không nhỏ cho sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Điều đó đòi hỏi lực lượng Cảnh sát PCCC phải có biện pháp kiểm chế tình trạng vi phạm pháp luật về PCCC, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Bài viết này đánh giá thực trạng, chỉ ra những tồn tại, hạn chế trong việc thi hành quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động trong lĩnh vực PCCC và đề xuất một số biện pháp khắc phục trong thời gian tới.

Từ khóa: thi hành quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động trong lĩnh vực PCCC.

Abstract: In recent years, violations of the fire codes occur quite popularly and tend to increase, causing significant damage to the country's socio-economic development. Thus, it is required that the Fire Police Force take measures to restrict the situation of fire code violations, ensuring the strictness of the law. The article assesses the current situation and points out the shortcomings and limitations in the implementation of decisions on temporary suspension, suspension of operations in the fire service and proposes some correction measures in the coming time.

Keywords: implementation of temporary suspension, suspension decisions on operation in the fire service.

Ngày nhận bài: 21/8/2019; **Ngày thẩm định:** 30/8/2019; **Ngày duyệt đăng:** 05/7/2020.

Trong những năm gần đây, nổi lên trong các hành vi vi phạm hành chính đó là các hành vi vi phạm pháp luật về PCCC. Đặc biệt, cùng với sự phát triển kinh tế, xã hội, tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh chóng đã kéo theo tình trạng vi phạm pháp luật về PCCC diễn ra khá phổ biến và đang có chiều hướng gia tăng, gây thiệt hại cho sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Nhằm kiểm chế tình trạng vi phạm pháp luật về PCCC, các cơ quan quản lý nhà nước đã áp dụng nhiều biện pháp khác nhau như: tuyên truyền nâng cao nhận thức của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật PCCC; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về PCCC... và một trong những biện pháp thể hiện tính rắn đe cao đối với các chủ thể vi phạm pháp luật về PCCC đó là tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân không bảo đảm an toàn về PCCC.

Quy định về tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động trong lĩnh vực PCCC được quy định trong Luật PCCC, Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013, cụ thể như sau:

Theo quy định tại Điều 29 của Luật PCCC thì cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân không bảo đảm an toàn về PCCC sẽ bị tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động trong các trường hợp như: khi có nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ; vi phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định về PCCC; vi phạm nghiêm trọng quy định về PCCC đã được cơ quan quản lý nhà nước về PCCC yêu cầu khắc phục mà không thực hiện.

Quy định này được giải thích rõ hơn tại Điều 19, Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật PCCC và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC (sau đây gọi tắt là Nghị định số 79/2014/NĐ-CP), các trường hợp bị tạm đình chỉ hoạt động cụ thể gồm:

Trong môi trường nguy hiểm cháy, nổ xuất hiện nguồn lửa, nguồn nhiệt hoặc khi đang có nguồn lửa, nguồn nhiệt mà xuất hiện môi trường nguy hiểm cháy, nổ (sau đây gọi là nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ).

Vi phạm quy định về PCCC nếu không được ngăn chặn kịp thời có thể dẫn đến nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ và có thể gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Vi phạm quy định về PCCC đã được cơ quan Cảnh sát PCCC yêu cầu khắc phục mà không khắc phục hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về PCCC mà tiếp tục vi phạm.

Cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân quy định tại Khoản 1, Điều 19, Nghị định số 79/2014/NĐ-CP đã hết thời hạn tạm đình chỉ mà không khắc phục hoặc không thể khắc phục được và có nguy cơ gây hậu quả nghiêm trọng thì bị đình chỉ hoạt động. Việc đình chỉ hoạt động có thể thực hiện đối với từng bộ phận hoặc toàn bộ cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và hoạt động của cá nhân.

Trường hợp bị tạm đình chỉ thì chỉ được hoạt động trở lại khi có nguy cơ phát sinh cháy, nổ được loại trừ hoặc những vi phạm đã được khắc phục và được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định tạm đình chỉ cho phép.

Theo thống kê của Bộ Công an, tính đến tháng 7/2018, cả nước có 262.126 cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC, trong đó có 114.334 cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ. Chỉ tính riêng trong thời gian từ tháng 7/2014 đến tháng 7/2018, Công an các đơn vị địa phương đã tiến hành 357 cuộc thanh tra; tổ chức kiểm tra an toàn PCCC 1.575.154 lượt đối với 262.126 cơ sở. Qua thanh tra, kiểm tra đã lập 1.575.154 biên bản kiểm tra, kịp thời phát hiện hàng triệu tồn tại, thiếu sót, ban hành 98.384 công văn kiến nghị và hướng dẫn các cơ sở khắc phục các tồn tại, thiếu sót trong công tác đảm bảo an toàn PCCC. Qua đó, đã lập 98.384 biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định xử phạt 98.384 trường hợp vi phạm về PCCC với tổng số tiền nộp ngân sách nhà nước là 206 tỷ đồng, đình chỉ hoạt động 1.956 trường hợp, tạm đình chỉ hoạt động 2.720 trường hợp và phạt cảnh cáo hơn 2.035 trường hợp vi phạm.

Việc áp dụng các hình thức tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động trong lĩnh vực PCCC đã được cơ quan Cảnh sát PCCC&CNCH thực hiện quyết liệt, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật PCCC của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong công tác PCCC. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong công tác này còn bộc lộ những hạn chế, thiếu sót như: tình trạng vi phạm các quy định pháp luật về PCCC được phát hiện còn diễn ra khá phổ biến, chưa tương xứng so với thực tế phát hiện, trong xử lý còn thiếu kiên quyết, đa số là hướng dẫn, kiến nghị. Một số địa phương, lãnh đạo UBND các cấp chưa thực hiện hết trách nhiệm, thẩm quyền xử lý trong việc áp dụng biện pháp tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động trong lĩnh vực PCCC và có tình trạng “khoán trắng” cho lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH. Việc tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động trong lĩnh vực PCCC còn gặp nhiều khó khăn, nhất là tại các chợ, trung tâm thương mại, khu chung cư... do liên quan đến hoạt động kinh doanh, đời sống sinh hoạt của người dân. Cá biệt có tình trạng cơ sở bị tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động do vi phạm các quy định về PCCC nhưng vẫn cố tình lén lút, thậm chí ngang nhiên hoạt động. Có thể kể đến như trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chế biến thực phẩm Tiến Bảo có địa chỉ tại Khu công nghiệp Phú Nghĩa thuộc huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, mặc dù bị tạm đình chỉ hoạt động nhưng vẫn cố tình hoạt động; hay theo báo cáo của Công an Thành phố Hà Nội, trong tổng số 526 cơ sở kinh doanh karaoke đã bị đình chỉ

hoạt động do không đảm bảo điều kiện an toàn PCCC, có tới 323 cơ sở vẫn tiếp tục hoạt động lén lút.

Qua tổng kết, đánh giá cho thấy những hạn chế, thiếu sót nêu trên xuất phát từ một số nguyên nhân sau:

Trong Nghị định số 79/2014/NĐ-CP chưa quy định chế tài cưỡng chế đối với các trường hợp cố tình hoạt động sau khi có quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động về PCCC; nghị định cũng chưa có giải thích rõ thế nào là “nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ”; “vi phạm nghiêm trọng” nên dẫn đến cách hiểu không thống nhất trong việc áp dụng.

Việc quy định về mức độ nguy hiểm, phạm vi cần tạm đình chỉ, đình chỉ còn chưa rõ ràng, chi tiết.

Quy định các trường hợp bị tạm đình chỉ hoạt động tại Khoản 1, Điều 19 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP còn mang tính định tính, chưa định lượng cụ thể như: việc xác định nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ; môi trường nguy hiểm về cháy, nổ nếu không được ngăn chặn kịp thời có thể dẫn đến nguy cơ xảy ra cháy, nổ gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Việc xác định phạm vi bị tạm đình chỉ: theo quy định tại Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 79/2014/NĐ-CP thì việc tạm đình chỉ hoạt động chỉ giới hạn trong phạm vi nhỏ nhất, theo nguyên tắc nơi nào có nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ và vi phạm ở phạm vi nào thì tạm đình chỉ khu vực đó. Tuy nhiên, việc xác định vi phạm nhỏ nhất (về diện tích, không gian hay khu vực...) và hành vi vi phạm quy định về PCCC như thế nào mới bị tạm đình chỉ hoạt động.

Việc theo dõi cơ sở chấp hành quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động còn khó thực hiện do không đủ cán bộ và thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng, nhất là sự phối hợp với chính quyền địa phương.

Trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCCC còn chưa đồng đều. Tính đến tháng 7/2018, toàn lực lượng Cảnh sát PCCC có 14.389 người. Trong đó, lực lượng làm công tác phòng cháy chỉ có 1.878 người, chiếm 13%. Mặt khác, về trình độ chuyên môn được đào tạo về PCCC của toàn lực lượng chưa cao, hiện chỉ có: 04 Tiến sĩ; 188 Thạc sĩ; 2.518 Đại học; 119 Cao đẳng; 2.796 Trung cấp. Bên cạnh đó, việc đầu tư, trang bị các phương tiện kỹ thuật phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm quy định về an toàn PCCC còn hạn chế, bất cập, dẫn đến việc phát hiện lỗi vi phạm chưa được triệt để hoặc thiếu cơ sở khoa học.

Sự quan tâm, vào cuộc của chính quyền địa phương trong đó trọng tâm là Ủy ban nhân dân các cấp đối với công tác PCCC chưa quyết liệt, bởi theo quy định của pháp luật PCCC thì Chủ tịch UBND các cấp được áp dụng biện pháp này thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của mình; hiện tượng “khoán trắng” cho lực lượng Công an còn xảy ra ở nhiều nơi; cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành chưa thực sự chặt chẽ; hoạt động của các Ban Chỉ đạo PCCC ở các cấp hiệu quả chưa cao.

Nhận thức pháp luật về PCCC của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở, cá nhân còn hạn chế. Còn có tình trạng người đứng đầu cơ sở không chấp hành nghiêm quy định của pháp luật về PCCC, cố tình chây ỳ, không thực hiện các kiến nghị cũng như quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động của cơ quan Cảnh sát PCCC.

Trên cơ sở những hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót nêu trên, trong thời gian tới, để nâng cao hiệu quả thi hành quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động trong lĩnh vực PCCC, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, Mặt trận Tổ quốc, các Bộ, Ban, Ngành trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác PCCC. Trên cơ sở đó, khi lực lượng Cảnh sát PCCC áp dụng biện pháp tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động trong lĩnh vực PCCC sẽ được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của chính quyền địa phương cũng như sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời của các Bộ, Ban, Ngành có liên quan. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật để mọi người dân hiểu biết pháp luật, tự giác chấp hành, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về PCCC. Đặc biệt chú trọng đối mới nội dung, hình thức, biện pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyên truyền. Thực tế cho thấy, khi người vi phạm có nhận thức pháp luật, hoặc được giải thích rõ về việc vi phạm pháp luật về PCCC của mình và phải chịu các hình thức xử lý theo quy định thì cá nhân họ sẽ dễ dàng chấp nhận và tuân thủ. Ngược lại, khi người vi phạm thiếu hiểu biết pháp luật, hoặc không được giải thích rõ ràng về hành vi phạm cũng như các biện pháp xử lý phải gánh chịu thì họ rất dễ có biểu hiện không hợp tác, chống đối, không chấp hành biện pháp xử lý.

Hai là, sửa đổi, bổ sung một số quy phạm pháp luật trong các văn bản pháp luật làm cơ sở pháp lý cho việc tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động trong lĩnh vực PCCC; sửa đổi, bổ sung một số điều trong Luật PCCC về các trường hợp bị tạm đình chỉ hoạt động theo hướng quy định rõ ràng, cụ thể để dễ áp dụng trong thực tế, tránh quy định theo kiểu “định tính”. Với mô hình tổ chức bộ máy mới của lực lượng Cảnh sát PCCC hiện nay, cần giao thẩm quyền tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động cho Trưởng Công an cấp huyện đối với cơ sở trong phạm vi quản lý của mình.

Ba là, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, xử lý vi phạm có phẩm chất, năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Thực tế hiện nay đòi hỏi đội ngũ cán bộ này trước tiên phải có phẩm chất đạo đức tốt, kiên quyết xử lý với các hành vi vi phạm, không nể nang, không tiêu cực. Bên cạnh đó phải có trình độ chuyên môn vững vàng, nắm chắc các quy định của pháp luật về PCCC và vận dụng một cách chính xác đối với các vi phạm trong thực tế. Và quá trình xử lý vi phạm cũng cần có kỹ năng giải thích pháp luật để người vi phạm hiểu và chấp hành. Mặt khác, hiện Bộ Công an đã triển khai mô hình, tổ chức bộ máy mới theo Luật Công an nhân dân năm 2018 và Nghị định số 01/2018/NĐ-CP, do đó, trong thời gian tới, Bộ Công an cần chỉ đạo các đơn vị chức năng kịp thời, tăng cường tổ chức tập huấn nghiệp vụ về công tác xử lý vi phạm về PCCC cho các cán bộ thuộc Công an cấp huyện, cấp xã.

Bốn là, kiên quyết, triệt để xử lý đối với các trường hợp không chấp hành quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động về PCCC nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, tính răn đe, giáo dục cao trong việc nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về PCCC. Có kế hoạch để chủ động đề ra các biện pháp giải quyết đối với các tình huống không chấp hành của người vi phạm như phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành cưỡng chế nếu không chấp hành; củng cố tài liệu, chứng cứ lập hồ sơ khởi tố vụ án hình sự nếu người vi phạm có hành vi chống người thi hành công vụ; đăng tải trên các phương

tiện thông tin đại chúng về những hành vi vi phạm pháp luật về PCCC cũng như việc không chấp hành của người vi phạm để tạo sức ép dư luận, sự lên án của đông đảo quần chúng nhân dân đối với người vi phạm.

Năm là, đầu tư trang thiết bị phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về PCCC. Việc ra quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động trong lĩnh vực PCCC được tiến hành sau khi tiến hành công tác thanh tra, kiểm tra an toàn về PCCC và xác định có vi phạm pháp luật về PCCC. Do vậy, việc ra quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động trong lĩnh vực PCCC chính xác hay không phụ thuộc vào chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra an toàn về PCCC. Mặt khác, hoạt động này tác động trực tiếp đến quyền lợi về kinh tế, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở. Do vậy, việc ra quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động trong lĩnh vực PCCC của cơ quan chức năng phải chính xác, có cơ sở pháp lý và cơ sở kỹ thuật. Để công tác thanh tra, kiểm tra an toàn về PCCC có chất lượng, ngoài việc chủ thể áp dụng có trình độ chuyên môn, phẩm chất năng lực thì yếu tố trang thiết bị phục vụ công tác là hết sức quan trọng bởi hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm về PCCC là hoạt động mang tính pháp lý, tính khoa học, kỹ thuật. Các trang thiết bị thiết yếu phục vụ cho công tác này bao gồm như thiết bị đo khoảng cách, khối lượng: thước dây, thiết bị đo khoảng cách bằng tia laser; thiết bị đo điện, động cơ: ampe kế, vôn kế, kim đo điện, đồng hồ đo điện vạn năng, thiết bị đo tốc độ quy động cơ...; thiết bị đo thông số môi trường: thiết bị đo nhiệt độ, thiết bị đo khí thải, khí cháy, thiết bị đo nồng độ khí CO, thiết bị đo nồng độ hơi xăng dầu, thiết bị đo nồng độ hơi, khí, bụi cháy; thiết bị đo thông số kỹ thuật các hệ thống: thiết bị đo áp suất dư buồng thang bộ, thiết bị đo tốc độ gió, thiết bị đo lưu lượng chất lỏng, thiết bị đo áp lực nước, máy đo điện trở nổi đất...

Sáu là, tăng cường quan hệ phối hợp giữa lực lượng Cảnh sát PCCC với các đơn vị liên quan trong việc đảm bảo thực thi quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động trong lĩnh vực PCCC. Để thực hiện tốt giải pháp này, lực lượng Cảnh sát PCCC cần tiến hành các nội dung như: tham mưu cho chính quyền địa phương thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành về PCCC trong đó có lãnh đạo UBND các cấp là Trưởng đoàn hoặc thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành theo lĩnh vực, chuyên đề do lãnh đạo Sở, Ban, Ngành có chuyên môn theo lĩnh vực đó là Trưởng đoàn... để khi tiến hành việc tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động sẽ có tính thực thi, chấp hành cao hơn. Phối hợp với chính quyền địa phương, Công an cấp cơ sở như: Công an phường, Công an quận, huyện trong việc phát hiện, ngăn chặn các cơ sở có quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động nhưng vẫn cố tình lén lút hoạt động trong thời gian bị tạm đình chỉ.

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình cháy, nổ cũng như tình hình vi phạm pháp luật về PCCC trong thời gian vừa qua thì việc nâng cao hiệu quả thi hành quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động trong lĩnh vực PCCC là một biện pháp không thể thiếu được nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về PCCC của lực lượng Cảnh sát PCCC. Để biện pháp này được triển khai thực hiện hiệu quả cần tiến hành đồng bộ các biện pháp, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, các ban, ngành, đoàn thể, và sự ủng hộ của đông đảo quần chúng nhân dân. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công an (2014), *Thông tư số 66/2014/TT-BCA* ngày 16/12/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 30/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.
2. Bộ Công an (2017), *Thông tư số 46/2017/TT-BCA* ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về kiểm tra, tập huấn nghiệp vụ kiểm tra an toàn về PCCC của lực lượng Công an nhân dân.
3. Bộ Công an (2018), *Báo cáo số 102/BC-BCA-C07* ngày 19/02/2019 tình hình thực hiện chính sách pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ giai đoạn 2014 - 2018.

4. Chính phủ (2013), *Nghị định số 167/2013/NĐ-CP* ngày 12/11/2013 quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực ANTT, an toàn xã hội; chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.
5. Chính phủ (2014), *Nghị định số 79/2014/NĐ-CP* ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.
6. Quốc hội (2001), *Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10* ngày 29/6/2001.
7. Quốc hội (2013), *Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy*.

ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG CÔNG TÁC...

(Tiếp theo trang 22)

các cơ quan thông tin đại chúng trong công tác tuyên truyền về phòng, chống cháy, nổ; xây dựng, nhân rộng các điển hình tiên tiến theo hướng tự phòng, tự quản; theo cụm doanh nghiệp an toàn PCCC.

Nâng cao chất lượng các mặt công tác chuyên môn như: thẩm duyệt về PCCC đối với các dự án, công trình trong cụm công nghiệp khi xây dựng mới, cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng; tăng cường kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về phòng, chống cháy nổ đối với các cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp, nhất là cơ sở, kho tàng tập trung nhiều hàng hóa, chất dễ cháy, nổ; chủ động phát hiện yếu tố nguy hiểm về cháy, nổ, vi phạm quy định về PCCC gây mất an toàn trong cụm công nghiệp, các cơ sở để kiến nghị các cấp, ngành, doanh nghiệp có các biện pháp xử lý, khắc phục. Quá trình kiểm tra phải kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về PCCC, đối với các cơ sở vi phạm nghiêm trọng phải tiến hành tạm đình chỉ hay đình chỉ hoạt động.

Rà soát, củng cố và kiện toàn tổ chức, hoạt động của Đội PCCC cơ sở, huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho lực lượng này đảm bảo hoạt động có hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; thường xuyên tổ chức diễn tập, thực tập các phương án, tình huống xử lý sự cố cháy, nổ. Đồng thời, xây dựng đội ngũ cán bộ, chiến sỹ PCCC có bản lĩnh chính trị vững vàng, nắm vững pháp luật, giỏi về nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm cao trong công tác, chiến đấu, sẵn sàng vượt qua khó khăn, hoàn thành xuất sắc yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Hoàn thiện các quy định của pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về PCCC nói chung và đối với các cụm công nghiệp nói riêng là một trong những yếu tố quan trọng, quyết

định hiệu quả công tác đảm bảo an toàn về PCCC tại các cụm công nghiệp; là cơ sở pháp lý vững chắc để việc áp dụng pháp luật được thực hiện thống nhất và đạt được hiệu quả. Từ đó cho thấy, việc nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong công tác đảm bảo an toàn về PCCC tại các cụm công nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng, góp phần thu hút sự đầu tư của các doanh nghiệp vào cụm công nghiệp; tạo môi trường an toàn trong sản xuất, kinh doanh; thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội của các địa phương cũng như của cả nước, tạo nên sự phát triển bền vững tại các cụm công nghiệp. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2014), *Nghị định số 79/2014/NĐ-CP* ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy
2. Chính phủ (2019), *Báo cáo số 233/BC-CP* ngày 23/5/2019 về tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy giai đoạn 2014 - 2018, Hà Nội.
3. Cục Công thương địa phương (2019), *Báo cáo tại hội nghị cơ chế, chính sách quản lý, phát triển cụm công nghiệp*, Hà Nội.
4. Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (2020), *Tài liệu Hội nghị Tổng kết công tác năm 2019 và triển khai chương trình công tác năm 2020 của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH*, Hà Nội.
5. Hoàng Ngọc Hải (2019), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy*, Tạp chí Công an nhân dân, tháng 12/2019, tr.35-39.

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT VÀ KIẾN THỨC PCCC TẠI CÁC CƠ SỞ MAY MẶC TRONG KHU CÔNG NGHIỆP

Thiếu tá, TS. PHẠM THỊ HỒNG

Công an tỉnh Bình Dương

Trung tá, TS. KHÚC QUANG TRUNG

Phó trưởng Khoa Phòng cháy, Trường Đại học PCCC

Tóm tắt: Theo kết quả của Đoàn Giám sát Quốc hội về việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng cháy chữa cháy (PCCC) giai đoạn 2014 - 2018, từ tháng 7/2014 đến tháng 7/2018, cả nước xảy ra 126 vụ cháy lớn, chiếm tỷ lệ 0,95%, làm chết 35 người, bị thương 92 người, thiệt hại về tài sản khoảng 5.000 tỷ đồng. Trung bình 01 năm xảy ra khoảng 30 vụ cháy lớn, gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản. Các loại hình cơ sở xảy ra cháy lớn chủ yếu là cơ sở sản xuất công nghiệp có diện tích nhà xưởng, kho tàng với quy mô lớn, tồn trữ nhiều loại hàng dễ cháy như cơ sở may mặc, cơ sở gia công chế biến gỗ... Tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức PCCC là một hoạt động quan trọng làm giảm mức độ cháy, nổ xảy ra. Bài viết nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tuyên truyền phổ biến pháp luật và kiến thức PCCC tại các cơ sở may mặc trong khu công nghiệp.

Từ khóa: cơ sở may mặc, tuyên truyền, khu công nghiệp.

Abstract: According to the results obtained by the supervisory team of the National Assembly on the implementation of policies and laws on fire protection from 2014 to 2018, during the period from July 2014 to July 2018, 126 cases of big fires occurred nationwide, accounting for 0.95%, which killed 35 people, injured 92 people, and caused property damage of about 5,000 billion VND. Approximately 30 large fires occurred per year on average, causing serious loss of property. The facilities that are vulnerable to large fires are mainly industrial production facilities with large-scale workshops and warehouses of numerous combustible goods such as garment manufacturing facilities and wood processing facilities. Fire safety education and the dissemination of laws are important activities to help reduce fires and explosions. Therefore, the writers have studied the factors affecting fire safety education and dissemination of laws at garment manufacturing facilities in industrial zones.

Keywords: garment manufacturing facilities, fire safety education, industrial zones.

Ngày nhận bài: 12/5/2020; **Ngày thẩm định:** 20/5/2020; **Ngày duyệt đăng:** 05/7/2020.

1. Khái niệm và yêu cầu về PCCC đối với cơ sở may mặc trong khu công nghiệp

Khoản 3, Điều 3, Luật PCCC quy định [1]: "Cơ sở là từ gọi chung cho nhà máy, xí nghiệp, kho tàng, trụ sở làm việc, bệnh viện, trường học, rạp hát, khách sạn, chợ, trung tâm thương mại, doanh trại lực lượng vũ trang và các công trình khác". Cơ sở may mặc là nơi diễn ra các hoạt động sản xuất

hàng hóa thuộc ngành dệt may, bao gồm các loại quần áo may mặc nói chung và các phụ kiện kèm theo. Chính vì vậy, cơ sở may mặc được xác định là một cơ sở về PCCC. Khoản 1, Điều 20, Luật PCCC quy định về phòng cháy đối với cơ sở như sau: cơ sở được bố trí trên một phạm vi nhất định, có người quản lý, hoạt động và cần thiết có phương án PCCC độc lập phải thực hiện các yêu cầu sau: có quy định, nội quy về an

toàn PCCC; có các biện pháp về phòng cháy; có hệ thống báo cháy, chữa cháy, ngăn cháy phù hợp với tính chất hoạt động của cơ sở; có lực lượng, phương tiện và các điều kiện đáp ứng yêu cầu về PCCC; có phương án chữa cháy, thoát nạn, cứu người, cứu tài sản chống cháy lan; bố trí kinh phí cho hoạt động PCCC; có hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC.

Các yêu cầu trên được cụ thể hóa tại Khoản 1, Điều 7, Nghị định số 79/2014/NĐ-CP, điều kiện an toàn PCCC đối với một cơ sở là [2]:

Có quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn PCCC, thoát nạn phù hợp với đặc điểm và tính chất hoạt động của cơ sở.

Có quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC trong cơ sở.

Hệ thống điện, chống sét, chống tĩnh điện; thiết bị sử dụng điện, sinh lửa, sinh nhiệt; việc sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt phải bảo đảm an toàn về PCCC.

Có quy trình kỹ thuật an toàn về PCCC phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Có lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành được huấn luyện nghiệp vụ PCCC và tổ chức thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.

Có phương án chữa cháy, thoát nạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Có hệ thống giao thông, cấp nước, thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy, hệ thống báo cháy, chữa cháy, ngăn cháy, phương tiện PCCC khác, phương tiện cứu người phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở bảo đảm về số lượng, chất lượng và hoạt động phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về PCCC hoặc theo quy định của Bộ Công an.

Có văn bản thẩm duyệt, kiểm tra nghiệm thu về PCCC của cơ quan Cảnh sát PCCC.

Có hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức PCCC của lực lượng Cảnh sát PCCC đối với cơ sở may mặc trong khu công nghiệp

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức về PCCC đối với cơ sở may mặc là thực hiện việc giải thích, truyền bá pháp luật, kiến thức, kỹ năng về PCCC cho các đối tượng bằng một hoặc nhiều hình thức nhằm chuyển biến và nâng cao về nhận thức, xây dựng niềm tin pháp luật, thúc đẩy mọi người hành động, tự giác thực hiện các quy định về PCCC tại cơ sở may mặc trong khu công nghiệp. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức đối với cơ sở may mặc trong khu công nghiệp được thể hiện trên cả nội dung và hình thức.

Nội dung tuyên truyền về PCCC cần tập trung vào trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở, nhiệm vụ của lực lượng PCCC cơ sở



Hình 1: Hình ảnh một buổi tuyên truyền phổ biến pháp luật và kiến thức về PCCC tại các cơ sở may mặc trong khu công nghiệp.

trong công tác PCCC; các biện pháp PCCC, loại trừ các nguy cơ cháy, nổ xảy ra tại cơ sở may mặc trong khu công nghiệp; các biện pháp chữa cháy và tổ chức thoát nạn trong điều kiện cháy. Qua công tác tuyên truyền làm cho người đứng đầu cơ sở, các công nhân tại cơ sở may mặc trong khu công nghiệp nâng cao được ý thức, trách nhiệm của mình trong công tác PCCC.

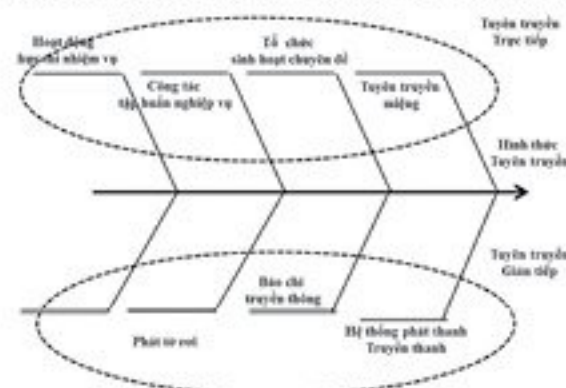
Trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở may mặc là tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCCC; xây dựng phong trào Toàn dân tham gia PCCC; thành lập, duy trì hoạt động Đội PCCC theo quy định của pháp luật, ban hành nội quy và biện pháp về PCCC; tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC; bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, sử dụng kinh phí PCCC đúng mục đích; trang bị và duy trì hoạt động của dụng cụ, phương tiện PCCC; chuẩn bị các điều kiện phục vụ chữa cháy; xây dựng, tổ chức thực tập phương án chữa cháy; bảo đảm các điều kiện phục vụ công tác huấn luyện nghiệp vụ về PCCC; tổ chức chữa cháy và khắc phục hậu quả do cháy gây ra.

Nhiệm vụ của lực lượng PCCC tại cơ sở may mặc trong khu công nghiệp là đề xuất việc ban hành quy định, nội quy an toàn về PCCC cơ sở may mặc trong khu công nghiệp; tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức PCCC; xây dựng phong trào quần chúng tham gia PCCC tại cơ sở may mặc trong khu công nghiệp; kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành các quy định, nội quy an toàn về PCCC tại cơ sở may mặc trong khu công nghiệp; tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC; xây dựng phương án, chuẩn bị lực lượng, phương tiện và thực hiện nhiệm vụ chữa cháy khi có cháy xảy ra tại cơ sở may mặc trong khu công nghiệp.

Hình thức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật là cách thức tổ chức hoạt động

phổ biến, giáo dục pháp luật, cách tiến hành một hoạt động cụ thể để đạt được mục đích hình thành ở đối tượng tình cảm, tri thức và hành vi pháp lý phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi của pháp luật. Hình thức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCCC đối với các cơ sở nói chung và tại cơ sở may mặc trong khu công nghiệp nói riêng bao gồm:

Tuyên truyền trực tiếp: là hình thức tuyên truyền trực tiếp bằng lời nói để thuyết phục người nghe nhằm nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin và tổ chức họ hành động theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tuyên truyền trực tiếp được thể hiện qua các phương thức: tuyên truyền miệng; tuyên truyền thông qua các buổi tổ chức hội họp,



Hình 2: Các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức về PCCC tại các cơ sở may mặc trong khu công nghiệp.

sinh hoạt chuyên đề; tuyên truyền qua công tác tập huấn nghiệp vụ PCCC; tuyên truyền thông qua tổ chức thi tìm hiểu pháp luật về PCCC; tuyên truyền qua các hoạt động thực thi nhiệm vụ (công tác kiểm tra PCCC, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCCC, tổ chức thực tập phương án chữa cháy...) tại các cơ sở may mặc trong khu công nghiệp.

Tuyên truyền gián tiếp: tuyên truyền thông qua hệ thống phát thanh, truyền thanh; tuyên truyền thông qua loại hình báo chí truyền thông; tuyên truyền gián tiếp thông qua phát tờ rơi về PCCC. Hình 2 là giản đồ fishbom mô tả các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức về PCCC tại các cơ sở may mặc trong khu công nghiệp.

3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức PCCC tại các cơ sở may mặc trong khu công nghiệp

3.1. Năng lực tổ chức tuyên truyền của lực lượng Cảnh sát PCCC

Trình độ, phẩm chất, năng lực của cán bộ làm công tác tuyên truyền là yếu tố ảnh

hưởng rất lớn đến chất lượng trong công tác tuyên truyền, cán bộ làm công tác tuyên truyền không hội đủ về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất, năng lực sẽ không đạt được hiệu quả ngay từ khâu xây dựng kế hoạch, bài giảng để tổ chức buổi tuyên truyền.

Bên cạnh đó, cán bộ làm công tác tuyên truyền cần có trình độ chuyên môn sâu về nghiệp vụ, phải nắm chắc tình hình chấp hành pháp luật về PCCC; chủ động tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền triển khai thực hiện công tác tuyên truyền; xây dựng kế hoạch tuyên truyền phù hợp với từng loại hình cơ sở, đối tượng trong từng thời điểm; nghiên cứu, phân tích đánh giá được các yếu tố về đặc điểm tình hình, trình độ nhận thức đối tượng được tuyên truyền, từ đó có hướng xử lý và đưa ra giải pháp, hình thức tuyên truyền phù hợp mang lại kết quả cao. Cán bộ làm công tác tuyên truyền cũng phải được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tuyên truyền, nghiệp vụ sư phạm nhằm nâng cao kỹ năng tuyên truyền; chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác tuyên truyền về PCCC.

3.2. Sự quan tâm chỉ đạo của Ủy ban nhân dân và người đứng đầu cơ sở may mặc trong khu công nghiệp

Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo công tác tuyên truyền PCCC, cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp chính quyền địa phương đặc biệt nâng cao vai trò chỉ đạo của Ủy ban nhân dân các cấp và người đứng đầu cơ sở may mặc trong khu công nghiệp.

Thực hiện tốt chức năng tự kiểm tra an toàn PCCC. Qua đó phát hiện và khắc phục sơ hở, thiếu sót về PCCC. Thường xuyên kiểm tra đôn đốc nhắc nhở cán bộ, nhân viên chấp hành, thực hiện quy định, nội quy, các điều kiện an toàn về PCCC như: việc sắp xếp hàng hóa đảm bảo khoảng cách an toàn PCCC, lối thoát nạn và việc tổ chức lực lượng, phương tiện chữa cháy tại chỗ đảm bảo thường xuyên thường trực, tuần tra canh gác để kịp thời phát hiện và chữa cháy có hiệu quả ngay từ ban đầu, kịp thời chỉ đạo các biện pháp xử lý, khắc phục, giải quyết dứt điểm những vi phạm, tồn tại, thiếu sót trong việc đảm bảo an toàn về PCCC.

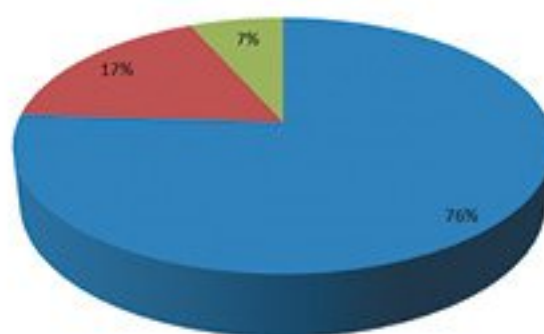
Quan tâm tổ chức lực lượng PCCC cơ sở. Xây dựng Đội PCCC cơ sở may mặc trong khu công nghiệp đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng. Giao nhiệm vụ cụ thể cho Đội PCCC tại cơ sở may mặc trong

khu công nghiệp thực hiện các nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về PCCC; kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành các quy định, nội quy an toàn về PCCC đối với công nhân tại cơ sở may mặc trong khu công nghiệp. Thực hiện tốt chế độ chính sách, chế độ đãi ngộ cho các đội viên Đội PCCC tại cơ sở may mặc trong khu công nghiệp; chú trọng việc tổ chức huấn luyện bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC cho Đội PCCC cơ sở. Bên cạnh đó, người đứng đầu cơ sở phải xây dựng và thực tập phương án chữa cháy.

3.3. Nhận thức về PCCC của các cán bộ tại cơ sở may mặc trong khu công nghiệp

Các công nhân là người trực tiếp thực hiện các quy định, giải pháp, biện pháp đảm bảo an toàn về PCCC tại cơ sở may mặc trong khu công nghiệp. Bên cạnh việc chỉ đạo kịp thời của cấp trên trực tiếp quản lý, các công nhân tại cơ sở may mặc trong khu công nghiệp là yếu tố đặc biệt quan trọng mang đến sự thành công hay thất bại trong các công tác PCCC tại cơ sở may mặc trong khu công nghiệp. Do đó, ý thức chấp hành trong việc thực hiện về công tác PCCC của các công nhân hoạt động trong cơ sở may mặc trong khu công nghiệp tích cực thì mang lại hiệu quả cao còn ngược lại sẽ không đạt được kết quả đề ra, dẫn đến có các hành vi vi phạm quy định về an toàn PCCC gây cháy, nổ xảy ra tại cơ sở may mặc trong khu công nghiệp. Thực tế, trình độ của công nhân trong cơ sở may mặc thấp, một số công nhân tham gia hoạt động trong cơ sở may mặc trong khu công nghiệp thường xem việc thực hiện công tác PCCC là trách nhiệm của cơ quan Cảnh sát PCCC và người đứng đầu cơ sở may mặc trong khu công nghiệp hay của các cấp chính quyền địa phương nên dẫn đến công tác PCCC tại cơ sở may mặc trong khu công nghiệp còn kém hiệu quả.

■ Lao động phổ thông
■ Trình độ trung cấp
■ Trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học



Hình 3: Trình độ lao động của công nhân tại cơ sở may mặc tại khu công nghiệp.

3.4. Các điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ công tác tuyên truyền về PCCC

Ngoài các yếu tố về sự quan tâm chỉ đạo của Ủy ban nhân dân các cấp và người đứng đầu cơ sở may mặc trong khu công nghiệp; nhận thức về PCCC của các công nhân tại cơ sở may mặc trong khu công nghiệp, các điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ công tác tuyên truyền luôn có tác động trực tiếp đến chất lượng công tác tuyên truyền tại cơ sở may mặc trong khu công nghiệp. Bên cạnh các điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ công tác tuyên truyền mang tính thiết yếu như: hệ thống phát thanh, phát hình nội bộ hay hội trường, sân bãi... tại các cơ sở may mặc trong khu công nghiệp, việc trang bị cho cán bộ làm công tác tuyên truyền các thiết bị cơ bản như: máy tính, máy chiếu, micro phone... là rất quan trọng. Chính các thiết bị này hỗ trợ trực tiếp cho cán bộ tuyên truyền chủ động xây dựng giáo án, bài giảng mà có thể kết hợp được nhiều hình thức trong một buổi tuyên truyền, làm cho buổi tuyên truyền được sinh động hơn, cùng một lúc người nghe cảm nhận, hình dung, liên kết các kiến thức được tuyên truyền và có thể vận dụng tốt vào thực tế trong công việc hàng ngày của mình. Trong trường hợp các thiết bị cơ bản phục vụ công tác tuyên truyền không được trang bị cho người làm công tác này, khi thực hiện buổi tuyên truyền chủ yếu là sử dụng hình thức tuyên truyền miệng, làm cho buổi nói chuyện trở nên khô khan, thiếu hình ảnh minh họa, thiếu tính thuyết phục, làm cho người nghe nhàm chán, ít tiếp thu. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật số 27/2001/QH10 của Quốc hội, Luật Phòng cháy và chữa cháy.
2. Nghị định số 79/2014/NĐ-CP, Nghị định quy định chi tiết quy định một số điều của Luật PCCC và Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật PCCC, Hà Nội, 2014.
3. Nguyễn Thế Từ, Nguyễn Thành Long (2005), *Giáo trình Tuyên truyền, Hướng dẫn xây dựng phong trào quần chúng PCCC*, Nxb Khoa học và kỹ thuật.
4. Thủ tướng Chính phủ (2008), *Quyết định số 36/2008/QĐ-TTg ngày 14/3/2008 phê duyệt chiến lược phát triển ngành dệt may Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.

NÂNG CAO HIỆU LỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY ĐỐI VỚI CHỢ VÀ TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

Đại tá, TS. PHẠM VĂN NĂM

Phó Hiệu trưởng Trường Đại học PCCC

Thượng úy BÙI VĂN VŨ

Khoa Chữa cháy, Trường Đại học PCCC

Tóm tắt: Chợ và trung tâm thương mại (TTTM) là loại hình hoạt động thương mại đã, đang và sẽ phát triển mạnh mẽ. An toàn trong hoạt động của chợ và trung tâm thương mại là yêu cầu cấp thiết trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội. Đánh giá thực trạng, chỉ ra các tồn tại, bất cập trong công tác quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy (PCCC) đối với các chợ và trung tâm thương mại trên địa bàn Thành phố Thanh Hóa nhằm đưa ra một số giải pháp đảm bảo an toàn PCCC cho các chợ và trung tâm thương mại là yêu cầu cấp thiết đặt ra.

Từ khóa: quản lý nhà nước, chợ và trung tâm thương mại, tuyên truyền, kiểm tra.

Abstract: Markets and commercial centres are types of commercial activities which have been developing vigorously. The safety for markets and commercial centres in operation is an urgent requirement in the socio-economic development. Assessing the current situation and pointing out shortcomings in the state management on fire safety for markets and commercial centres in Thanh Hoa city aim to propose several measures to ensure the fire safety for markets and commercial centres.

Keywords: state management, market and mall, propaganda, check.

Ngày nhận bài: 05/6/2020; **Ngày thẩm định:** 15/6/2020; **Ngày duyệt đăng:** 05/7/2020.

Chợ và trung tâm thương mại là những loại hình thương mại vừa truyền thống vừa hiện đại đã và đang được phát triển khá phổ biến ở nước ta hiện nay. Có thể nói rằng đó là hiện thân của các hoạt động thương mại, là sự tồn tại và phát triển của thị trường ở mỗi khu vực. Trong những năm qua, cùng với quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế

thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, mạng lưới chợ, trung tâm thương mại phát triển nhanh chóng đã góp phần mở rộng lưu thông hàng hóa phục vụ tốt nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và đời sống của nhân dân.

Thanh Hóa là tỉnh có tốc độ đô thị hóa nhanh, tốc độ phát triển kinh tế

đứng trong những địa phương dẫn đầu cả nước, là tỉnh có số dân đông, có vị trí địa lý thuận lợi, thuộc địa bàn trung chuyển từ Bắc vào Nam và ngược lại. Kinh tế phát triển cùng với nhiều lợi thế, nhu cầu mua sắm hàng hóa của người dân thông qua hệ thống chợ, trung tâm thương mại, siêu thị tăng lên cả ở thành thị và nông thôn. Thành phố Thanh Hóa

là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa của tỉnh Thanh Hóa. Công tác quản lý phát triển chợ, trung tâm thương mại cho thấy, bên cạnh các chợ đã được đầu tư cải tạo, nâng cấp bảo đảm nhu cầu mua sắm của người dân, vẫn còn nhiều chợ hình thành tự phát, xây dựng tạm, không đáp ứng được nhu cầu mua bán của người dân, trật tự, vệ sinh môi trường và công tác đảm bảo an toàn PCCC còn nhiều bất cập. Do đó, công tác quản lý nhà nước về PCCC đối với các chợ và TTTM là một vấn đề cần được quan tâm; làm tốt công tác PCCC góp phần phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn xã hội trên địa bàn thành phố.

Theo số liệu thống kê đến đầu năm 2020, Thành phố Thanh Hóa hiện có 31 chợ và 3 TTTM. Trong 05 năm gần đây, trên địa bàn Thành phố Thanh Hóa xảy ra 162 vụ cháy gây thiệt hại hơn 20 tỷ đồng, trong đó xảy ra 02 vụ cháy chợ gây thiệt hại hơn 5 tỷ đồng. Tuy chưa có vụ cháy TTTM, nhưng trong quá trình hoạt động TTTM luôn tiềm ẩn nguy cơ cháy, nổ cao. Dự báo số lượng chợ, TTTM có xu hướng ngày càng tăng, cùng với sự phát triển về số lượng, công tác quản lý đảm bảo an toàn, hiệu quả PCCC đối với chợ và TTTM, nâng cao hiệu lực công tác quản lý nhà nước về PCCC đối với các chợ và TTTM trên địa bàn Thành phố Thanh Hóa là hết sức cần thiết.

Công tác PCCC tại các chợ và TTTM trên địa bàn Thành phố Thanh Hóa được lực lượng PCCC&CNCH - Công an tỉnh Thanh Hóa đặc biệt quan tâm. Nghiên cứu số liệu các báo cáo từ năm 2015 đến năm 2019 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH, đồng thời trao đổi với lãnh đạo đơn vị, cán bộ phụ trách địa bàn cho thấy, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH đã tham mưu cho Giám đốc Công an tỉnh Thanh Hóa ban hành Công văn số 1782/CAT-PC07 về việc thực hiện quy trình công nhận chợ đạt chuẩn về PCCC trên địa bàn tỉnh; Công văn số 831/CAT-PC07 về việc cử thành phần tham gia Tổ thẩm định chợ đạt chuẩn về PCCC. Công an Thành phố

Thanh Hóa đã chủ động tham mưu cho Chủ tịch UBND ban hành văn bản tăng cường công tác PCCC, CNCH và kiện toàn Tổ Thẩm định chợ đạt chuẩn về PCCC trên địa bàn quản lý. Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Thanh Hóa đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, hướng dẫn an toàn PCCC, CNCH và xây dựng mô hình chợ đạt chuẩn về PCCC. Phối hợp với đài truyền hình và các đơn vị thông tin truyền thông đưa tin, bài, tổ chức tuyên truyền trực tiếp về công tác PCCC&CNCH trên hệ thống truyền thanh cơ sở; kết hợp kiểm tra an toàn PCCC&CNCH với tuyên truyền trực tiếp đến ban quản lý, chủ đầu tư kinh doanh, khai thác chợ, chủ hộ kinh doanh và nhân dân; phát tờ rơi, khuyến cáo về các biện pháp bảo đảm an toàn PCCC tại các chợ và TTTM lớn trên địa bàn thành phố. Tăng cường cán bộ, chiến sỹ xuống chợ, TTTM trên địa bàn quản lý, phối hợp, hướng dẫn ban quản lý, chủ đầu tư kinh doanh, khai thác chợ, đồn đốc, nhắc nhở các hộ tiểu thương, khách hàng tham quan mua sắm trong chợ chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về PCCC&CNCH; chuẩn bị lực lượng, dụng cụ, phương tiện, hệ thống PCCC sẵn sàng xử lý kịp thời khi có tình huống cháy, nổ xảy ra.

Công tác tuyên truyền về PCCC cho các chợ và TTTM trên địa bàn Thành phố Thanh Hóa đã được quan tâm và trú trọng. Riêng trong năm 2019, lực lượng Cảnh sát PCCC đã tổ chức 51 buổi tuyên truyền về PCCC, 11 lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức về an toàn PCCC với 1182 lượt người tham gia, cấp Giấy chứng nhận cho 237 người.

Tiến hành kiểm tra 289 lượt đối với chợ và TTTM trên địa bàn thành phố, ghi nhận 06 chợ vi phạm các quy định về an toàn PCCC, xử phạt 23,35 triệu đồng trong đó chủ yếu là các lỗi: thực hiện không đầy đủ hoặc không đúng thời hạn các yêu cầu về PCCC đã được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu bằng văn bản; sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt mà không đảm bảo khoảng cách an toàn về PCCC theo quy định.

Việc xây dựng phương án chữa cháy đối với các chợ và TTTM trên địa bàn Thành phố Thanh Hóa đã được hoàn thiện cụ thể đã xây dựng được 28 phương án chữa cháy theo mẫu PC11 và 08 phương án chữa cháy theo mẫu PC12.

Theo sự phân cấp quản lý và sắp xếp của Công an tỉnh Thanh Hóa, cán bộ làm công tác phòng cháy bao gồm 20 người thuộc Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH và Công an thành phố. Trong đó, có 13/20 (65%) cán bộ có trình độ Đại học, 7/20 (35%) cán bộ có trình độ Trung cấp.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong công tác quản lý nhà nước về PCCC đối với chợ và TTTM trên địa bàn Thành phố Thanh Hóa còn có những hạn chế và bất cập sau:

Công tác tuyên truyền về PCCC cho các chợ và TTTM trên địa bàn Thành phố Thanh Hóa chưa chú ý đến đặc điểm từng chợ và TTTM, nhất là tính chất nguy hiểm cháy của hàng hóa để có nội dung phù hợp. Đội PCCC cơ sở còn chủ quan trong công tác PCCC, bị động, chưa sẵn sàng ứng phó đối với các tình huống cháy, nổ có thể xảy ra. Người đứng đầu cơ sở, người quản lý chưa làm tròn trách nhiệm của mình trong công tác PCCC.

Công tác thanh tra, xử lý vi phạm quy định về PCCC của lực lượng Cảnh sát PCCC tỉnh Thanh Hóa về quản lý nhà nước về PCCC đối với chợ và TTTM còn hạn chế, nhất là xử lý trách nhiệm của người đứng đầu và ban quản lý chợ, TTTM.

Công tác xây dựng và thực tập phương án chữa cháy đối với chợ và TTTM còn tồn tại một số vấn đề đó là: chưa đánh giá hết tính chất nguy hiểm cháy, nổ của cơ sở; đối với cơ sở có diện tích lớn chưa nêu cụ thể đặc điểm, tính chất của các khu vực bên trong cơ sở, chưa tính toán đến các khu vực ki-ốt sâu trong chợ, các tình huống cháy nguy hiểm, phức tạp dẫn tới tổ chức chữa cháy còn hạn chế nếu để xảy ra cháy lớn, trong khi đó những khu vực này đều là khu vực có nguy cơ cháy cao. Chưa bổ sung, chỉnh lý phương án kịp thời khi

có sự thay đổi về lực lượng, phương tiện PCCC cũng như việc sửa chữa, cải tạo; một số chợ, TTMT chưa tổ chức thực tập, chất lượng thực tập phương án chữa cháy với lực lượng PCCC chuyên nghiệp được tiến hành.

Đối với cán bộ quản lý địa bàn của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH còn hạn chế chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý nhà nước, cán bộ thực hiện nhiệm vụ còn trẻ chưa có kinh nghiệm và chưa nắm đầy đủ yêu cầu công tác phòng ngừa. Số lượng cơ sở quản lý của mỗi cán bộ lớn, dẫn tới quá tải, không bao quát được tất cả các nội dung. Trong khi đó, thời gian dành cho đào tạo chuyên sâu nghiệp vụ quản lý nhà nước về PCCC đối với chợ và TTMT cho cán bộ làm công tác phòng ngừa thuộc lực lượng Cảnh sát PCCC chưa được chú trọng. Việc xử lý vi phạm quy định của lực lượng Cảnh sát PCCC chưa phản ánh hết những tồn tại trong công tác PCCC tại các chợ và TTMT.

Để nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về PCCC đối với chợ và TTMT trên địa bàn Thành phố Thanh Hóa, trong thời gian tới, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Thanh Hóa cần thực hiện tốt một số mặt công tác sau:

Một là, tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị số 47-CT/TW ngày 25/6/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCCC đối với các cơ quan, tổ chức và người dân. Tham mưu cho Giám đốc, cấp ủy chính quyền địa phương các cấp ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo các cấp, các ngành nâng cao trách nhiệm trong công tác PCCC các chợ và TTMT. Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và ban hành các văn bản pháp lý quy định về PCCC quy định quản lý nhà nước về PCCC đối với chợ và TTMT trên địa bàn Thành phố Thanh Hóa.

Hai là, tổ chức các buổi tuyên truyền, tập huấn về kiến thức PCCC, khi tuyên truyền phải chú ý đến đặc điểm từng chợ

và TTMT và tính chất nguy hiểm cháy của hàng hóa để có nội dung phù hợp trong công tác tuyên truyền, phải chú ý tới đảm bảo an toàn trong thấp hương thờ cúng, đun nấu. Kết hợp tuyên truyền với tổ chức đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về PCCC đối với lực lượng PCCC cơ sở trong các chợ và TTMT. Đồng thời nâng cao vai trò, trách nhiệm của người quản lý, người đứng đầu chợ và TTMT trong công tác PCCC.

Ba là, bám sát cơ sở, nắm chắc tình hình hoạt động của cơ sở, kiểm tra, lập biên bản và xử lý các vi phạm về PCCC theo các quy định đã ban hành. Thực hiện tốt công tác thanh tra về PCCC đối với chợ và TTMT, nhằm thực hiện có hiệu quả những kiến nghị sau khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra an toàn PCCC. Dựa trên kết quả công tác thanh tra, kiểm tra an toàn PCCC đối với chợ và TTMT, với các hành vi vi phạm, căn cứ mức độ vi phạm áp dụng các hình thức xử lý như: tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động của một bộ phận hay toàn bộ chợ và TTMT; xử phạt hành chính hoặc xử lý hình sự. Việc xử lý phải kiên quyết, triệt để và kịp thời, trong quá trình áp dụng các hình thức xử lý phải hết sức thận trọng nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đối tượng bị xử lý, đảm bảo tính khách quan, trung thực, chính xác trong công tác xử lý vi phạm.

Bốn là, xây dựng các phương án chữa cháy phù hợp với hình thức hoạt động của cơ sở, cán bộ kiểm tra an toàn về PCCC có nhiệm vụ hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra lực lượng PCCC cơ sở lập và thực tập phương án chữa cháy, phương án phối hợp các lực lượng trong chữa cháy; xây dựng quy trình xử lý các tình huống cháy, nổ lớn, nguy hiểm để nâng cao hiệu quả công tác PCCC. Tổ chức diễn tập với những tình huống cháy nguy hiểm, phức tạp, xảy ra vào thời điểm trong giờ hoạt động của chợ và TTMT, tình huống xảy ra cháy lớn, nhiều người bị nạn và các tình huống phức tạp khác. Chú trọng tổ chức diễn tập phương án chữa cháy góp phần nâng cao công tác chuẩn bị sẵn sàng

lực lượng, phương tiện và ý thức cán bộ nhân viên làm việc trong chợ và TTMT.

Năm là, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ Cảnh sát PCCC nhất là đối với Cảnh sát kiểm tra về PCCC cần nắm rõ và hoàn thiện các mặt công tác: về chính trị tư tưởng, trình độ kiến thức về an toàn PCCC, quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn về PCCC được nhà nước ban hành đối với chợ và TTMT. Định kỳ hàng năm tổ chức mở lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ PCCC cho cán bộ, chiến sỹ và tổ chức thi kiểm tra nghiệp vụ công tác thanh tra, kiểm tra, nghiệp vụ tuyên truyền, nghiệp vụ cơ bản về PCCC.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2013), *Nghị định 167/NĐ-CP ngày 12/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình*.
2. Chính phủ (2014), *Nghị định số 79/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật PCCC và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC*.
3. Công an Thành phố Thanh Hóa (2019), *Tổng hợp kết quả kiểm tra chợ*.
4. Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH tỉnh Thanh Hóa (2016, 2017, 2018, 2019), *Báo cáo tình hình công tác PCCC năm 2016, 2017, 2018, 2019*.
5. Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH tỉnh Thanh Hóa (2020), *Báo cáo kết quả kiểm tra về PCCC&CNCH tại các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn toàn tỉnh*.
6. Quốc hội (2001), *Luật Phòng cháy và chữa cháy*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Quốc hội (2013), *Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy*, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội.

CÔNG TÁC ĐIỀU TRA CƠ BẢN VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY ĐỐI VỚI CÁC KHU DÂN CƯ HIỆN NAY

Đại tá, TS. LÊ QUANG HẢI
Phó Hiệu trưởng Trường Đại học PCCC

Tóm tắt: Điều tra cơ bản về phòng cháy và chữa cháy (PCCC) là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về PCCC của lực lượng Cảnh sát PCCC và cứu nạn, cứu hộ (CNCH). Bài viết phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn việc thực hiện công tác điều tra cơ bản về PCCC của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH đối với các khu dân cư hiện nay; từ đó, nghiên cứu, đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả trong tổ chức thực hiện công tác này.

Từ khóa: điều tra cơ bản, phòng cháy và chữa cháy, khu dân cư.

Abstract: The fundamental investigation of fire safety is one of the important tasks in the implementation of functions, state management duties on fire safety taken by the fire police force. The article analyzes, clarifies theoretical and practical issues in implementing the fundamental investigation of the fire safety in residential areas taken by the Fire Police Force; accordingly, measures are studied and proposed to contribute to improving the efficiency of the implementation of this operation.

Keywords: fundamental investigation, Fire prevention and firefighting, residential area.

Ngày nhận bài: 16/6/2020; **Ngày thẩm định:** 25/6/2020; **Ngày duyệt đăng:** 05/7/2020.

Điều tra cơ bản về PCCC nói chung và đối với các khu dân cư nói riêng có ý nghĩa rất quan trọng trong công tác PCCC. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, tại các khu dân cư, các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ, nhà hàng, quán bar, cửa hàng cầm đồ, siêu thị mini,... đang ngày càng phát triển đã làm gia tăng nguy cơ tiềm ẩn cháy, nổ tại các khu dân cư. Do đó, việc tiến hành triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả công tác điều tra cơ bản về PCCC tại các khu dân cư là rất quan trọng và cần thiết. Thông qua kết quả công tác điều tra cơ bản về PCCC đối với khu dân cư, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH có thể tham mưu, đề xuất

với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền các kế hoạch, dự án, đề án, Nghị quyết, Chỉ thị nhằm tăng cường công tác bảo đảm an toàn về PCCC tại các khu dân cư, góp phần ổn định và phát triển bền vững tại các khu dân cư hiện nay.

Về bản chất, công tác điều tra cơ bản về PCCC chính là việc thu thập các thông tin, tài liệu, số liệu về con người, về cơ sở vật chất, về hệ thống hạ tầng kỹ thuật PCCC, về trang thiết bị, phương tiện có liên quan đến công tác PCCC. Đối với các khu dân cư cũng vậy, công tác điều tra cơ bản về PCCC được thực hiện theo Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BCA ngày 23/10/2019 của Bộ Công an hợp

nhất Thông tư quy định về công tác điều tra cơ bản của lực lượng Cảnh sát nhân dân, để cụ thể hóa các nội dung đó, Cục Cảnh sát PCCC&CNCH đã xây dựng và ban hành Hướng dẫn số 01/HD-C07-P1 ngày 03/4/2020 về thực hiện công tác nghiệp vụ cơ bản và công tác quản lý cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC theo chức năng của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH. Hướng dẫn đã chỉ rõ, khu dân cư, khu phố có các nhà liên kết chuyên sản xuất, kinh doanh hàng hóa dễ cháy và cháy được; khu vực tập trung nhiều cơ quan của Đảng, Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được xác định là địa bàn, khu vực trọng điểm

về PCCC. Nội dung điều tra cơ bản về PCCC đối với khu dân cư đó là: thông tin về diện tích, vị trí địa lý; đặc điểm và dự báo tình hình có liên quan đến công tác PCCC&CNCH của khu dân cư; thông tin về cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý khu dân cư; thông tin về các cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC nằm trong khu dân cư; hiện trạng hệ thống đường giao thông dành cho chữa cháy, cấp nước chữa cháy ngoài nhà, hệ thống thông tin liên lạc, cung cấp điện phục vụ chữa cháy, thông tin báo cháy; việc thành lập, duy trì hoạt động của lực lượng dân phòng; phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;...[2]. Trên cơ sở đó, Công an các đơn vị địa phương, theo nhiệm vụ được phân công tiến hành điều tra cơ bản về PCCC đối với khu dân cư trên địa bàn quản lý. Những quy định trên đã tạo nên được sự thống nhất, chính quy trong tổ chức thực hiện công tác điều tra cơ bản về PCCC nói chung và đối với các khu dân cư nói riêng.

Theo thống kê của Cục Cảnh sát PCCC&CNCH, hiện nay, trên cả nước có 24.987 cơ sở là các hộ gia đình kết hợp sản xuất, kinh doanh thuộc diện quản lý về PCCC nằm xem kẽ trong các khu dân cư; trong đó, có 1.958 cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ [3]. Sự xuất hiện các loại hình cơ sở là các hộ gia đình kết hợp sản xuất, kinh doanh nằm xen kẽ trong các khu dân cư đã và đang làm gia tăng nguy cơ tiềm ẩn cháy, nổ tại các khu dân cư hiện nay. Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 01/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ đã chỉ rõ, trong 05 năm gần đây, cả nước xảy ra khoảng 15.000 vụ cháy; trong đó, trên 50% vụ cháy xảy ra tại khu dân cư, hộ gia đình; đặc biệt nhiều vụ cháy gây thiệt hại lớn về người, tài sản, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự và đời sống an sinh của người dân [4]. Đồng thời, Chỉ thị đã chỉ đạo các cơ quan, Ban, Ngành có liên quan tiến hành "rà soát, điều tra cơ bản, nắm tình hình các khu vực, địa bàn trọng điểm, các khu dân cư có nguy hiểm cháy, nổ cao...". Từ đó, cho thấy sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Đảng, Chính phủ trong thực hiện công tác điều tra cơ bản về PCCC đối với khu dân cư. Gần đây nhất, theo báo cáo quý I/2020 của Cục Cảnh sát PCCC&CNCH cho thấy, cả

nước đã xảy ra 864 vụ cháy, trong đó, tại các khu dân cư đã xảy ra 524 vụ cháy (chiếm 60,65%), có 30 vụ cháy các nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh và 494 vụ cháy các nhà ở đơn lẻ [1]. Qua đó càng cho thấy, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện có hiệu quả công tác điều tra cơ bản về PCCC đối với khu dân cư hiện nay.

Nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác bảo đảm an toàn về PCCC tại các khu dân cư, đặc biệt là công tác điều tra cơ bản về PCCC. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 05/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác PCCC tại khu dân cư. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công an "chủ động điều tra cơ bản nắm tình hình, đánh giá, phân tích, mức độ nguy hiểm của từng khu dân cư để hướng dẫn, áp dụng các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ phù hợp và hiệu quả" [4]. Gần đây nhất, Cục Cảnh sát PCCC&CNCH đã ban hành Hướng dẫn số 01/HD-C07-P1 ngày 03/4/2020 về thực hiện công tác nghiệp vụ cơ bản và công tác quản lý cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC theo chức năng của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH, trong đó có nội dung công tác điều tra cơ bản về PCCC đối với khu dân cư. Căn cứ vào những chỉ đạo, hướng dẫn trên, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an các địa phương đã xây dựng kế hoạch triển khai công tác điều tra cơ bản về PCCC trên từng địa bàn quản lý. Kết quả, cả nước có 63 đơn vị hành chính cấp tỉnh, 713 đơn vị hành chính cấp huyện và 11.161 đơn vị hành chính cấp xã; có 02 đô thị đặc biệt, 19 đô thị loại I, 24 đô thị loại II, 45 đô thị loại III, 97 đô thị loại IV và 624 đô thị loại V. Trong đó, có khoảng 550 nghìn doanh nghiệp, gần 21,2 nghìn hợp tác xã và 61 liên hiệp hợp tác xã, khoảng 4,65 triệu hộ kinh doanh cá thể, trên 262.000 cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC [3]. Cùng với sự phát triển kinh tế, xã hội, mức sống người dân được cải thiện, giá trị tài sản mỗi hộ gia đình tăng lên; các hoạt động sinh hoạt, sản xuất, việc sử dụng nhiên liệu, năng lượng, khí đốt ngày càng nhiều. Những yếu tố trên đã có những tác động không nhỏ tới tình hình cháy, nổ, đặt ra nhiều vấn đề cấp thiết cần giải quyết để

tăng cường bảo đảm an toàn về PCCC tại các khu dân cư. Những kết quả thu được từ công tác điều tra cơ bản, nắm tình hình có liên quan đến công tác PCCC tại các khu dân cư nêu trên có ý nghĩa rất quan trọng, là cơ sở để các cơ quan chức năng mà nòng cốt là lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an các địa phương tham mưu, đề xuất cho chính quyền địa phương đưa ra các dự báo, biện pháp, giải pháp bảo đảm an toàn về PCCC tại các khu dân cư trong thời gian tới.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, còn một số tồn tại, hạn chế trong tổ chức thực hiện công tác này, điển hình như: việc triển khai thực hiện các nội dung điều tra cơ bản về PCCC đã được thực hiện thường xuyên nhưng chưa sâu sắc, các số liệu thu thập được còn chưa được khai thác, phân tích, đánh giá một cách khách quan, bài bản để đưa ra các dự báo, định hướng, giải pháp chiến lược trong công tác PCCC; còn có cán bộ thực hiện công tác điều tra cơ bản về PCCC chưa hiểu hết các nội dung cần thực hiện, còn lúng túng trong thực hiện công tác điều tra cơ bản về PCCC tại các khu dân cư; các báo cáo còn mang tính hình thức, chưa nhận định, đánh giá sâu sắc những tồn tại, hạn chế về công tác PCCC tại từng địa phương, còn mang tính chung chung... Những tồn tại, hạn chế nêu trên do một số nguyên nhân khách quan và chủ quan như sau: việc tổ chức triển khai các nội dung điều tra cơ bản về PCCC nói chung và đối với khu dân cư nói riêng còn chưa được thực hiện kịp thời, bài bản và nghiêm túc; tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh, đòi hỏi mỗi cán bộ được phân công quản lý địa bàn phải thực hiện công tác điều tra cơ bản về PCCC thường xuyên, liên tục và cập nhật hồ sơ, việc này thực hiện chưa hiệu quả; việc chỉ đạo thực hiện quyết liệt công tác điều tra cơ bản về PCCC tại các khu dân cư có nơi, có lúc còn chưa thực sự quyết liệt, chưa thực sự quan tâm, chú trọng; công tác phối hợp giữa lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH với các lực lượng khác, với chính quyền địa phương trong thực hiện công tác điều tra cơ bản về PCCC đối với các khu dân cư còn chưa được chặt chẽ và hiệu quả. Từ đó, đã ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện công tác

điều tra cơ bản về PCCC tại các khu dân cư hiện nay.

Trong thời gian tới, quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh, các khu dân cư với nhiều hình thái sản xuất, kinh doanh sẽ ngày càng gia tăng. Cùng với những diễn biến phức tạp từ biến đổi khí hậu, các hình thái thời tiết cực đoan sẽ ngày càng gia tăng, tác động trực tiếp đến đời sống sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của người dân thì việc thực hiện có hiệu quả công tác điều tra cơ bản về PCCC tại các khu dân cư có ý nghĩa ngày càng quan trọng. Theo đó, trong thời gian tới, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH cần tập trung thực hiện có hiệu quả một số nội dung sau:

Chính quyền, Công an các đơn vị, địa phương cần quán triệt và thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 47-CT/TW ngày 25/6/2015 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCCC và chương trình hành động ban hành kèm theo Quyết định số 1635/QĐ-TTg ngày 22/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Chỉ thị số 47-CT/TW; Nghị quyết số 99/2019/QH14 của Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về PCCC; Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 05/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác PCCC tại khu dân cư. Đặc biệt, các nội dung hướng dẫn thực hiện công tác điều tra cơ bản về PCCC đối với các khu dân cư theo Hướng dẫn số 01/HD-C07-P1 ngày 03/4/2020 về thực hiện công tác nghiệp vụ cơ bản và công tác quản lý cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC theo chức năng của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH đến các chủ thể được giao nhiệm vụ thực hiện công tác điều tra cơ bản về PCCC. Việc tổ chức triển khai thống nhất, đồng bộ các nội dung của công tác điều tra cơ bản về PCCC đối với khu dân cư trên địa bàn quản lý sẽ mang lại hiệu quả cao hơn.

Cục Cảnh sát PCCC&CNCH - Bộ Công an cần xây dựng kế hoạch mở các lớp tập huấn về công tác điều tra cơ bản về PCCC nói chung, trong đó có nội dung điều tra cơ bản về PCCC đối với các khu dân cư. Từ đó, mỗi cán bộ, chiến sỹ Cảnh sát PCCC&CNCH tại các địa phương nắm bắt được tinh thần, hiểu rõ các nội dung, công việc cần làm khi tiến hành thực

hiện nhiệm vụ điều tra cơ bản về PCCC đối với khu dân cư. Theo đó, tại các địa phương, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH cần tham mưu cho Ban Giám đốc Công an cấp tỉnh mở các lớp tập huấn về công tác điều tra cơ bản về PCCC cho Công an cấp huyện trên địa bàn quản lý. Do cơ cấu tổ chức bộ máy của lực lượng Công an nhân dân nói chung và lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH nói riêng đã có sự thay đổi, đối với lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH hiện nay được phân cấp xuống Công an cấp huyện, do đó, Đội/Tổ Cảnh sát PCCC&CNCH thuộc Công an cấp huyện sẽ thực hiện công tác điều tra cơ bản về PCCC trên địa bàn quản lý. Vì vậy, đội ngũ này cần được tập huấn chuyên sâu về công tác điều tra cơ bản về PCCC để thực hiện nhiệm vụ của mình được tốt hơn.

Phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH với các lực lượng khác trong Công an nhân dân để thực hiện nhiệm vụ điều tra cơ bản về PCCC nói chung và đối với khu dân cư nói riêng. Với thực tế phân cấp quản lý như hiện nay, sự phối hợp giữa Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an cấp tỉnh với Công an cấp huyện, hay sự phối hợp giữa Đội Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an các cấp với nhau và với các Đội Quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội sẽ góp phần quan trọng trong việc tổ chức triển khai thực hiện công tác điều tra cơ bản về PCCC đối với các khu dân cư hiện nay. Những số liệu, dữ liệu về khu dân cư trên địa bàn quản lý của Công an cấp huyện là một nguồn dữ liệu phục vụ rất tốt cho lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH.

Ở mỗi Công an các cấp, cần bố trí cán bộ chuyên trách làm nhiệm vụ tổng hợp số liệu thống kê thu được từ công tác điều tra cơ bản về PCCC đối với các khu dân cư, từ đó, phân tích, báo cáo, dự báo tình hình thay đổi và những vấn đề có liên quan, ảnh hưởng, tác động đến công tác PCCC trên địa bàn quản lý. Đây là những căn cứ rất cần thiết và phải được xây dựng, báo cáo một cách khách quan, trung thực và chính xác. Từ đó, tham mưu cho các cấp có thẩm quyền xây dựng kế hoạch, hoạch định chiến lược, đưa ra các giải pháp ngắn hạn, trung hạn và dài hạn

trong công tác bảo đảm an toàn về PCCC nói chung và đối với các khu dân cư nói riêng, góp phần ổn định và phát triển bền vững kinh tế, xã hội của đất nước.

Trường Đại học PCCC - cơ sở đào tạo duy nhất của cả nước trong lĩnh vực PCCC&CNCH cần thường xuyên cập nhật, hoàn thiện nội dung, chương trình đào tạo phù hợp với các quy định của pháp luật và nhu cầu của thực tiễn, đồng thời, phải bảo đảm theo các quy định của Bộ Công an; trong đó, nội dung công tác điều tra cơ bản về PCCC là một trong những nội dung quan trọng cần được đào tạo một cách bài bản, có tính khoa học, logic và hệ thống. Để mỗi học viên khi tốt nghiệp ra trường, có thể đảm nhiệm và thực hiện tốt công tác điều tra cơ bản về PCCC nói chung và các khu dân cư trên địa bàn quản lý nói riêng.

Thực hiện một cách đồng bộ, có tính hệ thống các nội dung, cách thức, biện pháp tiến hành và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác điều tra cơ bản về PCCC đối với các khu dân cư nêu trên sẽ góp phần quan trọng trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội và trong bảo đảm an toàn về PCCC tại các khu dân cư trước yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra trong tình hình mới. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Cảnh sát PCCC&CNCH (2020), *Thông báo số 911/TB-C07-P1 ngày 27/3/2020 về tình hình cháy, nổ quý I/2020*, Hà Nội.
2. Cục Cảnh sát PCCC&CNCH (2020), *Hướng dẫn số 01/HD-C07-P1 ngày 03/4/2020 về thực hiện công tác nghiệp vụ cơ bản và công tác quản lý cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC theo chức năng của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH*, Hà Nội.
3. Cục Cảnh sát PCCC&CNCH (2020), *Báo cáo số 10/BC-C07-P1 ngày 03/01/2020 về tình hình, kết quả công tác PCCC&CNCH năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ công tác trọng tâm năm 2020 của lực lượng Cảnh sát PCCC*, Hà Nội.
4. Thủ tướng Chính phủ (2018), *Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 05/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác PCCC tại khu dân cư*, Hà Nội.

ĐỘNG LỰC HỌC QUÁ TRÌNH CHÁY TRÊN DÂY DẪN ĐIỆN LỖI ĐƠN VỚI MỘT LỚP VỎ BỌC CÁCH ĐIỆN

Đại úy, ThS. LÊ THỊ HỒNG HIỆP

Bộ môn Cơ sở Ngành PCCC, Trường Đại học PCCC

Thiếu tá, ThS. TRẦN VĂN HUỖNH

Bộ môn Khoa học Cơ bản, Trường Đại học PCCC

Tóm tắt: Dây điện và dây cáp điện được xác định là thiết bị có nhiều nguy cơ gây cháy dẫn đến các vụ cháy trong các hộ gia đình, các cơ sở sản xuất và các thiết bị khác. Một nghiên cứu nhằm đưa ra hiểu biết đầy đủ về mặt lý thuyết động lực học quá trình cháy trên dây dẫn điện lõi đơn với một lớp vỏ bọc cách điện được chúng tôi thực hiện, nhằm tạo tiền đề cho các nghiên cứu tiếp theo đối với các dây cáp điện với nhiều lõi và nhiều lớp vỏ bọc cách điện cũng như hệ thống truyền tải điện với nhiều dây cáp điện. Nghiên cứu này chỉ ra sự ảnh hưởng của các tham số kích thước lõi dẫn điện, bề dày lớp vỏ bọc cách điện và các tham số về chất liệu của vỏ bọc cách điện đến quá trình cháy trên dây dẫn điện. Ngoài các tham số từ bản chất của dây dẫn điện, các tham số liên quan đến yếu tố môi trường bên ngoài cũng được nghiên cứu xem xét gồm áp suất, mức oxy và trọng lực. Những nghiên cứu lý thuyết là tiền đề để thực hiện thực nghiệm, từ đó làm cơ sở định hướng các nghiên cứu về thiết kế chế tạo dây cáp điện an toàn chống cháy.

Từ khoá: cháy cơ bản, dây dẫn điện, cách điện và lõi dẫn điện.

Abstract: Electrical wires and cables have been identified as devices with a high risk of fire resulting in fires in households, manufacturing facilities and other equipment. A study aiming at providing a theoretical understanding of the combustion dynamics on a single core conductor with an insulating sheath is conducted to pave the way for further research on electric cables with multiple cores and multiple insulating sheaths as well as power transmission systems with multiple electric cables. This study has shown the influence of parameters including size of conductive core, thickness of insulation sheath and material parameters of insulating sheath on combustion process on electric conductors. In addition to parameters from the nature of the electrical conductors, parameters related to external environment are also studied including pressure, oxygen level and gravity. Theoretical studies lay the foundation for experimental implementation, thereby serving as a basis for directing the research on the design and manufacture of fire-resistant electric cables.

Keywords: fundamental combustion, electrical wire, insulation and core.

Ngày nhận bài: 10/5/2020; **Ngày thẩm định:** 10/6/2020; **Ngày duyệt đăng:** 05/7/2020.

1. Tổng quan về sự cháy trên dây dẫn điện

Theo một số kết quả thống kê về nguyên nhân gây cháy cho thấy khoảng hơn một nửa số các vụ cháy có nguyên nhân do sự cố về điện [1] và một phần trong số đó được xác định nguyên nhân trực tiếp từ sự cố dẫn đến cháy dây dẫn điện và dây cáp điện. Về cơ bản, các lớp cách điện và lớp vỏ của dây cáp điện được làm bằng vật liệu nhựa, vì vậy nếu bị đốt nóng bởi các nguồn nhiệt bên trong hoặc

bên ngoài, khí nhiệt phân có thể được giải phóng để hỗ trợ quá trình đốt cháy. Đã có rất nhiều các vụ cháy lớn xảy ra trong những năm gần đây mà nguyên nhân ban đầu được xác định là do bắt nguồn từ chập điện, cháy dây điện dẫn đến cháy các thiết bị khác, gây thiệt hại lớn về người và tài sản. Chẳng hạn như: vụ cháy một nhà dân ở Huế khiến 3 người thiệt mạng [2], vụ cháy quán karaoke ở Hà Nội khiến 5 người thiệt mạng [3], hay vụ cháy một xưởng sản xuất khiến 8 người thiệt mạng

tại Hà Nội [4], ... nguyên nhân đều được xác định bắt nguồn từ chập điện.





Hình 1: Một số sự cố cháy mà bắt nguồn là cháy trên dây điện [5-7].

Vì vậy, nghiên cứu về các hiện tượng cháy trên dây điện và ứng dụng của nó để ngăn ngừa hiện tượng đánh lửa và các nguy cơ cháy liên quan đến dây điện đã được thực hiện trong nhiều năm. Các nghiên cứu bao gồm cả nghiên cứu cơ bản và ứng dụng, nhằm tìm kiếm giải pháp chế tạo những loại dây dẫn điện chịu được nhiệt độ cao, làm chậm quá trình cháy diễn ra và có thể chống cháy. Bakham và cộng sự [8] lần đầu tiên sử dụng dây dẫn điện trong phòng thí nghiệm đơn giản được tạo bởi phủ polymethyl methacrylate (PMMA) và polyethylene (PE) trên đồng (Cu) và thanh thủy tinh dày khoảng 1mm để nghiên cứu hành vi lan truyền ngọn lửa và dập tắt ngọn lửa trên dây dẫn điện. Trước tiên, họ cũng nghiên cứu ảnh hưởng của độ dày cách điện, kích thước lõi và vật liệu, nhiệt độ môi trường và hướng dây, đo thông số nhiệt độ của lõi và nhận thấy ảnh hưởng của sự nóng chảy và nhỏ giọt [9] trong sự lan truyền ngọn lửa ngang. Cho đến nay, công trình tiên phong này vẫn là tài liệu tham khảo quan trọng nhất cho nghiên cứu đốt cháy cơ bản trong cháy dây. Tuy nhiên, càng ngày các loại dây điện càng phức tạp và công suất truyền tải điện càng lớn, đồng thời quá trình cháy trên dây dẫn điện trong thực tế còn phụ thuộc vào các tham số môi trường như: áp suất, nồng độ oxy, luồng không khí... Vì vậy, các nghiên cứu về quá trình cháy trên dây dẫn điện vẫn là cần thiết, góp phần cung cấp những hiểu biết đầy đủ về bản chất động lực học của quá trình lan truyền ngọn lửa trên dây dẫn điện. Từ đó góp phần định hướng trong việc ứng dụng chế tạo các dây dẫn điện chống cháy.

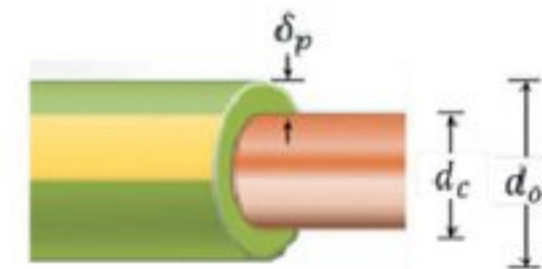
Về cơ bản, điều làm cho hiện tượng cháy trong dây dẫn điện trở nên độc đáo là sự kết hợp lớp cách điện polymer dễ cháy và lõi kim loại không cháy. Thực tế độ dẫn nhiệt của lõi kim loại lớn hơn 2 đến 3 bậc so với cách điện polymer có thể làm thay đổi đáng kể quá trình truyền nhiệt trong cháy dây dẫn điện, từ đánh lửa, lan truyền và dập tắt đến các quá trình thay đổi pha của lớp cách điện polymer và sự tạo thành các sản phẩm đốt cháy. Việc truyền nhiệt mạnh trong lõi kim loại cũng có thể tăng cường hoặc làm suy yếu tác động của các yếu tố môi trường, chẳng hạn như trọng lực, áp suất và luồng không khí vào ngọn lửa. Hơn nữa, lõi kim loại có thể tạo ra nhiệt lượng để tự làm nóng dây, đặc biệt nghiêm trọng trong điều kiện tiếp xúc kém hoặc ngắn mạch, gây nguy cơ hỏa hoạn đáng kể. Việc xem xét các hiện tượng cháy cơ bản khi cháy trên dây điện lõi đơn với một lớp vỏ bọc cách điện sẽ giúp hiểu được các hiện tượng cháy phức tạp hơn trong dây cáp thương mại và các nguy cơ cháy tương ứng.

2. Động lực học quá trình cháy dây dẫn điện

Để truyền tải điện với công suất và điện áp lớn, dây thường không dễ cháy vì không sử dụng lớp cách điện. Các cáp thương mại dùng để truyền tải điện áp thấp thường bao gồm nhiều dây và một số lớp cách điện (hình 2a). Trong nghiên cứu này, chúng tôi xét lý tưởng một mẫu dây đơn giản nhất có thể được lắp ráp thủ công bằng cách ghép một lớp duy nhất của ống nhựa và lõi kim loại, phù hợp với mục đích nghiên cứu của thông số điều khiển. Như minh họa trong hình 2b, dây có đường kính d_o (outside diameter), đường kính lõi là d_c (core diameter) và độ dày cách điện là $\delta = (d_o - d_c)/2$. Mặc dù có cấu trúc đơn giản nhưng quá trình cháy trên dây như vậy vẫn có nhiều tính chất rất phức tạp. Do đó, phân tích, tính toán lý thuyết được cung cấp trong nghiên cứu này sẽ giúp hiểu hiện tượng cháy dây. Trong nghiên cứu này, chúng tôi tập trung vào tác động của lõi kim loại trong quá trình cháy của các mẫu dây đơn giản nhất trong điều kiện môi trường bình thường.



Hình 2: Một số loại dây dẫn điện.



Để đánh giá hiệu ứng nhiệt tuyệt đối của lõi, trước tiên cần xác định được tham số độ dẫn nhiệt của lõi (G_c) phụ thuộc vào kích thước lõi (d_c) và hệ số dẫn nhiệt của nó (λ_c):

$$G_c = \lambda_c S_c = \lambda_c \frac{\pi}{4} d_c^2 \quad (1)$$

Bằng cách xem xét độ dẫn nhiệt của vật liệu cách nhiệt (G_p), sự đóng góp tương đối của truyền nhiệt dọc theo trục dây ($\bar{G}$) có thể được biểu thị bằng:

$$\bar{G} = \frac{G_c}{G_c + G_p} = \frac{\lambda_c d_c^2}{\lambda_c d_c^2 + \lambda_p (d_o^2 - d_c^2)} \quad (2)$$

Bảng 1 liệt kê các tính chất nhiệt của các kim loại phổ biến cho lõi dây và polymer để cách điện dây. Đối với dây có lõi đồng (Cu) 5 mm và cách điện PE 3 mm, có thể tính được rằng $\bar{G} = 99.9\%$, và thậm chí nếu sử dụng lõi niken-crom (NiCr) có độ dẫn điện thấp, vẫn xác định được $\bar{G} = 99.6\%$. Rõ ràng, sự truyền nhiệt qua lõi chiếm ưu thế theo hướng dọc trục.

	ρ (kg/m ³)	λ (W/mK)	c (J/kgK)	ρc (kJ/m ² ·K)	T_m (°C)	ΔH_f (MJ/kg)	T_{ad} (°C)	ΔH_c (MJ/kg)
PVC	1200	0.19	1.37	0.31	100–200	600	270	1.7
PE	927	0.25	1.55	0.33	105–110	80	307	1.8
Li	1054	308	0.480	1425	1805	–	–	–
Al	2700	204	0.9	496	900	–	–	–
SS	8000	13.9	0.504	42	1400	–	–	–
NiCr	8400	11.3	0.45	43	1400	–	–	–
air	1.18	0.026	1.07	3×10^{-3}	–	–	–	–

Bảng 1: Tính chất hóa lý của cách điện polymer thông thường và kim loại lõi [10, 11]. Trong đó, tính chất nhiệt được đánh giá gần nhiệt độ phòng và $\Delta H > 0$ đại diện cho phản ứng nhiệt.

Mặt khác, để đánh giá quá trình gia nhiệt, cần xem xét quán tính nhiệt ($\rho c \lambda$) của từng thành phần dây:

$$TI = \rho c \lambda \quad (3)$$

Như thể hiện trong bảng 1, quán tính nhiệt của vật liệu lõi kim loại lớn hơn khoảng 10^2 đến 10^3 lần so với cách điện polymer. Do có dòng điện với cường độ I , lõi dây sẽ được nung nóng với công suất nhiệt được xác định:

$$\dot{q}_j = I^2 R_e \quad (4)$$

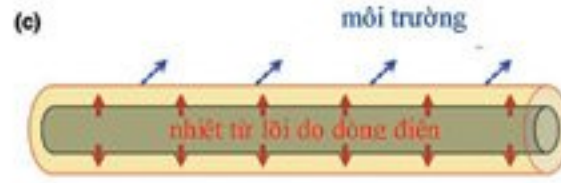
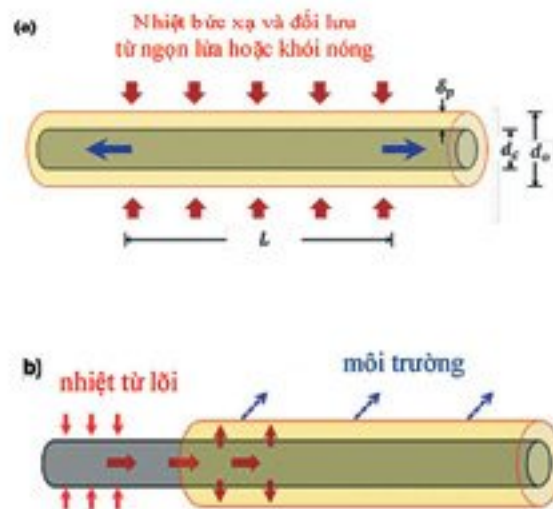
Trong đó R_e là điện trở của lõi trên mỗi đơn vị chiều dài. Nếu dây dẫn điện đang hoạt động bình thường thì công suất tỏa nhiệt do cường độ dòng điện là nhỏ. Tuy nhiên, sự tỏa nhiệt trở nên quan trọng nếu xảy ra trường hợp ngắn mạch (I lớn) và tiếp xúc kém (R lớn). Ngoài ra, khi dòng điện xoay chiều tần số cao chạy qua lõi dây dẫn điện, nó có thể tương tác với các ion từ ngọn lửa bên ngoài [12,13].

Dây dẫn điện thông thường có dạng là một vật hình trụ điển hình so với các vật dạng phẳng, sự truyền nhiệt đối lưu được tăng cường xung quanh vật hình trụ, mạnh hơn đối với đường kính dây nhỏ hơn, hệ số đối lưu h được xác định tỉ lệ nghịch với hàm mũ n của đường kính dây:

$$h \sim \frac{2}{d_o^n} \quad (5)$$

2.1. Sự đánh lửa

Giống như hầu hết các vật liệu polymer, sự đánh lửa tự phát sẽ xảy ra trên dây điện khi nó được đốt nóng bởi nguồn nhiệt. Tuy nhiên, sự đánh lửa trên dây điện có hai tính năng độc đáo: i) lõi kim loại khi có dòng điện tỏa nhiệt làm nóng lớp cách điện và có thể trực tiếp dẫn đến sự đánh lửa trong trường hợp ngắn mạch; ii) lõi kim loại thay đổi quá trình truyền nhiệt, nếu dây tiếp xúc với nguồn nhiệt bên ngoài từ môi trường.



Hình 3: Sơ đồ nguyên lý các quá trình đánh lửa trên dây dẫn điện a) do nguồn nhiệt bên ngoài lớp vỏ cách điện, b) do đốt nóng từ một đầu lõi dẫn điện, c) do đốt nóng bởi tỏa nhiệt của dòng điện trong thời gian ngắn mạch.

Hình 3 minh họa ba quá trình nung nóng cơ bản dẫn đến sự đến đánh lửa trên dây dẫn điện. (a) quá trình nung nóng do đối lưu hoặc bức xạ nhiệt từ nguồn nhiệt bên ngoài như ngọn lửa hoặc khói nóng; (b) quá trình tăng nhiệt cục bộ từ lõi dẫn điện đến lớp vỏ cách điện, nếu lõi được đốt nóng trực tiếp bởi ngọn lửa hoặc sự tỏa nhiệt mạnh tại điểm kết nối kém; (c) quá trình gia nhiệt bên trong từ lõi do hiệu ứng Joule trong thời gian ngắn mạch hoặc quá tải.

Đối với quá trình (a), lõi dẫn điện kim loại đóng vai trò là bộ tản nhiệt do quán tính nhiệt lớn của nó ($\rho c \lambda$) được thể hiện trong phương trình (3) và hiệu ứng làm mát dọc theo trục của dây [14]. Mặt khác, đối với các quá trình (b) và (c), lõi dẫn điện kim loại hoạt động như một nguồn nhiệt để hỗ trợ quá trình nung nóng lớp vỏ cách điện. Trong thực tế, dây dẫn điện có thể được làm nóng theo cả ba quá trình cùng một lúc và tất nhiên quá trình gia nhiệt có thể phụ thuộc vào thời gian hoặc diễn ra nhanh chóng. Bởi vì lõi kim loại thường có độ dẫn nhiệt cao, nhiệt độ của nó có xu hướng đồng đều trên mặt cắt ngang, như đã thấy trong biểu thức (2). Độ dày của lớp cách nhiệt polymer tương đối mỏng (thường dưới 5 mm), do đó việc truyền nhiệt theo hướng xuyên tâm có thể được bỏ qua. Vì vậy, nếu bỏ qua việc gia nhiệt không đồng nhất theo các hướng khác nhau, cấu hình nhiệt độ của vật liệu cách nhiệt (T_c) và lõi (T_p) trong quá trình đánh lửa có thể được xác định bằng:

$$\rho_p c_p S_p \frac{\partial T_p}{\partial t} = \lambda_p S_p \frac{\partial T_p^2}{\partial x^2} + P_p \dot{q}_{e,net} + \dot{q}_{cp} \quad (6)$$

$$\rho_c c_c S_c \frac{\partial T_c}{\partial t} = \lambda_c S_c \frac{\partial T_c^2}{\partial x^2} + \dot{q}_j + \dot{q}_{cp} \quad (7)$$

Trong đó x là tham số dọc theo chiều dài dây, chỉ số p và c tương ứng là của lớp vỏ cách điện polymer và lõi kim loại tương ứng; ρ, c, S, P, λ lần lượt là khối lượng riêng, nhiệt dung riêng, diện tích mặt cắt, chu vi, hệ số dẫn nhiệt tương ứng. $\dot{q}_j = I^2 R_e$ là công suất tỏa nhiệt do hiệu ứng Joule đã chỉ ra ở phương trình (4), $\dot{q}_{e,net} = h(T_p - T_a)$ là dòng nhiệt trao đổi giữa lớp vỏ cách điện và môi trường với T_p, T_a lần lượt là nhiệt độ lớp vỏ cách điện và nhiệt độ môi trường. $\dot{q}_{cp}$ là dòng nhiệt trao đổi giữa lõi kim loại dẫn điện và lớp vỏ cách điện.

$$\dot{q}_{cp} = \lambda_p \frac{T_c - T_p}{d_c \ln(d_o - d_c)} \quad (8)$$

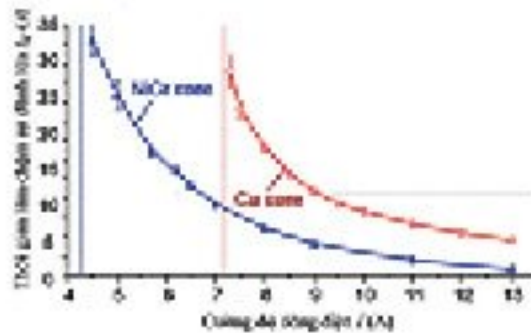
Nếu lớp vỏ cách điện của dây dẫn điện là mỏng và tốc độ gia nhiệt thấp, có thể coi như nhiệt độ mặt cắt là đồng đều ($T \approx T_c \approx T_p$). Các điều kiện biên của các phương trình (6,7) thay đổi với các quá trình gia nhiệt được minh họa trong Hình 3. Khi lớp vỏ cách điện được làm nóng đến nhiệt độ lớp hơn điểm nhiệt phân của nó (T_p), các khí nhiệt phân được giải phóng bắt đầu trộn với không khí. Khi hỗn hợp dễ cháy được tạo ra, đánh lửa có thể xảy ra một cách tự nhiên hoặc được điều khiển [15] bởi một ngọn lửa gần đó và các ngọn lửa phát sáng xảy ra ở những vị trí ngắn mạch và tiếp xúc kém.

2.2. Quá trình đánh lửa do nguồn nhiệt bên ngoài

Theo phương trình (5), có thể khó làm nóng một sợi dây mỏng (1 mm) đến điểm nhiệt phân chỉ bằng bức xạ bên ngoài. Tuy nhiên quá trình đốt nóng do đối lưu được tăng cường, việc đánh lửa trên dây dẫn điện mỏng bằng ngọn lửa hoặc khí nóng trở nên dễ dàng hơn. Nếu nguồn nhiệt bên ngoài là cục bộ có chiều dài L (Hình 3a), thì dòng nhiệt được làm mát từ lõi kim loại được xác định:

$$\dot{q} \geq \frac{P_o}{L} (T_{py} - T_a) \sqrt{h \lambda_c d_o} \quad (9)$$

Trong đó $\dot{q}$ là dòng thông lượng nhiệt từ môi trường theo quá trình gia nhiệt (a) hoặc từ lõi theo quá trình gia nhiệt (b).



Hình 4: Sự phụ thuộc của thời gian làm chậm sự đánh lửa vào cường độ dòng điện của một dây dẫn điện.

Hình 4 cho thấy một ví dụ về thời gian làm chậm sự đánh lửa thay đổi theo dòng điện của một dây do nóng cục bộ, do lõi kim loại dẫn điện hoạt động như một bộ tản nhiệt, nên độ trễ đánh lửa đối với dây lõi Cu dài hơn so với dây lõi NiCr. Nếu nguồn nhiệt bên ngoài đốt nóng toàn bộ xung quanh của dây, thời gian làm chậm sự đánh lửa đối với dây dẫn có lớp cách điện mỏng có thể xác định được theo phương trình sau:

$$t_{\text{ign}} \approx t_{\text{st}} = \frac{(\rho_f \rho_p S_p + \rho_c \rho_c S_c)(T_{\text{st}} - T_{\text{m}})}{\dot{q}_{\text{ext}}} \quad (10)$$

Trong đó, lõi đóng vai trò là tản nhiệt do quán tính nhiệt lớn hơn. Với nguồn nhiệt điểm, các quá trình trộn pha khí có thể được bỏ qua, vì vậy đánh lửa sẽ xảy ra khi lớp cách điện đạt đến điểm nhiệt phân. Rõ ràng là thời gian làm chậm sự đánh lửa giảm khi thông lượng nhiệt tổng cộng tăng lên. Ngoài ra các thông số khác như mức oxy, áp suất và trọng lực có thể thay đổi cũng ảnh hưởng đến thời gian làm chậm sự đánh lửa.

Mặt khác, sự đánh lửa sẽ không xảy ra nếu nguồn nhiệt bên ngoài không đủ mạnh làm cho vật liệu cách nhiệt đạt đến điểm nhiệt phân của nó, hoặc nếu không có nguồn lửa. Hơn nữa, nếu tốc độ gia nhiệt chậm, chất cách điện polymer có thể tan chảy, nhỏ giọt hoặc chảy ra khỏi lõi trước khi đạt đến nhiệt độ nhiệt phân.

2.3. Đánh lửa quá tải trong sự cố ngắn mạch

Dòng quá tải có thể tạo ra một lượng nhiệt đáng kể để đốt cháy dây dẫn điện trong vòng vài giây. Trong thời gian ngắn mạch, nhiệt độ gần như đồng đều dọc theo trục dây ($\partial T / \partial x \rightarrow 0$). Lõi nhanh chóng được làm nóng bởi dòng điện và do đó lõi cũng nhanh chóng làm nóng lớp cách nhiệt và tạo ra khí nhiệt phân

ở giao diện giữa lớp cách nhiệt và lõi. Các khí nhiệt phân áp suất cao cục bộ này nhanh chóng xâm nhập vào lớp cách nhiệt nóng chảy dẫn đến quá trình sôi bọt hoặc xuất hiện các tia nước nổ. Trong thời gian pha khí ngắn (t_{c}), khí nhiệt phân nóng sẽ trộn với không khí và diễn ra quá trình oxy hóa tỏa nhiệt, cuối cùng dẫn đến một vụ nổ nhiệt pha khí nghĩa là xảy ra đánh lửa. Thời gian làm chậm sự đánh lửa có thể được xác định bằng biểu thức:

$$t_{\text{c}} = \frac{(\rho_f \rho_p S_p + \rho_c \rho_c S_c)(T_{\text{c}} - T_{\text{m}})}{I^2 R_{\text{c}} - \dot{q}_{\text{c}}} + t_{\text{st}} \quad (11)$$

Với một dòng điện quá tải xác định, một dây dẫn điện với đường kính lõi nhỏ sẽ dễ bắt lửa hơn vì điện trở lớn hơn và quán tính nhiệt nhỏ hơn. Rõ ràng thời gian làm chậm sự đánh lửa tăng khi dòng quá tải giảm. Tuy nhiên, kết quả này bước đầu mang tính chất định tính do sự phức tạp của các hiện tượng đánh lửa thực tế.

3. Kết luận

Như vậy, trong nghiên cứu này chúng tôi đã tìm hiểu bản chất vật lý động lực học quá trình cháy xảy ra đối với dây dẫn điện lý tưởng đơn giản gồm một lõi dẫn điện và một lớp vỏ bọc cách điện. Các kết quả tính toán lý thuyết xác định được thời gian gia nhiệt dẫn đến sự đánh lửa và sự cháy trên dây dẫn điện lõi đơn với một lớp vỏ bọc cách điện. Các kết quả này cho thấy sự phù hợp định tính với các hiện tượng thực tế. Tuy nhiên hiện tượng đánh lửa trên dây dẫn điện thực tế rất phức tạp bởi các vai trò khác nhau của lõi theo các quá trình gia nhiệt khác nhau, đồng thời các dây dẫn điện thực tế có thể có nhiều lõi kim loại dẫn điện và nhiều lớp vỏ bọc cách điện với các tính chất vật liệu khác nhau. Mặc dù vậy, những hiểu biết về vật lý cơ bản của quá trình đánh lửa trên dây dẫn điện lý tưởng với một lõi dẫn điện đơn và một lớp vỏ cách điện đồng chất được chỉ ra sẽ là nền tảng để dẫn đến những hiểu biết rõ ràng hơn cho những trường hợp đánh lửa trên các dây dẫn điện trong thực tế. Để làm được điều đó, những nghiên cứu tiếp theo cần có các phép đo thực nghiệm để so sánh. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <https://thanhnien.vn/thoi-su/chay-do-su-co-ve-dien-chien-gan-55-929511.html>.
2. <https://www.baogiaothong.vn/vu-chay-khiem-3-nguoi-tu-vong-o-hue-d417968.html>.
3. <https://www.tienphong.vn/xa-hoi/hien-truong-vu-chay-quan-karaoke-5-nguoi-chet-701945.tpo>.
4. <https://laodong.vn/xa-hoi/da-xec-dinh-nguyen-nhan-vu-chay-o-trung-van-khiem-8-nguoi-lu-vong-727632.lao>.
5. <https://khoaahocdoisong.vn/dung-de-chay-nha-vi-o-cam-dien-100554.html>.
6. <https://laodongtre.laodong.vn/tin-tuc/binh-duong-co-t-dien-phat-no-boc-chay-day-dien-dut-roi-xuong-duong-648571.lao>.
7. <https://thanhnien.vn/thoi-su/chay-lon-tai-cho-soc-son-do-chap-dien-975444.html>.
8. Bakhman N, Aldabaev L, Kondrikov B, Filippov V, Burning of polymeric coatings on copper wires and glass threads: I. Flame propagation velocity. Combust Flame 41:17–34 (1981).
9. Huang X, Critical drip size and blue flame shedding of dripping ignition in fire. Sci Rep 8:16528 (2018).
10. Harper C, Handbook of building materials for fire protection. McGraw-Hill Education, New York, (2003).
11. Tewarson A, Flammability of polymers. Plastics and the environment Wiley, Hoboken, pp 403–489 (2004).
12. Lim SJ, Park SH, Park J et al, Flame spread over inclined electrical wires with AC electric fields. Combust Flame 185:82–92 (2017).
13. Lim SJ, Kim M, Park J et al, Flame spread over electrical wire with AC electric fields: Internal circulation, fuel vapor-jet, spread rate acceleration, and molten insulator dripping. Combust Flame 162:1167–1175 (2015).
14. Huang X, Nakamura Y, Williams FA, Ignition-to-spread transition of externally heated electrical wire. Proc Combust Inst 34:2505–2512 (2013).
15. Quintiere JG, Fundamental of fire phenomena. Wiley, New York (2005).

ỨNG DỤNG GIỚI HẠN NỒNG ĐỘ BẮT CHÁY TRONG CÔNG TÁC PCCC

Thượng úy VŨ THỊ THU HUYỀN

Bộ môn Cơ sở ngành PCCC, Trường Đại học PCCC

Tóm tắt: Giới hạn nồng độ bắt cháy (GHNBCT) là một trong 3 điều kiện quan trọng để hình thành sự cháy. Tác động vào GHNBCT có thể ngăn ngừa sự cháy xảy ra và dập tắt đám cháy. Bài viết này trình bày GHNBCT của một số chất cháy phổ biến và đưa ra các biện pháp phòng cháy, chữa cháy dựa vào GHNBCT của các chất cháy.

Từ khóa: giới hạn nồng độ bắt cháy, giới hạn nồng độ bắt cháy thấp (GHNBCT), giới hạn nồng độ bắt cháy cao (GHNBCC).

Abstract: Flammability limit is one of three important conditions for combustion to occur. Impacting the flammability limit can prevent a fire from occurring and extinguish it. This article presents the flammability limit of several common fuels and fire safety measures according to their limits of flammability.

Keywords: flammability limit, lower flammability limit (LFL), upper flammability limit (UFL).

Ngày nhận bài: 07/01/2020; **Ngày thẩm định:** 22/5/2020; **Ngày duyệt đăng:** 05/7/2020.

Ngày 22/3/2007, xảy ra vụ nổ bồn chứa Kho Xăng dầu Nước Mặn, Đà Nẵng làm 04 người bị chết, 04 người bị thương nặng. Trong quá trình bơm nước vào bể chứa để thử tải đã sử dụng đường ống dẫn xăng dầu để bơm nước từ sông Hàn vào bể chứa (chỉ đầu nối 50m đường ống mới). Nguyên nhân được đưa ra là do không vệ sinh đường ống nên một lượng xăng dầu còn tồn đọng bị nước đẩy vào bể chứa, tích tụ hơi khí cháy nên khi công nhân tiến hành hàn xì thi công mái vòm thì phát sinh vụ nổ. Vào khoảng 11 giờ trưa ngày 19/3/2018 tại xã Đông Hưng, huyện Tiên Lãng, Thành phố Hải Phòng, một cây xăng cũ bất ngờ phát nổ khiến 01 người chết và 01 người bị thương nặng. Theo điều tra, cây xăng đã dừng hoạt động từ năm 2013 và được chuyển thành cơ sở thu mua phế liệu. Trong quá trình tháo dỡ cây xăng, 02 người thu mua phế liệu đã sử dụng máy khò để tháo dỡ. Nguyên nhân vụ nổ được xác định có thể trong bể chứa còn tồn tại một lượng hơi khí chất cháy nên trong quá trình sử dụng máy khò chưa tắt đã xảy ra nổ. Trong 2 vụ nổ trên, chất cháy đều là chất lỏng dễ cháy, tuy lượng chất cháy ít nhưng nồng độ của nó vẫn nằm trong phạm vi giới hạn nồng độ bắt cháy nên khi có tác động của nguồn nhiệt thích hợp đã xảy ra cháy và nổ.

Phản ứng cháy bản chất là phản ứng hóa học trong đó quan trọng nhất là sự hoạt động của các phân tử (năng lượng hoạt hóa của chúng). Theo thuyết động học và cấu trúc phân tử, phản ứng cháy chỉ xảy ra khi va chạm giữa các phân tử chất cháy và chất oxy hóa phải tạo ra phản ứng hóa học và năng lượng nhiệt của phản ứng tỏa ra tiếp tục hoạt hóa chúng, thúc đẩy phản ứng chuyển hóa đến tận cùng tạo ra sản phẩm cháy.

Xác suất va chạm hiệu quả giữa các phân tử phản ứng phụ thuộc vào nồng độ của chúng trong hỗn hợp. Tập hợp các giá trị nồng độ của chất cháy, chất oxy hóa để xảy ra phản ứng cháy gọi là GHNBCT, gồm GHNBCT và GHNBCC được thể hiện bằng phần trăm thể tích.

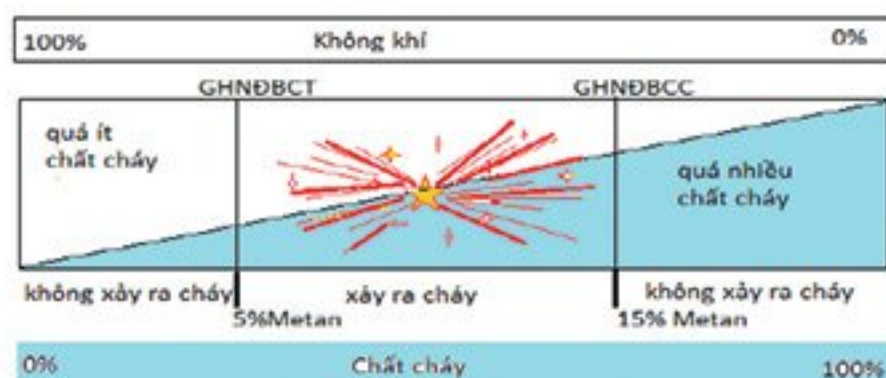
Khí hoặc hơi chất cháy được hình thành nhờ quá trình nhiệt phân. Đối với chất cháy rắn, hơi khí cháy chất cháy rắn hình thành nhờ quá trình phân hủy nhiệt, đối với chất lỏng, hơi chất cháy lỏng hình thành trong quá trình nung nóng bốc hơi. Lượng hơi - khí chất cháy thoát ra ở mức thấp nhất kết hợp với không khí tạo thành hỗn hợp có khả năng bắt cháy dưới tác dụng của nguồn nhiệt bắt cháy gọi là GHNBCT của chất cháy.

GHNBCT là nồng độ thấp nhất của khí hoặc hơi chất cháy với chất oxy hóa mà nó có khả năng bắt cháy do nguồn bắt cháy nung nóng. [1]

Khi tăng nồng độ của khí hoặc hơi chất cháy trong hỗn hợp tới một giá trị mà nếu vượt qua giá trị đó hỗn hợp không bắt cháy được thì giá trị nồng độ đó của chất cháy gọi là GHNBCC.

GHNBCC là nồng độ cao nhất của khí hoặc hơi chất cháy với chất oxy hóa mà nó có khả năng bắt cháy do nguồn bắt cháy nung nóng. [1]

Như vậy, nồng độ của khí hoặc hơi chất cháy nằm trong khoảng từ GHNBCT đến GHNBCC thì hỗn hợp có khả năng bắt cháy, hay còn gọi đó là vùng bắt cháy (vùng cháy); nếu nồng độ của khí hoặc hơi chất cháy nhỏ hơn GHNBCT hoặc lớn hơn GHNBCC thì hỗn hợp không có khả năng bắt cháy hay còn gọi là vùng không bắt cháy (vùng không cháy).



Hình 1: Sơ đồ thể hiện GHNĐBC của Metan (CH_4).
GHNĐBCT: 5% GHNĐBCC: 15%

Trong phạm vi giới hạn nồng độ bắt cháy, giữa GHNĐBCT và GHNĐBCC luôn có một tỷ lệ của chất cháy và chất oxy hóa làm cho tốc độ phản ứng đạt giá trị lớn nhất, toàn bộ lượng chất cháy và chất oxy hóa phản ứng hết để tạo ra sản phẩm cháy hoàn toàn, không có chất cháy và chất oxy hóa dư, nhiệt lượng do phản ứng tỏa ra đạt giá trị lớn nhất. Tỷ lệ đó gọi là tỷ lệ hợp thức hay nồng độ hợp thức. Trong thực tế hiếm khi nồng độ các chất trong hỗn hợp đạt tỷ lệ hợp thức.

Chất cháy	Công thức hóa học	GHNĐBCT (%)	GHNĐBCC (%)
Aceton	$\text{C}_3\text{H}_6\text{O}$	2.6	13.0
Acetylen	C_2H_2	2.5	100.0
Benzene	C_6H_6	1.3	7.9
Butane	C_4H_{10}	1.8	8.4
Carbon Monoxide	CO	12.5	74.0
Ethanol	$\text{C}_2\text{H}_5\text{O}$	3.3	19.0
Ethylene	C_2H_4	2.7	36.0
Gasoline	Xăng	1.2	7.1
Hydrogen	H_2	4.0	75.0
Hydrogen Cyanide	HCN	5.6	40.0
Hydrogen Sulfide	H_2S	4.0	44.0
Methane	CH_4	5.0	15.0
Propane	C_3H_8	2.1	9.5

Bảng 1: GHNĐBC của một số chất cháy [3].

Việc ứng dụng GHNĐBC vào công tác PCCC trong thực tế đều dựa trên cơ sở làm cho nồng độ chất cháy nằm ngoài phạm vi giới hạn nồng độ bắt cháy tức là thấp hơn GHNĐBCT hoặc cao hơn GHNĐBCC.

Trong công tác phòng cháy, mỗi cơ sở, mỗi quy trình công nghệ sản xuất khác nhau sẽ sử dụng các biện pháp ứng dụng GHNĐBC khác nhau phù hợp với mục đích và điều kiện làm việc nhưng vẫn đảm bảo an toàn PCCC và đúng quy định.

Đối với chất cháy lỏng, sử dụng các biện pháp như: thông gió và điều hòa không khí được quy định tại TCVN 5687/2010: Thông gió - điều hòa không khí, Tiêu chuẩn thiết kế; hệ thống thu hồi hơi xăng dầu được quy định tại QCVN 01/2013 - quy chuẩn Quốc gia về yêu cầu thiết kế xăng dầu; thu hồi hơi - khí chất cháy lỏng. Đối với các bể chứa xăng dầu, thiết kế mái nổi (di chuyển theo mực chất lỏng) để triệt tiêu khoảng không tự do trong thiết bị chứa; làm mát bể chứa để nhiệt độ làm việc thấp làm giảm tốc độ bay hơi của chất lỏng.

Đối với chất cháy rắn như: gỗ, nhựa, kim loại... trong quá trình sản xuất tạo ra bụi gỗ, bụi nhựa, bụi kim loại... sử dụng hệ thống thông gió và điều hòa không khí hoặc hệ thống thu hồi bụi.

Đối với các khu vực sản xuất, vệ sinh công nghiệp định kỳ các khu vực sản xuất để hạn chế tồn đọng phế liệu của chất cháy. Đưa nguyên liệu vào xưởng sản xuất phù hợp với công suất làm việc để tránh tồn trữ quá nhiều chất cháy. Lắp đặt hệ thống cảnh báo rò rỉ khí cháy để có biện pháp xử lý sớm khi nồng độ các chất cháy gần đạt tới ngưỡng nguy hiểm cháy, nổ. Lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý nước thải nhiễm chất cháy như: xăng dầu, nước thải sơn và dung môi sơn... Loại trừ sự xuất hiện của nguồn nhiệt ở các khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao.

Đối với công tác chữa cháy cháy, việc ứng dụng GHNĐBC qua việc sử dụng chất chữa cháy là chất trơ: N_2 , CO_2 , Ar...; chất kim hãm phản ứng: Halon, FM200, NAFS... Chất trơ đi vào vùng cháy làm pha loãng nồng độ hỗn hợp cháy, cản trở sự tác dụng giữa chất cháy và chất oxy hóa, làm cho vận tốc phản ứng cháy giảm. Chất kim hãm phản ứng tác động trực tiếp vào các chuỗi phản ứng, làm mất khả năng hoạt động của các tâm hoạt động, làm triệt tiêu các phản ứng hóa học.

Ngoài ra, có thể sử dụng chất chữa cháy bằng nước làm giảm nhiệt độ của vùng cháy, giảm công suất của nguồn nhiệt làm cho giới hạn nồng độ bắt cháy thu hẹp lại, đồng thời hơi nước đi vào vùng cháy có tác dụng làm loãng nồng độ của hỗn hợp cháy khiến cho tốc độ phản ứng cháy giảm. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Tùng, Đào Quốc Hợp, Cao Đức Phong (2004), *Lý thuyết quá trình cháy* - Nxb Khoa học kỹ thuật Hà Nội.
2. Michael G.Zabetakis (1924), *Flammability characteristics of combustible gases and vapors*, copyright 1965 by U.S Department of the Interior, Bureau of Mines.
3. Trịnh Thế Dũng, Nguyễn Hữu Tấn (2004), *Phòng cháy một số quá trình công nghệ sản xuất*, Nxb Khoa học kỹ thuật Hà Nội.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM CỦA CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH TÂY BẮC

Trung tá **TRẦN VĂN DÂN**

Phó Giám đốc Trung tâm Huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ 1, Bộ Tư lệnh Cảnh sát Cơ động

Tóm tắt: Những năm gần đây, dưới sự chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động (CSCĐ), Công an các tỉnh Tây Bắc, công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm của lực lượng CSCĐ trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, bên cạnh đó, công tác này vẫn còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc cần phải được nghiên cứu và đưa ra các giải pháp khắc phục nâng cao hiệu quả hoạt động trong thời gian tới, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm bảo đảm an ninh trật tự trong tình hình mới.

Từ khóa: CSCĐ; đấu tranh phòng, chống tội phạm, địa bàn các tỉnh Tây Bắc.

Abstract: In recent years, under the direction by the Mobile Police Command and the North-western Provincial Public Security Departments, the task of preventing and combating crimes taken by the Mobile Police force in the North-western provinces has achieved rewarding results. However, this still faces many difficulties and obstacles and it is necessary to study and propose measures to improve the operational efficiency in the coming time, meeting the requirements of preventing and fighting crimes to ensure the social security and order in the new context.

Keywords: Mobile police, preventing and fighting crimes, North-western provinces.

Ngày nhận bài: 15/6/2020; **Ngày thẩm định:** 22/6/2020; **Ngày duyệt đăng:** 05/7/2020.

Lực lượng CSCĐ giữ vai trò quan trọng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Đặc biệt, đối với địa bàn Tây Bắc là địa bàn chiến lược về an ninh trật tự (ANTT), nhạy cảm, phức tạp về an ninh chính trị, phức tạp về ma túy và các loại tội phạm khác, vai trò của lực lượng CSCĐ càng không thể thiếu được. Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, Ban Giám đốc Công an các tỉnh Tây Bắc, lực lượng CSCĐ trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc đã đạt được nhiều thành tích trong đấu tranh, phòng chống tội phạm. Trong 10 năm (2010 - 2019), lực lượng CSCĐ trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc trực tiếp phát hiện, đấu tranh và phối hợp đấu tranh 379 vụ, 898 đối

tượng phạm tội có liên quan đến các lĩnh vực khác nhau trong đó có những vụ việc rất phức tạp như: bạo loạn ở Mường Nhé, Điện Biên năm 2011; vụ bắt truy kích, tiêu diệt trùm ma túy Nguyễn Thanh Tuấn cầm đầu đường dây mua bán ma túy đã nhiều năm gây mất an ninh nội bộ, vô hiệu hóa hoạt động của chính quyền tại bản Tà Dê, xã Lóng Luông, huyện Vân Hồ, tiêu diệt 3 đối tượng cầm đầu đường dây... Để đạt được những thành tích xuất sắc đó, là sự cố gắng, nỗ lực không ngừng của cả lực lượng, thậm chí là sự hy sinh xương máu của nhiều cán bộ, chiến sỹ CSCĐ. Những sự cống hiến, hy sinh của các cán bộ, chiến sỹ CSCĐ không chỉ góp phần vào sự nghiệp bảo vệ ANTT mà còn

tạo ra được những hình ảnh tốt đẹp về người cán bộ, chiến sỹ Công an trong lòng nhân dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, lực lượng CSCĐ trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc vẫn còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế, vướng mắc, bất cập thể hiện trên một số phương diện sau:

Trong hoạt động phòng chống tội phạm, nhất là khi thực hiện những hoạt động cụ thể liên quan đến thẩm quyền, trách nhiệm trong giải quyết các vụ việc phức tạp về ANTT cũng như triển khai sử dụng các loại vũ khí, công cụ phương tiện hoạt động lực lượng CSCĐ ở các địa phương trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc còn nhiều lúng túng.

Đặc biệt trong một số tình huống cụ thể gắn với đặc thù địa bàn, chưa xác định rõ được thẩm quyền, trách nhiệm, biện pháp dẫn đến việc xử lý còn chậm, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động phòng, chống tội phạm.

Công tác nắm tình hình có liên quan đến ANTT nói chung và phòng, chống tội phạm nói riêng của lực lượng CSCĐ trên địa bàn các tỉnh khu vực Tây Bắc vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Những thông tin thu thập được chưa nhiều, chưa trọng tâm. Đối với những tin tức quan trọng liên quan đến ANTT nhiều khi chưa được lực lượng CSCĐ phát hiện thu thập kịp thời. Những thông tin thu thập được nhiều lúc còn chưa được xử lý kịp thời, khoa học dẫn đến chưa chủ động ngăn chặn được một số các vụ việc phức tạp về ANTT xảy ra trên địa bàn.

Trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc, liên quan đến các khu vực, các tuyến, địa bàn do lực lượng CSCĐ có trách nhiệm trong phòng, chống tội phạm, tội phạm và vi phạm pháp luật vẫn còn xảy ra nhiều. Nhiều vụ việc xảy ra nhưng công tác phát hiện, trấn áp, xử lý chậm, muộn, thiếu kịp thời. Ở nhiều thời điểm, lực lượng CSCĐ ở các địa phương vẫn còn tình trạng bỏ trống địa bàn hoặc thực hiện các hoạt động phòng, chống tội phạm thiếu tính nghiệp vụ, nặng về hành chính.

Ở một số địa bàn, sự tham gia, ý thức và nhận thức của một bộ phận quần chúng nhân dân trên địa bàn Tây Bắc vào hoạt động phòng, chống tội phạm còn nhiều hạn chế, nhất là số đông bào dân tộc thiểu số thuộc người dân tộc Mông. Tình trạng đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và nhất là đồng bào dân tộc Mông chưa nhận thức đúng về đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và các chính sách, chưa tích cực tự giác tham gia vào công tác tố giác tội phạm, vi phạm pháp luật đặc biệt là chưa thấy được sự nguy hiểm, nhạy cảm của các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch nhằm vào phá hoại chính quyền, phá hoại chính sách đại đoàn kết toàn dân.

Công tác xây dựng phương án, kế hoạch chủ trương, biện pháp phòng, chống tội phạm của lực lượng CSCĐ trên địa bàn các tỉnh khu vực Tây Bắc vẫn còn nhiều khâu thể hiện sự hạn chế và chưa được chú trọng đồng đều. Việc xây dựng và thực hiện diễn tập các phương án có

quy mô lớn, có sự tham gia của nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều lực lượng còn ít, chủ yếu là các phương án có quy mô nhỏ. Tỷ lệ xây dựng các phương án mới ở các địa bàn trong một số thời gian vẫn còn thấp, có năm, cả tỉnh không xây dựng phương án nào. Ở một số địa phương, việc tổ chức diễn tập, thực hành phương án đấu tranh phòng, chống tội phạm vẫn còn hạn chế. Hiệu quả của việc triển khai các phương án đấu tranh phòng, chống tội phạm của lực lượng CSCĐ một số địa bàn còn thấp.

Trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ, chiến sỹ thuộc lực lượng CSCĐ các địa bàn thuộc khu vực Tây Bắc còn nhiều hạn chế chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Khi tổ chức các hoạt động thực binh, hoặc tham gia giải quyết các vụ việc phức tạp về ANTT, nhiều đồng chí lúng túng, chưa biết sử dụng các hoạt động võ thuật, chiến thuật, sử dụng thành thạo vũ khí để truy bắt, trấn áp các đối tượng phạm tội. Có nhiều tình huống bất ngờ xảy ra hoặc đối mặt với các tình huống nguy hiểm trong đấu tranh trấn áp tội phạm nhiều đồng chí không đủ kỹ năng, trình độ để xử lý đảm bảo các yêu cầu pháp luật, nghiệp vụ.

Qua nghiên cứu cho thấy, những khó khăn, hạn chế, tồn tại trên xuất phát từ một số nguyên nhân. Các quy định về mặt pháp lý trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm của lực lượng Cảnh sát Cơ động vẫn còn nhiều bất cập, chậm bổ sung, sửa đổi hoàn thiện. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của CSCĐ trong đấu tranh phòng, chống tội phạm trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc nhiều lúc, nhiều nơi còn chưa được chú ý sâu sát. Công tác nghiệp vụ cơ bản của lực lượng CSCĐ trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc trong đấu tranh phòng, chống tội phạm chưa được quan tâm đúng tầm, chưa bám sát với tình hình đặc điểm địa bàn. Hoạt động tuần tra, kiểm soát của CSCĐ ở các địa bàn trọng điểm, vùng an ninh chiến lược, các địa bàn phức tạp về ANTT trên các tỉnh Tây Bắc chưa được tiến hành có trọng tâm, trọng điểm, chưa thể hiện được các phương pháp, chiến thuật trong TTKS, vì vậy chưa phát huy tích cực đến công tác phòng, chống tội phạm. Công tác huấn luyện về quân sự, võ thuật, kỹ thuật tác chiến của lực lượng Cảnh sát Cơ động tại địa bàn miền núi Tây Bắc vẫn chưa thực sự có những

bước đột phá cho phù hợp với đặc điểm tình hình địa bàn. Cơ sở vật chất, trang bị các loại vũ khí, trang thiết bị, phương tiện nghiệp vụ để tiến hành phục vụ công tác của các đơn vị Cảnh sát Cơ động trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc còn thiếu, chất lượng còn hạn chế. Chưa có quy chế phối hợp hiệu quả giữa các đơn vị trong lực lượng Cảnh sát Cơ động trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc và với các đơn vị có liên quan trong đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Trong thời gian tới, để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm của lực lượng CSCĐ trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc, cần tập trung khắc phục các tồn tại, thiếu sót, hạn chế theo hướng như sau:

Một là, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động phòng, chống tội phạm theo chức năng của CSCĐ. Thực tế, hiện nay hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật quy định về hoạt động phòng, chống tội phạm của lực lượng CSCĐ chưa được xây dựng hoàn thiện và đồng bộ nên hiệu quả chiến đấu chưa cao. Chính vì vậy mà lực lượng CSCĐ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ còn nhiều lúng túng, đặc biệt là các quy định về việc thực hiện biện pháp vũ trang trong đấu tranh phòng, chống tội phạm; việc nổ súng; cơ chế phối hợp trong lãnh đạo chỉ đạo giữa Đảng ủy, Chính quyền với lực lượng Công an trong đấu tranh phòng, chống tội phạm... Trong thời gian tới các quy định này cần tiếp tục được nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Hai là, chú trọng thực hiện có hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và nâng cao năng lực cho lực lượng Cảnh sát Cơ động trong phòng, chống tội phạm trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo là vấn đề máu chốt, quyết định kết quả cuối cùng của công tác phòng, chống tội phạm. Các đơn vị, lực lượng trong lực lượng CSCĐ các cấp cần bám sát Chỉ thị, Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Đảng ủy Công an trung ương, Tỉnh ủy, Đảng ủy Ban Giám đốc Công an tỉnh và các văn bản chỉ đạo của lãnh đạo Bộ về tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong công tác bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới, trong công tác đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm xảy ra trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc để từ đó xây dựng thành Nghị quyết

của từng lực lượng và từng đơn vị trong công tác. Thường xuyên kiểm tra, giám sát và rà soát việc triển khai thực hiện Chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy cấp trên và trong đơn vị. Thực hiện tốt nội dung gắn trách nhiệm cấp ủy chi bộ và lãnh đạo đơn vị trong triển khai thực hiện nghị quyết cấp ủy cấp trên. Cùng với việc tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy, lãnh đạo, chỉ huy các cấp trong lực lượng CSCĐ, yêu cầu nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn và các kỹ năng xử lý, làm việc cho cán bộ, chiến sỹ thuộc đơn vị mình quản lý cũng hết sức quan trọng góp phần đạt hiệu quả cao trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Ba là, tập trung thực hiện có hiệu quả các mặt công tác nghiệp vụ cơ bản của lực lượng CSCĐ gắn với đặc thù địa bàn các tỉnh Tây Bắc: làm tốt công tác điều tra cơ bản, công tác xây dựng sử dụng cơ sở bí mật gắn với đặc thù địa bàn Tây Bắc, gắn với đối tượng quản lý, mục tiêu bảo vệ của lực lượng CSCĐ. Lực lượng CSCĐ cần tập trung điều tra, nắm tình hình về đối tượng khủng bố, các loại tội phạm thường hoạt động, tập trung chủ yếu vào thời gian diễn ra các sự kiện lịch sử quan trọng như: những dịp bảo vệ các ngày lễ lớn của dân tộc, những sự kiện hội nghị quốc tế diễn ra trên địa bàn; các đối tượng là người đồng bào dân tộc thiểu số đã từng tham gia vào các hoạt động chống đối chính quyền, gây rối, bạo loạn chính trị... Trong công tác xây dựng, sử dụng cơ sở bí mật khắc phục tình trạng xây dựng công tác viên bí mật chạy theo số lượng mà chưa quan tâm đến chất lượng. Đảm bảo công tác xây dựng công tác viên bí mật phải theo chức năng, nhiệm vụ của lực lượng CSCĐ đã được phê duyệt theo từng năm và trong từng giai đoạn.

Bốn là, đổi mới hoạt động tuần tra, kiểm soát ở các địa bàn trọng điểm, vùng an ninh chiến lược, các địa bàn phức tạp về an ninh, trật tự trên các tỉnh Tây Bắc. Trong quá trình tuần tra kiểm soát, cán bộ, chiến sỹ phải nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, thực hiện đúng quy trình tuần tra. Công tác tuần tra phải đảm bảo yếu tố bí mật, bất ngờ, không tuần tra theo quy luật về thời gian cũng như về tuyến đường. Khi có vụ việc xảy ra, tổ tuần tra cần nhanh chóng kiểm soát mọi diễn biến tình hình, báo cáo kịp thời cho cấp trên, chủ động xử

lý kịp thời theo đúng trình tự của pháp luật, đảm bảo tuyệt đối an toàn về người và vũ khí, trang bị. Ngoài ra, lực lượng CSCĐ cần thường xuyên thay đổi và kết hợp các hình thức tuần tra phù hợp với tình hình thực tế. Phải kết hợp chặt chẽ các biện pháp nghiệp vụ, tuyên truyền vận động và tranh thủ sự ủng hộ của quần chúng nhân dân, phối kết hợp với các lực lượng trong và ngoài ngành trong việc phòng ngừa và xử lý vụ vi phạm. Kết hợp nhuần nhuyễn các hình thức tuần tra kiểm soát, chú ý đặc thù địa bàn miền núi, sử dụng chó nghiệp vụ và kỵ binh có hiệu quả trong công tác tuần tra tại các địa bàn hiểm trở, khó khăn.

Năm là, đổi mới công tác huấn luyện về quân sự, võ thuật, kỹ thuật tác chiến của lực lượng Cảnh sát Cơ động tại địa bàn miền núi Tây Bắc, thường xuyên bổ sung xây dựng phương án tác chiến phòng, chống tội phạm và diễn tập thực binh phương án thuần thực để chủ động triển khai lực lượng khi có tình huống phức tạp xảy ra. Tăng cường, đổi mới các hoạt động huấn luyện võ thuật, quân sự, kỹ thuật tác chiến cho cán bộ, chiến sỹ lực lượng CSCĐ của E24 và thuộc các phòng PK02 các tỉnh Tây Bắc. Rèn luyện thể chất đảm bảo sức khỏe, sức bền, sức dai. Thường xuyên rà soát, bổ sung điều chỉnh và xây dựng những phương án tác chiến của lực lượng CSCĐ khi giải quyết các vụ việc phức tạp về ANTT. Các phương án tác chiến được xây dựng phải phù hợp với địa hình và đặc thù các điều kiện khác của vùng miền núi Tây Bắc và thường xuyên phải được điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi trong thực tế. Cần tổ chức các hoạt động diễn tập thực binh cho cán bộ, chiến sỹ, việc diễn tập thực binh sẽ giúp cho cán bộ chiến sỹ được thực hành các kiến thức, kỹ năng, khả năng quân sự, võ thuật, tác chiến đã được bồi dưỡng, huấn luyện ra ngoài thực tế.

Sáu là, quan tâm đầu tư các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, phương tiện nghiệp vụ cho lực lượng CSCĐ đáp ứng yêu cầu phòng chống tội phạm trong tình hình mới. Đối với các địa bàn vùng an ninh chiến lược cũng cần xây dựng, trang bị đủ cơ sở vật chất, các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện nghiệp vụ cho lực lượng CSCĐ đáp ứng kịp thời yêu cầu cơ động nhanh, phát huy hiệu quả trong tác chiến và đấu tranh

phòng, chống tội phạm. Trong đó, về lâu dài cần thiết phải xây dựng các tổ hợp kho quân dụng cất giữ vũ khí, trang bị, kỹ thuật, thao trường, nhà trú quân tại các tỉnh Tây Bắc. Đồng thời xây mới bổ sung thêm hệ thống nhà kho cất chứa vũ khí, khí tài, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ cho các đơn vị như: Trung đoàn CSCĐ, Tiểu đoàn CSĐN trực thuộc Bộ Tư lệnh CSCĐ và Phòng CSCĐ - Công an các tỉnh Tây Bắc đảm bảo mỗi đơn vị có 01 kho cất chứa vũ khí, đạn, vật liệu nổ; 01 kho cất chứa công cụ hỗ trợ và thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ có đủ trang bị hệ thống chống ẩm, phòng, chống cháy, nổ. Mỗi Tiểu đoàn trực thuộc 02 kho lâu bền đảm bảo phù hợp với điều kiện của đơn vị gồm 01 kho cất chứa vũ khí, vật liệu nổ; 01 kho cất chứa công cụ hỗ trợ và thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ. Mỗi Đại đội xây dựng 01 kho lâu bền phù hợp với điều kiện của đơn vị. Trong các kho trang bị đầy đủ hệ thống chống ẩm, phòng, chống cháy, nổ, để bảo quản vũ khí, vật liệu nổ công cụ hỗ trợ của đơn vị.

Bảy là, xây dựng và thực hiện có hiệu quả quy chế phối hợp giữa các đơn vị trong lực lượng CSCĐ trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc và với các đơn vị có liên quan trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Để nâng cao hiệu quả hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm, cần xây dựng và thực hiện có hiệu quả quy chế phối hợp giữa E24, PK02 các tỉnh Tây Bắc với các đơn vị nghiệp vụ, các cơ quan tổ chức có liên quan công tác phòng, chống tội phạm.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công an (2019), *Quyết định số 1722/QĐ-BCA ngày 19/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Trung đoàn Cảnh sát Cơ động Tây Bắc thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát Cơ động*, Hà Nội.
2. Nguyễn Thành Lâm (2017), *Sử dụng biện pháp vũ trang trong phòng ngừa tội phạm của lực lượng Cảnh sát Cơ động*, Luận án Tiến sỹ Luật học.
3. Phòng Cảnh sát Cơ động Công an các tỉnh Điện Biên, Yên Bái, Lào Cai, Lai Châu, Hòa Bình, Sơn La, *Báo cáo tình hình kết quả công tác năm từ 2010 -2019*.

ỨNG DỤNG MẠNG XÃ HỘI VÀ BẢN ĐỒ SỐ ĐỂ HỖ TRỢ CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ

Đại tá, TS. NGUYỄN THÀNH LONG

Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, kỹ thuật PCCC, Trường Đại học PCCC

Tóm tắt: Việc ứng dụng công nghệ số trong chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (CNCH) ở nước ta hiện nay còn rất nhiều hạn chế. Nhận và xử lý thông tin trong chữa cháy và CNCH đòi hỏi phải tốc độ và chi tiết vì nó liên quan trực tiếp đến tính mạng của nạn nhân. Ưu điểm của công nghệ số là không thể phủ nhận. Bài viết này sẽ đề cập đến điều kiện kỹ thuật, các bước chi tiết tiến hành để sử dụng 2 phần mềm rất phổ biến là Zalo và bản đồ số để báo tin đa phương tiện và chỉ ra vị trí cháy, tai nạn một cách chính xác về Tổng đài 114; cách Tổng đài xử lý và truyền tin đến các đơn vị huy động, đồng thời giới thiệu biện pháp tổ chức thực hiện và đề xuất kiến nghị kèm theo.

Từ khóa: mạng xã hội, Zalo, bản đồ, thông tin liên lạc, ứng dụng, phần mềm, công nghệ số, cách mạng 4.0, điện thoại, thiết bị, thông minh, báo cháy, chỉ huy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, nổ, giải pháp.

Abstract: The application of digital technology in firefighting and rescue operations in Vietnam still reveals limitations. Receiving and handling information in firefighting and rescue operations require speed and detail as it is directly related to the victim's life. The advantages of digital technology are undeniable. This article will mention technical conditions, steps taken to use two popular softwares including Zalo and digital map for sending multimedia messages and indicating the location of a fire of accident accurately to the 114 operator; the way to process and transmit the information to mobilized units, simultaneously introducing the implementation measures and recommendations.

Keywords: social networks, Zalo, maps, communications, applications, software, digital technology, revolution 4.0, phones, smart devices, fire alarm, command, firefighting, rescue, explosion, measures

Ngày nhận bài: 12/02/2020; **Ngày thẩm định:** 20/3/2020; **Ngày duyệt đăng:** 05/7/2020.

1. Đặt vấn đề

Mạng xã hội bùng nổ và bản đồ số hỗ trợ nhiều lĩnh vực trong cuộc sống nhưng việc ứng dụng cho chữa cháy, CNCH còn rất hạn chế. Trong chữa cháy và CNCH thì việc cung cấp các thông tin cho lực lượng chức năng càng chi tiết càng có cơ hội cứu sống được nhiều người, dập được cháy và xử lý được tai nạn sớm hơn. Việc sử dụng các phần mềm và mạng xã hội hiện có để hiện thực hóa việc ứng dụng công nghệ 4.0 trong chữa cháy và CNCH là trách nhiệm của cộng đồng, nhưng trước hết là của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH. Thông tin ghi lại bằng thiết bị (đầu vào) thông minh và chuyển bằng các phần mềm (app) rất đa dạng tới máy chủ tổng đài hay thiết bị thông minh của người chỉ huy chữa cháy, CNCH bằng Internet. Thông tin truyền

gồm: tin nhắn ký tự (SMS), tin nhắn đa phương tiện (MMS), giọng nói (voice), video trực tiếp (live-video), video (clip), ảnh (picture).

Thông tin này có ưu điểm là trực quan, chi tiết, ghi được thời điểm diễn ra, thời điểm nhận tin (để làm minh chứng khi cần), có thể chuyển cùng một lúc cho nhiều người, dễ lưu trữ, dễ truy xuất, tốc độ cao.

Có nhiều ứng dụng để hỗ trợ việc này, nhưng phạm vi bài viết này chỉ đề cập việc ứng dụng một phần mềm rất phổ biến là Zalo và một phần mềm nền là bản đồ số (Google map) để hỗ trợ chữa cháy và CNCH. Các phần mềm mạng xã hội khác cũng có những ưu điểm nhất định, mỗi địa phương cần nghiên cứu để có thể khai thác tương tự như Zalo sao cho hiệu quả với đặc thù của mình.

2. Điều kiện áp dụng

Điều kiện pháp lý: phương thức thông tin phải được sự cho phép của các cơ quan có thẩm quyền hoặc nằm trong khuôn khổ pháp lý Việt Nam và Bộ Công an.

Điều kiện kỹ thuật: thiết bị đầu (do người báo tin sử dụng) phải là điện thoại hay thiết bị số thông minh hoặc thiết bị kỹ thuật số hỗ trợ cá nhân (PDA) có cài đặt các phần mềm (app) bản đồ số và Zalo đang được sử dụng hợp pháp tại Việt Nam. Thiết bị cuối (do Tổng đài 114 nhận tin) cũng phải sử dụng thiết bị thông minh, điện thoại, PDA có cài đặt đầy đủ tất cả các mạng xã hội, các phần mềm tương tự thiết bị đầu vào và kết nối với máy tính có đủ thiết bị ngoại vi. Thiết bị đầu cuối phải là "bạn" Zalo của nhau và đều phải kết nối Internet tốc độ cao.

3. Cách khai thác ứng dụng

3.1. Dùng Zalo chia sẻ vị trí

Áp dụng cho người báo tin và Tổng đài 114 nhận, xử lý tin báo cháy, tai nạn.

Người báo dùng Zalo để chỉ dẫn vị trí cháy, tai nạn cho Tổng đài 114:

1: mở zalo số đt 114, chọn "kẹp".	2: chọn biểu tượng "Vị trí".	3: chọn "Gửi vị trí hiện tại".	4: chọn "CÓ" để xác nhận.

Tổng đài 114 dùng Zalo để xác định vị trí cháy, tai nạn và chia sẻ:

1: mở Zalo tổng đài 114, chọn bản đồ.	2: chọn nút "Chỉ đường"	3a: nếu là Đội nhận tin, chọn "Bắt đầu"	3b: Đội khác: sửa nơi XP, chọn "Xem trước"
4: hoặc chọn "... " góc trên phải.	5: chọn "Chia sẻ đường đi"	7: chọn các điều chỉnh khác (nếu cần)	8: chia sẻ cho Đội (người) cần điều động

Người báo dùng bản đồ số (Google map) để chỉ dẫn vị trí tai nạn cho Tổng đài 114:

1: mở bản đồ, chọn "≡" góc trên-trái.	2: chọn "Chia sẻ vị trí".	3: chọn "Bắt đầu".	4: tăng thời gian, chia sẻ cho Zalo người nhận

3.2. Dùng Zalo chia sẻ đường đi (Live)

Áp dụng khi người lái xe dùng Zalo để chia sẻ hành trình của xe chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ với Tổng đài 114 và các Đội khác.

Người lái xe chữa cháy		Cán bộ trực tổng đài 114/người chỉ huy	
1: mở zalo 114 hay nhóm, chèn "Vị trí".	2: chọn "Chia sẻ đường đi (LIVE)"	1: mở Zalo, nhấp vào bản đồ.	4: theo dõi đường đi của xe.
			

3.3. Dùng Zalo để truyền ảnh hay truyền thoại video hiện trường

Người báo tin hay nạn nhân có thể sử dụng chế độ "video call" cho Tổng đài 114. Tại đây, các cán bộ trực có chuyên môn sâu sẽ phân tích, đánh giá hiện trường vụ việc. Trong trường hợp tổng đài bận (vì cùng lúc có thể có nhiều người liên lạc đến) hoặc tín hiệu yếu, người báo tin có thể chụp ảnh rồi gửi từng cái một về cho cán bộ trực phân tích ảnh hiện trường.

Ở cấp độ cao hơn, trong trường hợp có nạn nhân bị thương, bị kẹt tại hiện trường; cán bộ trực có thể tư vấn, hướng dẫn nạn nhân tự sơ cứu, tự thoát nạn; hoặc hướng dẫn người xung quanh sơ cứu cho nạn nhân trong khi chờ lực lượng CNCH đến.

4. Giải pháp thực hiện

4.1. Giải pháp tạm thời

Trong khi chờ Bộ Công an sửa đổi Thông tư 27/2017/TT-BCA để cho phép lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH sử dụng mạng xã hội vào công tác chữa cháy và CNCH và khi địa phương chưa có dự án xây dựng hệ thống thông tin chỉ huy điều hành tích hợp viễn thông thông minh vào đầu số 114 thì Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH có thể xin phép Bộ Công an và Công an tỉnh thành cho tiến hành một số giải pháp đơn giản sau:

Chủ động trang bị thêm 1 đầu số điện thoại di động 10 số (nên chọn số thuê bao có số 114 là tốt nhất, ví dụ 0345 114 114) và giao cho Tổng đài 114; đồng thời phổ biến rộng rãi số điện thoại này cho nhân dân biết và kết bạn "Zalo".

Lập nhóm kín Zalo những người làm nhiệm vụ chữa cháy, CNCH của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH (từ cấp Tổ trưởng lên) và Tổng đài 114 để chia sẻ thông tin khi chỉ huy điều hành chiến đấu (thực tế một số địa phương đã thực hiện điều này và phát huy rất hiệu quả).

4.2. Giải pháp lâu dài

Để giải quyết các bất cập trên đòi hỏi phải có các chủ trương, đề án vĩ mô từ cấp Bộ Công an như sau:

4.2.1. Đối với Bộ Công an

Cần có các hướng dẫn, quy định cho phép Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH các địa phương sử dụng Internet và mạng xã hội phục vụ nghiệp vụ chữa cháy và CNCH.

Tham mưu Chính phủ sửa đổi hành lang pháp lý để cho phép lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH được sử dụng Internet và các phần mềm mạng xã hội phục vụ nghiệp vụ PCCC&CNCH.

Xây dựng ứng dụng (app) riêng về báo cháy, tai nạn và an toàn PCCC&CNCH dùng cho thiết bị thông minh, trong đó có chức năng báo tin.

4.2.2. Đối với Cảnh sát PCCC&CNCH thuộc Công an các tỉnh, thành phố

Đề xuất cấp trên để xin chủ trương, xây dựng đề án đầu tư hệ thống tiếp nhận xử lý thông tin và chỉ huy chữa cháy, CNCH đồng bộ với hệ thống của Cục Cảnh sát PCCC&CNCH.

Trang bị các thiết bị thông minh tiếp nhận tin cho Tổng đài 114 để có thể nhận các loại tin đa phương tiện. Mỗi Tổng đài phải có tối thiểu 2 đầu máy 114 cùng hoạt động và một đầu máy dự phòng.

Tuyên truyền để cộng đồng biết cách sử dụng điện thoại thông minh cùng các phần mềm có sẵn để truyền tin cháy, tai nạn về Tổng đài 114.

Chủ động cập nhật lưu trữ các thông tin dữ liệu liên quan đến điều tra cơ bản về cơ sở, dữ liệu PCCC&CNCH phục vụ việc đồng bộ với máy chủ sau ngay khi được trang bị. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thông tư số 27/2017/TT-BCA quy định về quy tắc ứng xử của CAND do Bộ Công an ban hành ngày 22/8/2017.
2. Thông tư số 39/2016/TT-BCA ngày 04/10/2016 của Bộ Công an quy định về việc tiếp nhận xử lý thông tin báo cháy và triển khai hoạt động chữa cháy của lực lượng Cảnh sát PCCC.
3. Đề án xây dựng Trung tâm Thông tin chỉ huy Công an thành phố hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới (2017) - Công an TP Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Mạnh Trường, Nguyễn Nguyễn Như Trang (2018), *Ứng dụng công nghệ định vị và live-stream phục vụ chỉ huy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ*, Tạp chí PC&CC, số 112.
5. <http://cand.com.vn/Toan-dan-phong-chong-toi-pham/Su-dung-hieu-qua-mang-xa-hoi-trong-giu-gin-ANTT-540954/>

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ PHỤC VỤ THÔNG TIN LIÊN LẠC CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

Thượng tá, ThS. TRẦN KIM KHÁNH

Phó trưởng Khoa Chữa cháy, Trường Đại học PCCC

Tóm tắt: Trong chữa cháy và cứu nạn cứu hộ (CNCH), việc đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, nhanh chóng, chính xác, chi tiết và cập nhật là một nhân tố quan trọng góp phần đảm bảo sự thắng lợi và hiệu quả của nhiệm vụ cứu người, dập cháy và bảo vệ tài sản. Tuy nhiên, việc khai thác ứng dụng những thành tựu công nghệ thông tin phục vụ cho chữa cháy và CNCH ở Việt Nam hiện nay vẫn đang nằm ngoài vòng xoáy của cuộc cách mạng khoa học, công nghệ thời kỳ 4.0. Bài viết này phân tích thực trạng việc ứng dụng công nghệ số và thiết bị thông minh vào nhiệm vụ đảm bảo thông tin và điều hành chiến đấu của lực lượng chữa cháy, CNCH hiện nay. Từ đó tìm ra những hạn chế và nguyên nhân; đề xuất những giải pháp về pháp lý và kỹ thuật để ứng dụng công nghệ và thiết bị số vào thực tế chiến đấu.

Từ khóa: thông tin liên lạc, ứng dụng, phần mềm, công nghệ số, cách mạng 4.0, điện thoại, thiết bị, thông minh, báo cháy, hiểm họa cháy, nổ, thực trạng, giải pháp.

Abstract: In firefighting and rescue, ensuring the communication to be smooth, fast, accurate, detailed and updated is an important factor that contributes to the success and effectiveness of the firefighting and rescue mission to save lives, put out fires and protect property. However, the exploitation and application of information technology achievements in fire service in Vietnam still fail to keep up with the 4.0 technological revolution. This article analyzes the current situation of the application of digital technology and smart devices in the task taken by the fire police force to ensure information in firefighting and rescue operations. Accordingly, limitations and causes are identified; legal and technical measures are proposed to apply digital technology and devices in actual operations.

Keywords: communications, applications, software, digital technology, 4.0 revolution, smart phones and devices, fire alarm, fire and explosion hazards, situation, solutions.

Ngày nhận bài: 08/02/2020; **Ngày thẩm định:** 20/3/2020; **Ngày duyệt đăng:** 05/7/2020.

Cùng với sự phát triển của khoa học, công nghệ, kinh tế, xã hội và sự biến đổi khí hậu, các tai nạn thiên tai và hỏa hoạn ngày càng xuất hiện với tần suất nhiều hơn. Thiệt hại về người và tài sản theo đó cũng gia tăng. Bên cạnh đó, xã hội cũng chứng kiến sự bùng nổ của khoa học công nghệ số, trong đó có sự lên ngôi của các thiết bị thông minh và kỹ nguyên của phần mềm ứng dụng. Công nghệ viễn thông 4G sắp đi qua, 5G là lựa chọn trong tương lai gần và trí tuệ nhân tạo đang thay thế con người trong nhiều lĩnh vực.

Số lượng người sử dụng thiết bị như: máy tính bảng, điện thoại thông minh ở Việt Nam để truy cập và giao tiếp trên nền tảng Internet thông qua các phần mềm ngày càng tiệm cận đến con số dân số của quốc gia với tần suất ngày càng cao. Điện thoại thông minh giá rẻ nhưng lại đầy đủ mọi tính năng đã phổ cập đến cả những người có thu nhập thấp ở mọi ngõ ngách và vùng quê trên đất nước Việt Nam. Các phần mềm (app) như: Google map, Zalo, Facebook, Messenger, Viber... không còn xa lạ với bất

kỳ người dân nào. Giá cước viễn thông rẻ và tốc độ truy cập nhanh, băng thông rộng đã tạo điều kiện để người sử dụng, ngoài phương thức truyền thoại, có thể giao tiếp bằng hình ảnh thay thế hay bổ sung cho cách truyền thoại qua điện thoại truyền thống hay điện thoại VoIP.

Trong khi đó, hệ thống điện thoại nhận tin báo cháy và tai nạn sự cố 114 của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH, cơ quan thường trực, lực lượng nòng cốt trong lĩnh vực phòng ngừa và ứng cứu hỏa hoạn và tai

nạn vẫn chỉ dùng các máy cố định hữu tuyến quen thuộc suốt từ những năm 50 của thế kỷ trước đến nay tại tất cả 63 tỉnh thành.

Năm 2011, Cục Cảnh sát PCCC&CNCH đã thực hiện "Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Thông tin Chỉ huy điều hành PCCC&CNCH" sử dụng vốn ODA của Chính phủ Áo (mã số ODA/AO/TTCH/C66-11) xây dựng 01 Trung tâm Chỉ huy điều hành quốc gia đặt tại Cục Cảnh sát PCCC&CNCH, số 2 Đình Lễ, Hoàn Kiếm, Hà Nội và kết nối với 4 trung tâm đặt tại Cảnh sát PCCC&CNCH của 4 thành phố là TP Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Bình Dương và Hải Phòng, dự án đã hoàn thành đi vào sử dụng năm 2016. Tuy nhiên, hiện nay dự án này đang có nhiều hạn chế.

Lãnh đạo phòng, Ban Chỉ huy và cán bộ tại Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH các địa phương trên chưa thực sự quan tâm đến việc khai thác hệ thống; các Đội PCCC&CNCH quận, huyện chỉ sử dụng chức năng tiếp nhận tin báo cháy, tai nạn; không khai thác hết tính năng hệ thống. Trung tâm Chỉ huy cấp Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH chưa cập nhật dữ liệu về cơ sở, giao thông, nguồn nước, các báo cáo các vụ cháy, nổ, tai nạn nên việc khai thác rất hạn chế. Trung tâm Chỉ huy quốc gia không nhận được thông tin về các dữ liệu đó từ Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH. Không bảo trì, bảo dưỡng hệ thống.

Nguyên nhân là do thay đổi về cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Công an, cán bộ vận hành chuyển đổi nơi công tác, có nơi mới 100%. Trình độ của cán bộ tại Trung tâm về lĩnh vực công nghệ thông tin còn hạn chế, thiếu cán bộ giỏi dẫn đến việc chưa khai thác hết các chức năng nâng cao, ưu việt của hệ thống. Không cập nhật dữ liệu vụ cháy tai nạn lo ngại ảnh hưởng đến thành tích thi đua.

Tại 59 tỉnh thành còn lại, các Trung tâm Thông tin 114 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH vẫn sử dụng điện thoại thông thường trong khi số lượng thông tin phải tiếp nhận và xử lý mỗi ngày đang tăng dần, nội dung cũng phong phú hơn. Tại Trung tâm Chỉ huy 114 của TP Hồ Chí Minh (nơi tiếp nhận cả cuộc gọi đến của số điện thoại 113 và 115) đặt tại Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hồ Chí Minh, trung bình hàng ngày tiếp nhận thông tin của khoảng 20 vụ tai nạn và cháy (tính cả các vụ cháy cột điện, xe mô tô và cháy rác) chủ yếu bằng điện thoại của người dân gọi đến.

Trung bình một vụ cháy hay tai nạn đó, có 5 cuộc điện thoại gọi báo. Như vậy, chỉ riêng đầu số 114, trong vòng 24 giờ tổng đài nhận được xấp xỉ 100 cuộc đàm thoại.



Hình 1: Sơ đồ thông tin đầu vào của Tổng đài 114.

Các thông tin tối thiểu cần biết về vụ tai nạn, vụ cháy mà cán bộ trực thông tin 114 cần phải nắm bắt được thể hiện trong bảng hỏi dưới đây (bảng 1).

TT	Nội dung hỏi	Lưu chép	Ghi chú
1	Tên cơ sở, phương tiện, hạng mục bị nạn?		Cái gì, bởi tại làm sao?
2	Chất cháy chủ yếu?		
3	Chất độc, chất độc chủ yếu?		
4	Yếu tố nguy hiểm, nguy cơ sập đổ?		
5	Nhận định nguyên nhân ban đầu?		Bao giờ, ai thấy, thế nào, ở đâu?
6	Thời điểm xảy ra, xảy ra bao lâu rồi?		
7	Họ tên người báo tin?		
8	Quan hệ của người báo tin với cơ sở? (chủ nhà, hàng xóm, người đi đường...)		
9	Mức độ, diễn biến?		
10	Có bao nhiêu nạn nhân?		
11	Tên, tuổi nạn nhân?		
12	Giới tính nạn nhân?		
13	Tình trạng sức khỏe, tinh thần của nạn nhân?		
14	Địa chỉ (gián tiếp, km số?), biển số, người điều khiển phương tiện bị nạn?		
15	Gần công trình tiêu biểu, đặc trưng nào?		
16	Gần những đường nào?		
17	Gần ngã ba, ngã tư?		
18	Tiếp cận từ hướng nào tới cơ sở?		
...	...		

Bảng 1: Bảng hỏi của cán bộ trực thông tin.

Cán bộ trực sẽ chuyển các thông tin có giá trị cho người chỉ huy và hoặc cho các đơn vị được huy động. Sau đó thông báo, yêu cầu các cơ quan có liên quan như: cấp trên, điện lực, cấp nước, y tế, các đơn vị ký quy chế phối hợp, chính quyền và công an sở tại thực hiện các nhiệm vụ: theo dõi, chỉ đạo, cắt điện, tăng áp trụ, bảo đảm công tác dân vận, giao thông trật tự...



Hình 2: Sơ đồ thông tin đầu ra của Tổng đài 114.

Hạn chế của thực trạng trên là dễ bỏ sót hay bỏ trễ các thông tin có giá trị. Các Trung tâm và Tổng đài 114 phải ghi nhận nhiều thông tin chỉ qua cách truyền thoại truyền thống trong một khoảng thời gian ngắn nên gây khó khăn cho người trực do có thông tin trùng nhau nhưng cũng có thông tin mới không kịp cập nhật, trong khi mạng sống của nạn nhân tại hiện trường chỉ tính bằng phút, giây.

Tốc độ xử lý thông tin chậm, các thông tin này lại tiếp tục cần được xử lý, trong khi số lượng cán bộ trực/ca có hạn; họ vừa phải khai thác thông tin từ người báo, vừa phải lưu trữ (chủ yếu là ghi chép, từ TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Hải Phòng), vừa phải truy cập vào hệ thống cơ sở dữ liệu nền (bản đồ, sơ đồ mạng lưới đội chữa cháy và CNCH...) để xác định các thông tin rồi mới chuyển các thông tin có giá trị đến người chỉ huy, đến các đơn vị sẽ được điều động.

Thời gian truyền tin kéo dài, cán bộ trực phải chuyển tin trực tiếp và lần lượt cho từng người một, gồm: người chỉ huy; các đơn vị được huy động; các đầu mối cần báo cáo, cần phối hợp bằng mạng vô tuyến hay hữu tuyến.

Chất lượng thông tin không đảm bảo được truyền trọn vẹn, tín hiệu bộ đàm có thể mất sóng, pin nhanh hết, đường dây điện thoại hữu tuyến không được thiết lập nhanh tại hiện trường.

Thực trạng trên cho thấy, hệ thống thông tin liên lạc hiện tại của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH lạc hậu so với sự đòi hỏi của thực tiễn chiến đấu và sự phát triển chung của công nghệ số và công nghệ viễn thông. Tính ưu điểm của hệ thống hiện tại rất ít, trong khi những hạn chế thì rất nhiều. Điều này ảnh hưởng lớn đến hiệu quả của công tác ứng cứu;

không phát huy hết được khả năng chiến thuật của các đơn vị.

Hệ thống thông tin cần được quan tâm, tăng năng lực khai thác các hệ thống hiện có (4 tỉnh của dự án ODA của Cộng hòa Áo) và đầu tư nâng cấp cho các tỉnh chưa có (59 tỉnh còn lại).

Nguyên nhân là do lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH các địa phương, đứng đầu là lãnh đạo phòng chưa nhận thức đầy đủ, chưa thực sự quan tâm đến nội dung thường trực và công tác chiến đấu. Một số ít đã nhận thức được nhưng chưa quyết liệt trong việc đề xuất cấp trên chuyển đổi, nâng cấp và thực hiện. Lãnh đạo cấp Trung ương và các Bộ, Ban, Ngành liên quan chưa nghe được các ý kiến đề xuất từ thực tiễn chiến đấu của các địa phương, chưa được các đơn vị chức năng đề xuất tham mưu đầy đủ. Các nhà khoa học, các trung tâm nghiên cứu khoa học về lĩnh vực PCCC&CNCH và công nghệ thông tin, viện thông chưa có những công trình nghiên cứu để đưa ra được các căn cứ, làm tiền đề cho các nhà quản lý đề xuất lên các ban ngành quan tâm nâng cấp hệ thống thông tin chữa cháy cứu nạn cứu hộ. Kinh phí cho việc chuyển đổi nâng cấp là số tiền lớn. Thiếu kinh phí duy trì bảo dưỡng sau khi sáp nhập Cảnh sát PCCC và Công an tỉnh thành (Hải Phòng). Hạ tầng viễn thông và dữ liệu PCCC&CNCH của nhiều cơ sở, nhiều tỉnh thành chưa có. Thiếu hành lang pháp lý để lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH được khai thác sử dụng Internet phục vụ công tác nghiệp vụ của mình (vướng Điều 13, Thông tư số 27/2017/TT-BCA).

Một tổng đài thông tin thông minh sẽ hỗ trợ đắc lực và giải quyết được nhiều vấn đề không chỉ cho cán bộ trực mà cả người chỉ huy. Tổng đài sẽ bao gồm máy chủ kết chứa các dữ liệu nền, bao gồm: bản đồ địa bàn tích hợp bản đồ nguồn nước, bản đồ các đơn vị chữa cháy, CNCH, các cơ sở kèm dữ liệu về tính chất hoạt động, lực lượng phương tiện tại chỗ... Các máy tính tại các đơn vị lẻ trong tỉnh thành đó kết nối và khai thác dữ liệu chung với máy chủ qua hệ thống Internet tốc độ cao. Có thể khai thác hay tích hợp thêm dữ liệu từ hệ thống camera giao thông của Cảnh sát Giao thông, VOV giao thông, Vietmap và các đơn vị liên quan.

Các máy điện thoại 114 phải là điện thoại thông minh kết nối với máy tính để

tự động ghi âm và so sánh vị trí điện thoại người gọi đến, tên cơ sở rồi so sánh với các dữ liệu máy chủ. Song song với thời điểm Trung tâm 114 nhận tin, các trung tâm lẻ gần cơ sở cũng tự động kích hoạt để nhận được các thông tin này, nó sẽ báo động để lực lượng trực tại đó có thời gian chuẩn bị trước. Khi thông tin chính thức được xác nhận thì họ chỉ việc xuất quân và xe chữa cháy, CNCH lên đường.

Để giải quyết các bất cập trên đòi hỏi phải có các chủ trương, đề án vĩ mô và các giải pháp trước mắt, từng bước chuyển đổi và hiện đại hóa, số hóa và đồng bộ hóa với hệ thống chỉ huy điều hành của lực lượng PCCC&CNCH.

** Giải pháp gần, có thể thực hiện được ngay là:*

Bộ Công an cần có các hướng dẫn, quy định cho phép Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH các địa phương sử dụng Internet và mạng xã hội phục vụ nghiệp vụ chữa cháy và CNCH.

Công an tỉnh và Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH các địa phương, cần trang bị các điện thoại hay thiết bị thông minh làm thiết bị "cuối" của Tổng đài 114 để có thể nhận được tất cả các loại tin nhắn về: ảnh, video, âm thanh, file mềm... Mỗi tỉnh tối thiểu phải có 2 máy cùng số 114 hoạt động 24/24 giờ và một máy 114 dự phòng. Trang bị máy tính kết nối với điện thoại để lưu trữ số liệu, ghi âm giọng nói. Chủ động làm việc với viễn thông tỉnh để thực hiện việc chuyển đổi trên. Tuyên truyền để cộng đồng biết cách sử dụng điện thoại thông minh cùng các phần mềm liên lạc có sẵn để báo tin cháy, tai nạn về Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH qua tổng đài. Song song với việc lưu bản cứng, chủ động tích lũy, số hóa và cập nhật các thông tin dữ liệu cơ sở theo số liệu điều tra cơ bản về cơ sở, phục vụ việc đồng bộ với máy chủ sau này khi được trang bị.

** Giải pháp vĩ mô cần triển khai thực hiện như sau:*

Bộ Công an cần tham mưu Chính phủ sửa đổi hành lang pháp lý để cho phép lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH được sử dụng Internet và các phần mềm mạng xã hội phục vụ nghiệp vụ PCCC&CNCH. Xây dựng ứng dụng (app) riêng về báo cháy, tai nạn và an toàn PCCC&CNCH dùng cho thiết bị thông minh, trong đó có chức năng báo tin.

Cảnh sát PCCC&CNCH thuộc Công an các tỉnh, thành phố, cần đề xuất cấp trên

để xin chủ trương, xây dựng đề án đầu tư hệ thống tiếp nhận xử lý thông tin đồng bộ với hệ thống chỉ huy điều hành chữa cháy và CNCH của tỉnh, kết nối với Cục Cảnh sát PCCC&CNCH. Chủ động xây dựng dự toán kinh phí để duy trì hoạt động và bảo dưỡng hệ thống hàng năm, lấy từ ngân sách tỉnh. Bố trí cán bộ trực có kinh nghiệm đã qua thực tế chiến đấu rồi được đào tạo khai thác hệ thống thông tin này. Trong đó họ đảm nhận thêm nhiệm vụ xử lý dữ liệu, hướng dẫn và tư vấn trực tuyến cho người bị nạn cách tự bảo vệ mình, cách thoát ra trong khi chờ lực lượng chữa cháy cứu nạn, cứu hộ đến.

Người dân và các cơ sở cần chủ động bảo vệ mình bằng cách tìm hiểu các kiến thức về an toàn PCCC&CNCH, tìm hiểu cách cung cấp thông tin cháy, nổ, tai nạn cho Trung tâm Chỉ huy điều hành đặt tại Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH địa phương. Tải và truy cập, cách truy cập, sử dụng app chỉ dẫn an toàn PCCC&CNCH.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thông tư số 27/2017/TT-BCA quy định về quy tắc ứng xử của CAND do Bộ Công an ban hành ngày 22/8/2017.
2. Thông tư số 39/2016/TT-BCA ngày 04/10/2016 của Bộ Công an quy định về việc tiếp nhận xử lý thông tin báo cháy và triển khai hoạt động chữa cháy của lực lượng Cảnh sát PCCC.
3. Thông tư số 20/2014/TT-BCA ngày 20/5/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình CNCH của lực lượng Cảnh sát PCCC.
4. Thông tư số 50/2017/TT-BCA của Bộ Công an quy định về việc thường trực sẵn sàng chữa cháy CNCH của lực lượng Cảnh sát PCCC.
5. Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Thông tin, chỉ huy điều hành PCCC&CNCH sử dụng vốn ODA của Chính phủ Áo (mã số ODA/AO/TTCH/C66-11).
6. Đề án xây dựng Trung tâm Thông tin chỉ huy Công an thành phố hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới (2017) - Công an TP Hồ Chí Minh.
7. Nguyễn Mạnh Trường, Nguyễn Nguyễn Như Trang (2018), *Ứng dụng công nghệ định vị và live-stream phục vụ chỉ huy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ*, Tạp chí PC&CC, số 112.



Trường Đại học PCCC tham gia Hội diễn Nghệ thuật quân chủng CAND lần thứ XI – khu vực I.

Ảnh: Thái Thụy.



Đại tá, TS. Phạm Văn Năm – Phó Hiệu trưởng Trường Đại học PCCC trao giải cho cán bộ, chiến sỹ nữ trong nhà trường tham gia Cuộc thi "Nét đẹp gia đình Hội viên Trường Đại học PCCC qua ảnh".

Ảnh: Hồng Vân.



Đại tá, TS. Lê Quang Hải – Phó Hiệu trưởng Trường Đại học PCCC động viên, khích lệ tinh thần học viên nữ nhà trường tham gia huấn luyện tại Trung tâm Huấn luyện và Bồi dưỡng nghiệp vụ 1, Bộ Tư lệnh Cảnh sát Cơ động. Ảnh: Trang Huyền.



Các đội tuyển tranh tài tại Hội thi Thể thao nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ vòng loại, khu vực XI của Trường Đại học PCCC.

Ảnh: Thái Thụy.